ARC HOANG 6

^

Lâm-Tuyền Kỳ-ngộ

<u>Các bản nôm</u>. Sau đây, tôi phiên âm theo một bản

<u>Bản A</u> viết cũ, khổ dài, hàng tám, chữ số, đẹp. Bản này chép trước năm 1826, vì có kẻ chép thêm vào bướng cuối lịch năm Minh-mệnh thứ 7. Bài thứ 112, câu thứ 4 có chữ Chủng viết theo lối húy 種 (tên Vua Gia-long) Như vậy, bản viết này đã viết vào khoảng 1802–1826.

(Chữ 宗, 實, 环, 蘭 đều không húy, mà chữ chủng cũng có nơi không húy)

Tuy chữ nôm viết rất đúng và cẩn thận, một vài chữ lầm vì tự dạng (chữ cóc 各 làm ra 咯) chứng tỏ đây chỉ là một bản sao, chứ không phải chính-bản. Và chăng xưa đã có người kiểm điểm chữa bằng nét son

<u>Bản B</u>. Bản khắc năm Thành-thái 1899 (Kỷ-hợi, năm thứ 11) khổ nhỏ, chữ xấu, sai nhiều. So với bản A, thấy nhiều chữ đổi, nhưng phần lớn các bài theo thứ tự như nhau và hợp nhau. Dị-điểm lớn như sau Bản B ~~không~~ có thêm ~~bài~~ một bài sau số 29, mà ta có thể xen vào giữa 29 và 30 (gọi là 29 b). Sau số 110, bản B có hai bài, mà lại thiếu cái bài 111 và 112. Tôi gọi hai bài thêm kia là 111b và 112b. Tuy vẫn theo lối và giọng các bài khác, hai bài này hình như hơi trùng-ý với 111 ~~và 112~~

Bản B không có bài cuối 147. Trái lại cuối bản B có một bài thơ bốn-~~[illegible]~~ câu và một ca-khúc chắc kẻ đời sau thêm vào.

BULAC

BẠCH-VIÊN

THI - TẠP

(Chuyện Bạch Viên Tôn Các)

HOÀNG XUÂN-HÃN

phiên âm theo một bản viết nôm cũ

Bản này viết tay vào khoảng 1802-1826.
(xem N81)
Lại có so sánh với bản in 林泉奇遇
(xem AN78)
in đời Thành Thái 1899

MỤC LỤC

Bài số

1. Bạch Viên ở Phi-lai (qui y theo Huyền tang (1-9)
2. Bạch Thị ở Thạch tuyền (hiện ra mỹ-nữ) (10-15)
3. Tôn-sinh qua đường (thi hỏng về quê) (16-25)
4. Tôn sinh ngụ ở Thạch tuyền (Bạch thị đưa tới) (26-32)
5. Tôn Bạch kết duyên (33-41)
6. Nhàn-vân xui thủ giới m (42-50)
7. Tan rồi hợp lại (51-61)
8. Bạch thị tiễn Tôn đi thi (62-68)
9. Bạch thị viếng Huyền tang (69-74)
10. Bạch thị về tiên (75-79)
11. Tôn sinh xót xa (80-86)
12. Thi đậu trẩy về (87-91)
13. Nhờ Huyền tang xây tháp (92-99)
14. Tôn sinh về Quảng xuyên (thăm cha mẹ) (100-108)
15. Tôn sinh và kinh chầu vua (109-116)
16. Bạch thị xin trở lại (117-122)
17. Bạch-thị xuống Quảng xuyên (123-127)
18. Bạch thị yết Huyền tang (128-131)
19. Bạch Tôn tái-hợp (132-138)
20. Vua ban thưởng (139-147)

MỤC LỤC

Bài số

1. Bạch Viên ở Phù-lai (quê y theo Huyền trang) (1-9)
2. Bạch Thị ở Thạch tuyền (tu viện ma mỹ nữ) (10-15)
3. Tôn-sinh qua đường (thi hỏng về quê) (16-25)
4. Tôn sinh ngụ ở Thạch tuyền (Bạch Thị đưa tới) (26-32)
5. Tôn Bạch kết duyên (33-41)
6. Nham-Văn xui thủ quán (42-50)
7. Con nai hóa lại (51-61)
8. Bạch Thị tiễn Tôn đi thi (62-68)
9. Bạch Thị mừng Huyền trang (69-74)
10. Bạch Thị về tiên (75-79)
11. Tôn-sinh xót xa (80-86)
12. Thi đậu trảy về (87-91)
13. Nhà Huyền trang xây thất (92-99)
14. Tôn sinh về Quảng xuyên (thăm cha mẹ) (100-108)
15. Tôn sinh về kinh chầu vua (109-116)
16. Bạch Thị xin trở lại (117-122)
17. Bạch Thị xuống Quảng xuyên (123-127)
18. Bạch Thị yết Huyền trang (128-131)
19. Bạch Tôn tái-hợp (132-138)
20. Vua ban thưởng (139-147)

BẠCH Viên ở chùa PHI LAI

I.- LÂM ~~x~~ TUYỀN KỲ-NGỘ

泉林奇遇

Giữa trời thánh chúa nối ngôi càn,
Chín vạc xây nên vững Thái-bàn.
Dủ chấp ngai vàng ra chính-giáo,
Xum-vầy bệ ngọc đống y-quan.
Bể thanh kình ngạc hơi tăm vắng,
Ải bạt sài lang ngọn khói tan.
Đời trị thú vui trời mọi chốn,
Nước non mặc kẻ chí thanh-nhàn.

泰盤
政教
董, 衣冠

o-o-o-o-o-o

2.- H U Y Ề N T R A N G

玄莊

Chân-như vốn chịu tính thiên-nhiên,
Nắm-nắm hôm mai đạo thánh hiền.
Nước trí, non nhân nên [1] ~~đường~~ quyến-luyến
Trường [2] danh, cửa lợi ~~ngại~~ biếng [3] bon-chen.
Phong-song [4] từng mảng kinh Tây-trúc,
Tượng-giáo hằng vui [5] đạo túc-thiền.
Mảy chút trần-ai chi khứng lụy,
Thanh-nhàn còn đợi thú lâm-tuyền.

真如
念
夸 壇
蜂窓 嘍
象教 宿禪
肯

(2). Đường – (1) vui – ~~(3) Biếng~~ – (4) Tung 嵩 – (5) Quen

Bạch Viên ở chùa Phi Lai

1.- LÂM M TUYỀN KỲ-NGỘ

Giữa trời thành chùa nổi ngôi cao,
Chín vạc xây nên vững Thái-bàn.
Dù chắp ngai vàng ra chính-giáo,
Xum-vầy bệ ngọc đông y-quan.
Bể thanh kinh ngạc hơi tam vắng,
Ắt bặt sắt lang ngọn khói tan.
Đời trị thú vui trời mọi chốn,
Nước non mặc kể chí thanh-nhàn.

o-o-o-o-o-o-o

2.- HUYỀN TRANG

Chân-như vốn chịu tính thiên-nhiên,
Nếm-nắm hôm mai đạo thánh hiền.
Nước trị, non nhàn nên đường-luyện-luyện
Trường danh, cửa lợi ngại bon-chen.
Phong-song từng mảng kinh Tây-trúc,
Tượng-giáo hằng vui đạo túc-thiện.
Mấy chút trần-ai chi khúng lụy,
Thanh-nhàn còn đợi thú lâm-tuyền.

(2) Đường - (4) vui - (3) Bướng - (4) Tùng 嵩 - (5) Quen

3.- CẢNH-TRÍ PHI-LAI

飛來景致

Khác vời thế-giới khắp ba nghìn,
Ướm[1] có thanh-tao cảnh tự-nhiên.
Gió trúc đưa hương lừng bệ ngọc,
Cầm thông dáng kệ nức am tuyền.
Nước non quyến khách (say) mùi đạo,
Hoa cỏ đua tang tới cửa chiền.
Pháp-giới mấy đường phong-cảnh ấy,
Qui-y dầu-mạc khách tham-thiền.

揾 呼 泉 脊 皈依 參禪

o-o-o-o-o-o

4.- HUYỀN-TRANG Ở CHÙA

玄莊居奈

Tang-phòng chi để lụy trần-duyên,
Lẩn-quất am thanh náu gót tiên.
Áo nẹp (nạp)[1], giày gai hằng ghín[2] giữ,
Mám[3] thông, trà bách dễ nên quen.
Chuông khua mấy tiếng tan niềm tục, (so với 4 thành Tây)
Kệ dáng ba canh dứt mối phiền.
Một chiếc từ-hàng[4] dầu chảúa chở[5],
Độ[6] người đem[7] lại cảnh Tây-thiên.

衲 謹 鰾 柏 鰻 慈航 翥 遣

3) 1. Dường
4) 1. Bả — 2. Vốn — 3. Cơm — 4. Thuyền từ — 5. Tế-độ
6. Đem — 7. Điều 調

1 衲 xem 8/3

3.- CẢNH-TRÍ PHI-LAI

Khác với thế-giới khắp ba nghìn,
Ươm[1] có thanh-tao cảnh tự-nhiên.
Gió trúc đưa hương lừng bệ ngọc,
Cầm thông đẳng kệ rức am tuyền.
Nước non quyến khách mải[say] đạo,
Hoa cỏ đưa tang tới cửa chiền.
Pháp-giới mấy đường phong-cảnh ấy,
Qui-y đâu-mặc khách tham-thiền.

o-o-o-o-o-o-o

4.- HUYỀN-TRANG Ở CHÙA

Tang-phòng chi để lụy trần-duyên,
Lẩn-quất am thanh nẻu gót tiên.
Áo nạp,[?] giày gai hằng ghìn[2] giữ,
Mâm[3] thông, trà bách dễ nên quen.
Chuông khua mấy tiếng tan niềm tục,
Kệ đẳng ba canh dứt mối phiền.
Một chiếc từ-hàng[4] dầu chứa chở,[5]
Độ[6] người đem[7] lại cảnh Tây-thiên.

3) 1. Đường
4) 1. Bộ — 2. Với — 3. Cơm — 4. Thuyền từ — 5. Tế độ
6. Đem — 7. Đức Phật

5.- BẠCH-VIÊN ĐẾN NGOÀI CHÙA

白猿到寺外

Non xanh, cây thẳm áng vân-biên,
Lẩn-quất chiều ai tới cửa chiền.
Khuya sớm lân-la ngoài viện trúc,
Hôm mai nấn-ná dưới am tuyền.
Đêm thanh mải kệ nương thềm nguyệt,
Ngày vắng nghe kinh náu bóng hiên.
Một mối sự lòng ai kẻ biết,
Rạng soi thấu chẳng, hỏi gương thiền ?

雲边
朝 so với 21/2

o-o-o-o-o-o

6.- HUYỀN-TRANG TỤNG KINH

玄莊誦経 救苦

Chợt mảng cầu duyên tới cửa già,
Chạnh niềm nên phải gắng công gia.
Hương dâng ngày nhẫn vừng ô xế,
Kệ đọc đêm thâu bóng ác tà.
Cửa độ ước-ao công-đức vẹn,
Thuyền từ mong-mỏi tháng ngày qua.
Siêu-sinh ngõ thoát luân-hồi trước,
Kẻo nhọc lòng thiền luống xót-xa.

咻㗅霸
伽
恐

5) 1. 期 → 朝 — 2. 𬮿 → 院 — 3. Giúp rập 扱笠 → 扱 — 4. Dắng
5. Chùa
6) 1. ^ Cứu Khổ — 2. Rắp — 3. Tụng — 4. Bỗ thuở — 5. Tế độ ta

5.- BẠCH-VIÊN ĐẾN NGOÀI CHÙA

白猿到寺外

Non xanh, cây thẫm áng vân-biên,
Lẫn-quất chiều ai tới cửa chiền.
Khuya sớm lân-la ngoài viện trúc,
Hôm mai nấn-ná dưới am tuyền.
Đêm thanh mắt kệ nương thềm nguyệt,
Ngày vắng nghe kinh náu bóng hiên.
Một mối sự lòng ai kẻ biết,
Rạng soi thấu chăng, hỡi gương thiên!

o-o-o-o-o-o-o

6.- HUYỀN-TRANG TỤNG KINH

Chợt mảng câu duyên tới cửa già,
Chạnh niềm nên phải gắng công gia.
Hương đăng ngày nhẫn vùng ô xế,
Kệ đọc đêm thâu bóng ác tà.
Của độ ước-ao công-đức vẹn,
Thuyền từ mong-mỏi tháng ngày qua.
Siêu-sinh ngõ thoát luân-hồi trước,
Kẻo nhọc lòng thiên lưỡng xót-xa.

7.- BẠCH-VIÊN VÀO CHÙA NGHE KINH 白猿入寺院咱經

Từ nghe[1] kinh-giáo dãi bên tai,
Hé cửa tùng-quan[2] tới mạn[3] ngoài.
Khóm-nóm khấu đầu trên bệ ngọc,
Lân-la kề bóng[4] dưới thiền-trai.
Đêm thanh náu gót bên[5] Phạn[6]-viện,
Ngày váng dâng hương trước Phật-đài.
Khấn-nguyện lòng này Tam-bảo chứng,
Một thuyền Bát-nhã[7] để[8] riêng ai.

o-o-o-o-o

8.- HUYỀN-TRANG NUÔI BẠCH-VIÊN 玄莊養白猿

Thấy loài vật mọn[1] khá[2] thương thay,
Tăng-viện bèn cho độ[3] tháng ngày.
Đoản-nạp[4] một manh dùng ấm cật,
Kim-hoàn[5] đôi chiếc xá (đỡ) trao tay.
Hôm mai ~~rèn~~ luyện tập đường thanh[6]-giáo,
Khuya sớm vui quen ~~bạn~~ đạo[7] tó-thầy.
Những ước đều lên miền Tĩnh-độ,
Cam[8] lòng khấn-nguyện bấy lâu nay.

7) 1. Ngày — 2. Hiên 軒 — 3. Mái ngự 㝢 — 4. Mật niệm 密念 — 5. Ngoài — 6. Tăng — 7. Cứu khổ — 8. Chư 渚

8) 1. Bé — 2. Chín — 3. Ngự 寓 — 4. Áo bả (把) — 5. Xuyến vàng 6. Kinh — 7. Đạo — 8. Muốn

7.- BẠCH-VIÊN VÀO CHÙA NGHE KINH

Từ nghe[1] kinh-giáo dắt bên tai,
Hé cửa tùng-quan[2] tới mạn[3] ngoài.
Khóm-núm khấu đầu trên bệ ngọc,
Lăm-la kề bóng[4] dưới thiền-trai.
Đêm thanh nâu gót bên[5] Phạn[6]-viện,
Ngày vắng dâng hương trước Phật-đài.
Khẩn-nguyện lòng này Tam-bảo chứng,
Một thuyền Bát-nhã[7] để[8] riêng ai.

o-o-o-o-o

8.- HUYỀN-TRANG NUÔI BẠCH-VIÊN

Thấy loài vật mọn[1] khá[2] thương thay,
Tăng-viện bên cho độ[3] tháng ngày.
Đoản-nạp[4] một manh dùng ấm cật,
Kim-hoàn[5] đôi chiếc xả trao tay.
Hôm mai rèn tập đường thanh[6]-giáo,
Khuya sớm vui quen bạn[7] tổ-thầy.
Những ước đâu lên miền Tịnh-độ,
Cam[8] lòng khẩn-nguyện bấy lâu nay.

9.- BẠCH-VIÊN QUI-Y TẠI CHÙA NẦY 白猿皈依本寺

Một[1] nhẽ xem đường một lầu[2] thay, 咾咍
Vật sao khôn-khéo lạ-lùng thay.
Thìn[3] mình Phật-giáo lòng tin kính, 辰
Theo thói thiền-su đạo thảo ngay.
Giảng kệ niệm[4] kinh hằng sớm-sớm,[5]
Dâng hoa[6] cúng[7] quả nhẫn[8] ngày ngày.[9]
Tuy rằng tới cảnh vui lòng cảnh,
Một mối[10] niềm đan chửa chút khuây.

o-o-o-o-o

II Bạch-thị ở Thạch-tuyền

10.- BẠCH-VIÊN RỜI PHI-KLAI 白猿别飛来

Kiếp thác[1]-sinh xưa ướm[2] đã qua, 托生愠
Cửa thiền bèn mới lánh chân ra.
Gió thanh[3] đèn nguyệt kìa làm bạn,
Đỉnh[4] quế non[5] thông nọ ấy nhà.
Trải áng rừng[6] xanh muôn dặm khắc,[7] (cách) 恪→格
Trông chừng am cũ mấy ngàn xa.
Vì duyên nên[8] phải dun (đơn)[9] tìm hỏi,[10] 嘹
Mến cảnh[11] còn phen cám sự[12] già. 伽

9) 1. Mọi — 2. Có chí — 3. Nường — 4. Xem — 5. Chờ dạ — 6. Hương
7. Tiến — 8. Nhưng/VB — 9. Liền tay — 10. Tấm
10) 1. Hóa — 2. Uẩy 喽 — 3. Thu — 4. Cửa — 5. Rừng — 6. Non —
7. Cách 隔 — 8. cho — 9. 嘌 (thăm) — 10. Thú — 11. Vắng-vẻ — 12. Đức

9.- BẠCH-VIÊN QUI-Y TẠI CHÙA NẤY

Một nhẽ xem đường một lâu thay,
Vật sao khôn-khéo lạ-lùng thay.
Thân mình Phật-giáo lòng tin kính,
Theo thói thiền-sư đạo thảo ngay.
Giảng kệ niệm kinh hằng sớm-sớm,
Dâng hoa cúng quả nhắm ngày ngày.
Tuy rằng tối cảnh vui lòng cảnh,
Một mối niềm đan chửa chút khuây.

o-o-o-o-o-o

10.- BẠCH-VIÊN RỜI PHI-LAI

Kiếp thác-sinh xưa ướm đã qua,
Cửa thiền bèn mới lánh chân ra.
Gió thanh đèn nguyệt kìa lâm bạn,
Đỉnh quế non thông nọ ấy nhà.
Trải ảng rừng xanh muôn dặm khác,
Trông chừng am cũ mấy ngàn xa.
Vì duyên nên phải dun tìm hỏi,
Mến cảnh còn phen cảm sự già.

11.- HUYỀN- TRANG THƯƠNG TIẾC

玄莊哀惜

Thương thay vật mọn[1] phận[2] bơ-vơ,
Dễ giục lòng thiền luống ngẩn-ngơ.
Ngày mảng[3] cầm ve[4] thêm tưởng nhớ,
Đêm nghe[5] chim gáy[6] những ngong chờ.
Lâm-dâm đèn hạnh năm canh nguyệt,
Bối-rối lòng tằm chín khúc tơ.
Non-nước áng[7] nầy sao nỡ phụ?
Một phen viếng cảnh biết bao giờ.

o-o-o-o-o

12.- HUYỀN-TRANG THAN GIẬN

玄莊嘆恨

Dưa rau đã trải mấy thu chầy,
Lẩn-quất[1] ~~tấm~~ duyên bạn tớ thầy.
Nào thuở nghe kinh tìm tới đấy,[2]
Bây giờ lánh gót nỡ quên đây.
Bén duyên ~~phận~~ hay[3] đã qui miền khác?
Vui thú cho nên lạt chốn[4] nầy?
Muông cỏ vật hèn[5] bao sá[6] tiếc,
Tiếc chăng vì đã bén chân tay.

販

11) 1. Bé – 2. Bống – 3. Vắng – 4. Ve sầu – 5. Thanh – 6. Dế thét
7. Chốn

12) 1. Khuya sớm – 2. Đến – 3. Hay – 4. Cảnh – 5. Nhện – 6. Quản

8

10

玄奘哀惜

11.- HUYỀN-TRANG THƯƠNG TIẾC

Thương thay vật mọn phận bơ-vơ,
Dễ giục lòng thiền luống ngẩn-ngơ.
Ngày mảng cảm về thêm tưởng nhớ,
Đêm nghe chim gáy những ngong chờ.
Lâm-dâm đến hạnh nam canh nguyệt,
Bối-rối lòng tâm chín khúc tơ.
Non-nước ẵng nẫy sao nỡ phụ?
Một phen viếng cảnh biết bao giờ.

o-o-o-o-o-o

玄奘嘆恨

12.- HUYỀN-TRANG THAN GIẬN

Đưa rau đã trải mấy thu chầy,
Lẩn-quất vấn duyên bạn tớ thầy.
Nào thuở nghe kinh tìm tới đây,
Bây giờ lánh gót nỡ quên đây.
Bến duyên phận đã qui miền khác ?
Vui thú cho nên lạt chốn nầy ?
Muông có vật hèn bao sá tiếc,
Tiếc chăng vì đã bén chân tay.

11) 1. Bé – 2 Bống – 3. Vầng – 4. Về đầu – 5 Thanh – 6. Dế thiết ... 7. Chầu
12) 1. Khuyến văn – 2. Đến Đ – 3. Hay – 4. Cảnh – 5. Nhiều – 6. Quên

13.- BẠCH VIÊN HÓA CON GÁI

白猿化女兒

Hóa thân làm vượn kiếp đà qua,
Biến-cải hình-dung khéo não-nà.
Mấy đoạn Sở-vân xuôi tóc phượng,
Nửa vòng thu-nguyệt vạnh mày nga.
Phủ-phê dưới gót phong quần thúy,
Chan-chứa[1] trên[2] mình mớ áo la.
Yểu-điệu gầm chiều phong[3]-thể ấy,
So bề sắc nước[4] dễ ai đà.[5]

惱那
楚雲吹(x21)
永娥
撫批 封翠
禡
丰体

o-o-o-o-o-o

14.- BẠCH-VIÊN Ở THẠCH-TUYỀN

白猿居石泉

Một bầu thế-giới khác xa vời,
Rừng quạnh gây nên thú thảnh-thơi.
Thành-thị[1] chập-chồng[2] muôn trượng núi,
Lâu-đài chận-ngắt[3] một phương trời.
Tùng cầm, trúc địch, no[4] chiều lạ,
Thu-nguyệt, xuân-hoa,[5] sẵn thú[6] vui.
Cảnh-vật mọi đường âu chẳng thiếu,
Thiếu chăng còn một khách trên đời.

松琴竹笛

13) 1. Sặc-sỡ — 2. Trong — 3. Nhờ — 4. Quốc sắc — 5. Qua
14) 1 thành quách — 2. trùng trùng — 3. Sát sát — 4. Cầm thông phách trúc — 5. Quạt gió đèn trăng — 6. Chốn

白猿化女兒

13.- BẠCH VIÊN HÓA CON GÁI

Hóa thân lầm vượn kiếp đà qua,
Biến-cải hình-dung khéo não-nà.
Mấy đoạn Sở-vân xuôi tóc phượng,
Nửa vòng thu-nguyệt vạnh mày nga.
Phủ-phê dưới gót phong quần thủy,
Chan-chứa trên mình mớ áo la.
Yểu-điệu gấm chiều phong-thể ấy,
So bề sắc nước dễ ai đà.

o-o-o-o-o-o-o

白猿居石泉

14.- BẠCH-VIÊN Ở THẠCH-TUYỀN

Một bầu thế-giới khác xa vời,
Rừng quạnh gây nên thú thảnh-thơi.
Thành-thị chập-chồng muôn trượng núi,
Lâu-đài chận-ngắt một phương trời.
Từng cầm, trúc địch, no chiều lạ,
Thu-nguyệt, xuân-hoa, sẵn thú vui.
Cảnh-vật mọi đường âu chẳng thiếu,
Thiếu chăng còn một khách trên đời.

III Tôn sinh

15.- BẠCH-VIÊN NGHĨ LẤY CHỒNG

白猿思配

Nghĩ-ngợi càng thêm vẫn mọi đường.
Bận[1] lòng vì nỗi[2] khách đông-sàng. 東床
Ruột tằm chín khúc vò tơ đỏ,
Giấc điệp[3] năm canh diễn khắc vàng. 演
Cửa động những mong người hái thuốc,
Bên đường[4] luống đợi khách tìm hương.
Kìa ai xe giấy (chỉ) trong cung nguyệt, 紙
Chi để hồng-nhan phận lỡ-làng.

o-o-o-o-o-o

III Tôn Sinh qua đường

16.- TÔN-SINH[1]

孫生稟志

Trâm-anh họ[2] cả vốn con dòng,
Kinh sử hôm mai dốc[3] một lòng.
Đèn hạnh năm canh màn Đổng-tử, 董子
Song mây mấy khắc[4] gối Ôn-công. 溫公
Làng Nhan cửa Khổng lòng ham-hở,
Bể thánh rừng nho sức vẫy-vùng.
Vả đúng văn-chương tài bẻ quế.
Vũ-môn có thủa cá nên rồng. 禹門

o-o-o-o-o-o-o

15) 1. Chạnh — 2. Bởi — 3. Bướm — 4. Nguồn
16 1. Bẩm chí — 2. Nghiệp — 3 [illegible] — 4. Tài

III Tôn-sinh

白猿思配

15.- BẠCH-VIÊN NGHĨ LẤY CHỒNG

Nghĩ-ngợi càng thêm vấn mọi đường.
Bận[1] lòng vì nỗi[2] khách đông-sàng.
Buột tằm chín khúc vò tơ đỏ,
Giấc điệp[3] nằm canh diễn khúc vàng.
Cửa động những mong người hết thuốc,
Bên đường[4] luống đợi khách tìm hương.
Kìa ai xe giấy (chỉ[5]) trong cung nguyệt,
Chớ để hồng-nhan phận lỡ-làng.

o-o-o-o-o-o-o

III Tôn Sinh qua đường

16.- TÔN-SINH[1]

Trăm-anh họ[2] cả vốn con dòng,
Kinh sử hôm mai dốc[3] một lòng.
Đến hạnh nằm canh màn Đổng-tử,
Song mây mấy khắc[4] gốt ôn-công.
Lăng Nhan cửa Khổng lòng ham-hố,
Bể thánh rừng nho sức vẫy-vùng.
Và đứng văn-chương tất bẻ quế.
Vũ-môn có thủa cá nên rồng.

東床

董子

禹門

o-o-o-o-o-o-o

15) 1. Chanh — 2. Bởi — 3. Buồn — 4. Nguồn
16 1. Bằm chi — 2. Nghiệp — 3 … — 4. Tới

17.- TÔN-SINH TRẨY KINH ĐI THI

孫生赴京應試

Chiếu phượng từ nghe mở hội lành,
Vó câu gióng-giả vội đang trình.
Đường hòe họp mặt làng công-tử,
Dặm liễu dan tay khách thị-thành.
Cá nhảy xôn-xao trường vũ-cử,
Chim bay hăm-hở chí công-danh.
Đến dương một phát đưa tên bén,
Đèn sách cho cam thủa học-hành.

攔
武舉禹
奠楊㸂(霙)

o-o-o-o-o-o-o

18.- TÔN SINH THI HỎNG

孫生落第

Vận gặp khi nên lọ ước cầu,
Lạc thiên quân-tử vội gì đâu.
Gươm kia mài sạch càng thêm sáng,
Ngọc nọ ~~giũi~~ (chùi) tô ắt lại mầu.
Kinh-sử khuyên nang ôn vả đọc,
Công-danh ắt chẳng trước thì sau.
Thanh-vân đường hãy thênh-thênh rộng,
Một áng xuân ~~vậy~~ vì chẳng mấy lâu.

樂天君子
沍
鎚

o-o-o-o-o-o-o

17) 1. Tai — 2 禹闈 Vũ-cửa (?) — 3. Lá 葉 (楊) — 4 㸂 (cỡ lẽ bắn)
18) 1. 壬 — 2. 捽 chuốt ? — 3 Trau 抨 — 4. Cũng — 5. Cần
2 Dắc

17.- TÔN-SINH TRẨY KINH ĐI THI

Chiều phương tứ nghe mở hội lành,
Võ câu giong-giả vội đăng trình.
Đường hòe họp mặt làng công-tử,
Dặm liễu đan tay khách thị-thành.
Cá nhảy xôn-xao trường vũ-cử,
Chim bay hăm-hở chí công-danh.
Đến dương một phát đưa tên ~~bắn~~ bèn,
Đèn sách cho cam thuở học-hành.

o-o-o-o-o-o

18.- TÔN SINH THI HỎNG

Vận gặp khi nên lọ ước cầu,
Lạc thiên quân-tử vội gì đâu.
Gươm kia mất sạch càng thêm sáng,
Ngọc nọ ~~xxx~~ (chửi) tô ắt lại mầu.
Kinh-sử khuyên nang ôn vả đọc,
Công-danh ắt chẳng trước thì sau.
Thanh-vân đường hãy thênh-thênh rộng,
Một áng xuân vầy chẳng mấy lâu.

o-o-o-o-o-o

19.- TÔN-SINH VỀ LÀNG

孫生回鄉

Ra từ kinh-quốc lại hồi-hương,
Lẩn-quất đường thông mấy dặm trường.
Quán Sở chồn[1] chân người nhớ khách,
Ngàn mây dày[2] bước[3] ngựa quen đường.
Vui vầy[4] chén cúc ngâm câu gấm,
Buồn[5] mượn đàn thông dáng khúc vàng.
Trải[6] áng nước non[7] nghìn dặm váng.
Nhàm nghe[8] han-hỏi[9] tiếng hàn-tương.[10]

o-o-o-o-o-o-o

20.- ĐƯỜNG RỪNG TRỜI TỐI

林程日暮

Bóng đã chênh-chênh gác mé đoài,
Hãy còn khe suối mấy ngàn khơi.
Gập-ghềnh sườn núi đường xuôi ngược,
Váng-vẻ bên rừng[1] khách vãng lai.
Mệt-ngựa (mã)[2] vó câu thêm vẫn gót,[3]
Ngước[4] trông quán-xá (khách)[5] hãy xa vời.
Hầu mong đon-hỏi[6] miền thôn-điếm,[7]
Chung thủa[8] trời hôm dễ biết ai.

o-o-o-o-o-o-o

19) 1. 樓 cầu (?) — 2. Nhẹ — 3. Gót — 4. Trước cầu (?) — 5. Sầu — 6. Ra — 7. Non mai
8. Tai — 9. Anh ơi — 10 蛩

20) 1. Chân đèo — 2. Mỏi — 3. Bước — 4. Ngóng — 5. Khách — 6 Đế (底→衰)
7. Xá — 8. 謂

舍→客 嗷 嗨 蕪

19.- TÔN-SINH VỀ LÀNG

Ra từ kinh-quốc lại hồi-hương,
Lần-quất đường thông mây dặm trường.
Quán Sở chốn[1] chân người nhớ khách,
Ngàn mây dấy[2] bước[3] ngựa quen đường.
Vui-vầy[4] chén cúc ngâm câu gấm,
Buồn[5] mượn đàn thông đặng khúc vàng.
Trải[6] ắng nước non[7] nghìn dặm vắng.
Nhâm nghe[8] hàn-hồi[9] tiếng hàn-tương[10].

o-o-o-o-o-o-o-o

20.- ĐƯỜNG RỪNG TRỜI TỐI

Bóng đã chênh-chênh gác mé đoài,
Hãy còn khe suối mấy ngàn khơi.
Gập-gềnh sườn núi đường xuôi ngược,
Văng-vẻ bên rừng[1] khách vắng lai.
Mệt-ngựa[2] vó câu thêm vấn gót[3],
Ngước[4] trông quán-xá hãy xa vời.
Hầu mong đơn-hồi[6] miền thôn-dã[7],
Chưng thửa[8] trời hôm dễ biết ai.

o-o-o-o-o-o-o-o

21.- NÀNG BẠCH HÓA CON SEN ĐÓN

白氏化青衣女前立

Trời thanh vắng-vẻ dặm nghìn[1] mây,
Thơ-thẩn chiều[2] ai đứng chốn này.
Bên[3] gió phất-phơ xôi[4] bóng[5] áo,
Dưới trăng đủng-đỉnh đượm[6] chân dày.
Mặt hoa ngơ-ngẩn[7] chiều mong-mỏi[8],
Đường hạnh lân-la bước kíp chầy[9].
Phỏng-dạng chẳng[10] không dường có ý,
Tìm duyên hay rắp đợi ai đây?

朝 so với 5/2
吹 (xem 12)
淡
傚㨾
吔

o-o-o-o-o-o-o

22.- NÀNG BẠCH HỎI TÔN-SINH

白氏問孫生

((Xa-xôi[1] rừng quạnh thủa hàn-sương,
Quân-tử chơi[2] đâu ướm[3(1)] lỡ-làng[4]?
Vốn trải nước non miền lạc-thú[5],
Hay đâu bạn-tác khách[6] văn-chương?
Sá toan tạm nghỉ nơi cầu[7] quán,
Ấy[8] rắp tìm về chốn cố-hương?
Vắng-vẻ am này nên giám hỏi,
Mấy[9] lời tâm-sự ngỏ xin tường.))

寒霜
愠
樂趣
伴作
舍

o-o-o-o-o-o-o

21) 1. Ngàn — 2. Hình — 3. Trước — 4. Bay — 5. Dải — 6. Dặm 跕 — 7. Chũn-chĩn 哄吟. 8. Mừng nhưng thẹn — 9. Kíp lại chầy — 10. Khó
(1) xem chú giải
22) 1. Khơi — 2. Đâu — 3. Khéo — 4. Ở dang 掲扛 — 5. Khác dáng giang-hồ người ẩn-dật — 6. Giống chiều đài-các đấng — 7. Hàng — 8. Hay — 9. Chỉn 㐱 ⇒ 余

21.- NÀNG BẠCH H ỎA CON SEN ĐỒN

Trời thanh vắng-vẻ dặm nghìn mây,
Thơ-thẩn chiều ai đứng chốn này.
Bên gió phất-phơ xối bóng áo,
Dưới trăng đủng-đỉnh đượm chân dày.
Mặt hoa ngơ-ngẩn chiều mong-mỏi,
Đường hạnh lần-la bước kịp chầy.
Phong-dạng chẳng không đương có ý,
Tìm duyên hay rắp đợi ai đây?

o-o-o-o-o-o-o

22.- NÀNG BẠCH HỎI TÔN-SINH

((Xa-xôi rừng quạnh thủa hằn-sương,
Quân-tử chơi đâu ướm lỗ-lãng?
Vốn trải nước non miền lạc-thú,
Hay đâu bầu-tác khách văn-chương?
Sẽ toan tạm nghỉ nơi cầu quán,
Ấy rắp tìm về chốn cố-hương?
Vắng-vẻ am này nên giẫm hỏi,
Mấy lời tâm-sự ngỏ xin tường.))

o-o-o-o-o-o-o

23.- TÔN-SINH ĐÁP NÀNG BẠCH

孫生对白氏

長安

--((Vốn ở Tràng-an trải mấy xuân,
Ra[1] về quê cũ viếng song-thân.
Cách ngàn chưa tới[2] đường[3] quen-thuộc,
Lạc dấu cho nên sức nhọc-nhằn.
Giạo gót[4] mong tìm nơi quán khách,
Khơi chừng[5] khôn[6] biết chốn nhà dân[7].
Ơn lòng đoái đến, phiền xin bảo[8],
Ngỏ được nương-nhờ chút nghỉ chân.))

o-o-o-o-o-o-o

24.- NÀNG BẠCH CHỈ CHỖ TRÚ

白氏指(曉)孫生寓處(所)

石泉

--((Thạch-tuyền chốn ấy chẳng xa vời,
Cũng kể nhân-gian thú thảnh-thơi.
Am rộng vầy xa[1] mười dặm đất,
Cảnh mầu riêng chiếm[2] một bầu trời.
Phòng hoa, lầu[3] nguyệt càng thong-thả,
Khách bộ, người thuyền mặc nghỉ-ngơi.
Ngàn tối áng nầy đường[4] vắng-vẻ,
Giám xin quân-tử kíp chân dời.))

o-o-o-o-o-o-o

23) 1. Nay — 2. Đến — 3. Nổi — 4. Thơ-thẩn — 5. Lân la — 6. Nào — 7. Hương thôn
8. Nhủ

24) 1. Vườn loan — 2 Trinh-nữ 貞女 → 貞占 — 3. Quán — 4. Người

23.- TÔN-SINH GẶP NÀNG BẠCH

--((Vốn ở Tràng-an trải mấy xuân,
Ra về quê cũ viếng song-thân.
Cách ngăn chưa tới đường quen-thuộc,
Lạc dấu cho nên sức nhọc-nhằn.
Giạo gót mong tìm nơi quán khách,
Khơi chừng khôn biết chốn nhà dân.
Ơn lòng đoái đến, phiền xin bảo,
Ngõ được nương-nhờ chút nghỉ chân.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

24.- NÀNG BẠCH CHỈ CHỖ TRÚ

--((Thạch-tuyền chốn ấy chẳng xa với,
Cũng kẻ nhân-gian thú thảnh-thơi.
Am rộng vẫy xa mười dặm đất,
Cảnh màu riêng chiếm một bầu trời.
Phòng hoa, lầu nguyệt càng thong-thả,
Khách bộ, người thuyền mặc nghỉ-ngơi.
Ngăn tới ăng nầy đường vắng-vẻ,
Giám xin quân-tử kịp chân dời.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

25.- TÔN-SINH GIỤC NGỰA TIẾN

孫生促馬趨行

Giã nàng, sinh mới rén chân ra,
Giong vó long-câu mấy dặm xa.
Dầu-dãi mây mưa dầm áo thúy,
Lạnh-lùng sương-tuyết đượm khăn là.
Trông chừng áng các dần-dần tới,
Trải chốn ngàn thông thoắt-thoắt qua.
Non-nước xiết bao bề lạnh-lẽo,
Biết chăng kìa hỏi khách cung Nga.

o-o-o-o-o-o-o-o

26.- TÔN-SINH ĐẾN TRẠM THẠCH-TUYỀN

孫生到石泉宮舘

IV Tôn Sinh gặp Bạch thị trú Thạch Tuyền

Gác mới khua chuông, nguyệt mới tà,
Vó câu thoắt đã tới cung Nga.
Dần-dần náu gót bên vườn hạnh,
Rén-rén dời chân dưới cửa hoa.
Thấy cảnh như xôn lòng tưởng-vọng,
Say xuân thêm mệt bút ngâm-nga.
Trải xem phong-cảnh lâu-đài ấy,
Gẫm chốn Phi-lai chẳng mấy xa.

o-o-o-o-o-o-o-o

25) 1 Chừng thửa mặt trời tà — 2 Nắng — 3 Lấn — 4 Dấm dế — 5 Dọt — 6 Đè — 7 Am nguyệt mau mau bước — 8 Chỉ nẻo — 9. Xót (摔?) thay [c.l. chẳng hay] quán khách độ bao xa?
26) 1. Khoan khoái 2 thẳng bước — 3 Xui — 4 Trong (Trông 2) — 5 Càng — 6 Dạ — 7 Biết — 8 Bồng-lai — 9 Mấy chẳng (買)

25.- TÔN-SINH GIỤC NGỰA TIẾN

Giã nàng, sinh mới rén chân ra,
Giong vó Long-câu mấy dặm xa.
Dầu-dãi mây mưa dầm áo thủy,
Lạnh-lùng sương-tuyết đượm khăn là.
Trông chừng ống cốc dần-dần tới,
Trải chốn ngàn thông thoắt-thoắt qua.
Non-nước xiết bao bề lạnh-lẽo,
Biết chăng kìa hỡi khách cung Nga.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

26.- TÔN-SINH ĐẾN TRẠM THẠCH-TUYỀN

Gác mới khua chuông, nguyệt mới tà,
Vó câu thoắt đã tới cung Nga.
Dần-dần nâu gót bên vườn hạnh,
Rón-rén dời chân dưới cửa hoa.
Thấy cảnh như xốn lòng tưởng-vọng,
Say xuân thêm một bút ngâm-nga.
Trải xem phong-cảnh lâu-đài ấy,
Gẩm chốn Phi-lai chẳng mấy xa.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

IV Trú-ngụ

27.- CẢNH ~~X~~TRÍ THẠCH-TUYỀN

石泉景致

Một vẻ xem là một ngát-ngao,[1] a

Nhân-gian mấy thú độ[2] thanh-tao.

Sen ~~xô~~ so[3] đáy nước lồng gương nguyệt,

Cúc lẩn thềm mây[4] sắc[4] vẽ sao.

Hoa dợn long-lanh rèm bích-ngọc,

Hương đưa sục-nức gác quỳnh-dao.

Gẫm chiều[5] phong-cảnh còn dường ấy,

Mặt bạc,mày quang,phỏng[6] thế nào?

吵嗷 轉 酒

o-o-o-o-o-o-o-o

28.- TÔN-SINH NGOẠN CẢNH

孫生玩景 詠

Thành dài, gác rộng mấy từng ~~xây~~ xoay,

Tạo-hóa khen ai khéo tạc xây.[1]

Đàn[2] gảy gió thông lừng ngạn bắc,

Đèn treo bóng[3] nguyệt dãi lầu tây.

Cỏ hoa dễ khiến[4] người về kíp,[5]

Thú-vị xui nên khách ở chầy.[6]

Tưởng nước non này phong-cảnh ấy,

Dầu lòng vàng-đá cũng long-lay.

磋 磋 岸

o-o-o-o-o-o-o-o

27) 1 Gắt gao(?) 喋嗷 _ 2 Độ mấy thú _ 3 Phô _ 4 Nhiều chân thềm lẫn
5. So xem _ 6. Má phấn môi son nhuộng.

28) 1 Bày _ 2 Cầm 琴 _ 3. Khêu 挑 trăng (sai) _ 4. Quyến _ 5. Trần tục _ 6 Thêm rửa kẻ nước mây.

27.- CẢNH KHE THẠCH-TUYỀN

Một vẻ xem là một ngất-ngao.[1]
Nhân-gian mấy thú đó[2] thanh-tao.
Sen sơ[3] đáy nước lòng gương nguyệt,
Cúc lấn thềm mây[4] sắc vẽ sao.
Hoa rợn lung-linh rèm bích-ngọc,
Hương đưa sực-nức gác quỳnh-dao.
Cầm chiều[5] phong-cảnh còn dường ấy,
Mặt bạc, mây quang, phỏng[6] thế nào?

o-o-o-o-o-o-o-o-o

28.- TÔN-SINH NGOẠN CẢNH

Thành đất gác rộng mấy từng xxxx xoay.
Tạo-hóa khen ai khéo tạc xây.[1]
Đàn[2] gảy gió thông lưng ngạn bạc,
Đèn treo bóng nguyệt[3] đất lầu tây.
Cỏ hoa để khiến[4] người về kịp.[5]
Thú-vị xui nên khách ở chầy.[6]
Tưởng nước non mây phong-cảnh ấy.
Dẫu lòng vàng-đá cũng long-lay.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

27) 1 Ngất ngao [illegible] — 2 Đó [illegible] — 3 [illegible] — 4 [illegible] — 5 [illegible] — 6 [illegible]

28) 1 [illegible] — 2 [illegible] — 3 [illegible] — 4 [illegible] — 5 [illegible] — 6 [illegible]

29 b.- VIÊN-THỊ HỎI THỊ-NỮ

[illegible]氏報
女兒

Sơn-lâm đường quạnh áng am mây,
Chưa dễ trần-ai tới cõi nầy.
Đến thủa hôm-tam đường váng-vẻ, 歆沁
Mà ai dun-dủi khéo thầy-lay. 嗦繇
Phải ai quân-tử lòng ừ thật ? ừa? 於
Hay kẻ gian-tà thói chẳng ~~hay~~ ngay.
Ngươi hãy thay lời ra thử hỏi, 咍
Gạn tường rồi sẽ rước vào đây. [illegible]

(Bài nầy rút trong sách Lâm-tuyền kỳ-ngộ, in nam 1899, bản viết cũ không chép bài nầy)

29.- TÔN-SINH ĐẾN CUNG-QUÁN

孫生至宮館

Chàng từ[1] giạo gót[2] chốn bên tường,
Chợt đã truyền tin tới[3] gác vàng.
Mặt ngọc dường xui người ủ-dột,[4]
Hồn[5] hoa như giục trận mơ-màng.
Đã mừng cẩm-trướng[6] duyên đằm-ấm,
Lại tủi[7] hồng-nhan phận bẽ-bàng.
Bối-rối lòng vàng[8] khôn kể xiết,[9]
Lương-nhân[10] có biết nỗi nầy chăng.

良人

o-o-o-o-o-o-o-o

xem 29b 8 bên trái

30.- Con hầu hỏi TÔN-SINH

侍女问孫生

((Quân-tử quê đâu bỗng[1] tới đây !
Loạn-đơn ngỡ[2] khéo lạ-lùng thay.
Xa-xôi lận-đận[1] đường gai-gốc,
Lạnh-lẽo xông-pha[2] thủa gió lay.[3]
Vả[4] rấp cầu duyên chơi thú khác :
Hay là mến cảnh tới am nầy!
Giám xin giãi[5] thật lời tơ-tóc,
Mọi nỗi xưa sau, thiếp[6] được hay.))

o-o-o-o-o-o-o

29) 1. Vừa – 2. Bước tới – 3 tin đưa chốn – 4 Chiều áy-~~ngại~~ náy – 5. Vóc
6 Trướng gấm – 7 Nghĩ – 8 Cọng lòng – 9. Xiết kể – 10 ~~Nào~~ rac
30) 1 Xông pha chẳng ngại – 2. Nào kinh – 3. Mây – 4. Vốn – 5 Ngỡ – 6 Còn có lời thơ để
1) mới – 2, Sao

29.- TÔN-SINH ĐẾN CUNG-QUÁN

Chàng tử giạo gót chồn bên tường,
Chợt đã truyền tin tới gác vàng.
Mặt ngọc đương xui người ủ-dột,
Hồn hoa như giục trận mơ-màng.
Đã mừng cầm-trường duyên đằm-ấm,
Lại tủi hồng-nhan phận bẽ-bàng.
Bối-rối lòng vàng khôn kể xiết,
Lương-nhân có biết nỗi này chăng.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

30.- Con hầu hỏi TÔN-SINH

((Quân-tử quê đâu bỗng tới đây :
Loạn-đạn ngõ khéo lạ-lùng thay.
Xa-xôi lặn-dặn đường gai-gốc,
Lạnh-lẽo xông-pha thửa gió lay.
Và rập câu duyên chơi thú khác :
Hay là mến cảnh tới am này?
Giám xin giãi thật lời tơ-tóc,
Mọi nỗi xưa sau, thiếp được hay. 88))

o-o-o-o-o-o-o-o

29) 1 Vườn – 2 Bước tới – 3 Tin đưa chốn – 4 Chiều ủy-ngợi nàng – 5 Vốc 6 Trường gấm – 7 Nghĩ – 8 Long lòng – 9 Xiết-kể – 10 Người
30) 1 Xông pha chẳng ngại – 2 Nào hình – 3 Mây – 4 Vừa – 5 Ngõ – 6 Con ở lời thưa đáp

31.- TÔN-SINH ĐÁP CON HẦU 孫生对侍女

-- ((Nàng đã ân-cần, phái ngỏ bày,
Vốn qua[1] tiện-sĩ chốn song mây. 戈 : ta
Ra nghìn dặm liễu về quê cũ, 點
Trải[2] mấy ngày thu tới cảnh này.
Quán khách xa chừng[3] khôn biết[4] nẻo,
Đường thông lần bước mới qua đây. 椿
Giám xin chớ nghĩ[5] lòng dung-đãi, 客待
Kẻo chốn sơn-lâm thủa gió lay.[6]))

o-o-o-o-o-o-o

32.- CON HẦU MỜI TÔN-SINH VÀO LẦU 侍女召孫生入楼

Lai-lịch xưa sau[1] chửa hết lời,
Cửa quan chợt bỗng mở[2] lầu khơi. 閣
Chân dày bệ ngọc khoan-khoan bước, 踏
Tay thác rèm châu rén-rén ngồi. 托
Dượm-dẽ bên màn người sửa gối, 淡沱
Dịu-dàng dưới gót kẻ nâng dày. 鞋
Khen ai ngỏ biết lòng[3] quân-tử,
Sao ~~khéo~~ bóng thày-lay khéo mỉa-mai.[4]

o-o-o-o-o-o-o

31) 1. Ta thiện-sĩ (善士) Quảng-xuyên nay – 2. Dải 㶳.𪸔 – 3. Vời – 4. Xiết
5. Mở rộng – 6 Ân ái ai hầu bỏ nghĩa với.
32) 1. Nay – 2. 揖 mở bóng (揩?) – 3 Người – 4 Những sự người

31.- TÔN-SINH ĐÁP CON HẦU

-- ((Nàng đã ân-cần, phát ngỏ bày.
Vốn qua tiện-sĩ chốn song mây.
Ra nghìn dặm liều về quê cũ.
Trải mấy ngày thu tới cảnh này.
Quán khách xa chừng khôn biết nẻo.
Đường thông lần bước mới qua đây.
Giám xin chớ nghĩ lòng dung-đất.
Kẻo chốn sơn-lâm thửa gió lay.))

o-o-o-o-o-o-o-o

32.- CON HẦU MỜI TÔN-SINH VÀO LẦU

Lai-lịch xưa sau chửa hết lời.
Cửa quan chợt bỗng mở lầu khơi.
Chân dày bệ ngọc khoan-khoan bước.
Tay thắc rèm châu rén-rén ngồi.
Dượm-dề bên màn người sửa gối.
Dịu-dàng dưới gót kẻ nâng dây.
Khen ai ngỏ biết lòng quân-tử.
Sao khéo thầy-lay khéo mỉa-mai.

o-o-o-o-o-o-o-o

V Kết trời

Tôn Sinh Bạch thị
Kết duyên

33.- NÀNG BẠCH HỎI TÔN-SINH

白氏問孫生

((Ở đây váng-vẻ áng[1] non thông,
Quân-tử chơi[2] đâu chỉn[3] lạ-lùng!
Vốn chửa nối[4] dòng nhà sự-nghiệp ?
Hay quen vui thú chốn non sông ?
Bởi sao khuya-khoắt đường mây mốc[5],
Mà bỗng thày-lay thói bướm ong ?
Cơm Xiếu, vàng Hàn chi giám nghĩ[6],
Miễn xin lòng lại[7] tạc ghi lòng.))

今 蹊 蝶蜂 漂韓

6. Vì – 7 Hãy

o-o-o-o-o-o-o-o-o

33) 1 Chốn – 2 别 → 制 – 3 Bỗng – 4 Đã theo – 5. Đâu men-mốc đường khuya khoắt

34.- TÔN-SINH ĐÁP NÀNG BẠCH

孫生对白氏

-- ((Mỗ vốn quê nhà đất Quáng-xuyên,
Hoàng-đô ra ứng hội xuân-thiên.
Bốn ngày chưa giật bêu[1] hoàng-báng,
Muôn dạm tìm về chốn giáng-diên.
Rừng tối luống mong tìm quán khách,
Duyên đưa[2] mừng ~~được~~ lại gặp cung tiên.
Chiêu mời (Gieo đào[3] (1)) hố đội ơn lòng[4] nặng,
Mấy[5] chút quỳnh-cư chửa dễ đền.))

某 廣川 皇都 鷹→驃黃榜 講筵 招桃→摽 xem 琼琚

xem 36/3 59/3

o-o-o-o-o-o-o-o-o

34) 1. Còn đội ngồi (h. coi 嵬) – 2 Ưa – 3 Dở dang 呂扛 – 4. Người – 5 Mộ ~~chút~~
(1) Xem Gieo mận ở bài 36. Lấy chữ: trồng đào mận mùa thu, thì mùa hè người ta được nhờ. Nghĩa là làm phúc làm ơn.

33.- NÀNG BẠCH HỎI TÔN-SINH

((Ở đây vắng-vẻ áng non thông,
Quân-tử chơi đâu chỉn lạ-lùng?
Vốn chửa nối dòng nhà sự-nghiệp ?
Hay quen vui thú chốn non sông ?
Bởi sao khuya-khoắt đường mây mốc,
Mà bỗng thấy-lay thói bướm ong ?
Cơm Xiếu, vắng Hàn chi giám nghĩ,
Miễn xin lòng lại tạc ghi lòng.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

34.- TÔN-SINH ĐÁP NÀNG BẠCH

-- ((Mỗ vốn quê nhà đất Quảng-xuyên,
Hoàng-đồ ra ứng hội xuân-thiên.
Bốn ngày chưa giật bêu hoàng-bảng,
Muôn dặm tìm về chốn giảng-diên.
Rừng tối luống mong tìm quán khách,
Duyên đưa mừng được gặp cung tiên.
Chiều mới hồ đội ơn lòng nặng,
Mấy chút quỉnh-cư chửa dễ đền.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

V Kết duyên

35.- NÀNG BẠCH BÀY TÂM SỰ

C.28
D.17

白氏自曉心事

-- ((Tiện-thiếp từ tu ở cõi tiên,
Chưa hề bén-lụy thói trần-duyên.
Thày-lay âu hẳn tơ bà Nguyệt, 絹鄠綠 牟→罕
Gặp-gỡ khôn nài phận ả Quyên. 遝涓 妸娟
Kim cải đã đành duyên mắc-mưới, 默𠪾(買)
Gió trăng bao[1] quản nỗi[2] chê-khen.
Muôn bề cả giám xin đằm-ấm,[3] 纏紗
Hoa nở chiều xuân dễ mấy phen.))

o-o-o-o-o-o-o-o

36.- TÔN-SINH KHOẢN-TẠ

孫生款謝

-- ((Xa-xôi nghìn dặm trải[1] qua đây,
Muôn đội ơn sâu lại khứng[2] vay ? 肯爲 湪→湪
Gieo mận hiềm chưa cam sự ấy, 招楳 xem 34/7
Vương tơ mừng lại nối[3] duyên nầy.[4] 湪→楼
Mấy non nước đã[5] xây bia để,
Một tấm niềm đan tạc thẻ nay.[6] 篨
Nghĩa nặng thịt xương âu đã vậy,
Tài mòng chưa dễ báo ơn dày.)) 蒙

o-o-o-o-o-o-o-o

35) 1 Nào — 2 Tiếng — 3. Đùm bọc 纏紗
36) 1 Xẩy — 2 Lòng đoái chút — 3 Được đẹp — 4 Nay — 5 Nơi non nước — 6 Bày

35.- NÀNG BẠCH BÀY TÂM SỰ

-- ((Tiện-thiếp tu ở cõi tiên.
Chưa hề bén-lụy thói trần-duyên.
Thấy-lay âu hẳn tơ bà Nguyệt,
Gặp-gỡ khôn nài phận ả Quyên.
Kim cải đã đành duyên mắc-mưới,
Gió trăng bao quản nỗi chê-khen.
Muôn bề cả giám xin đảm-đam,
Hoa nở chiều xuân để mấy phen.))

o-o-o-o-o-o-o-o

36.- TÔN-SINH KHOẢN-TẠ

-- ((Xa-xôi nghìn dặm trải qua đây,
Muôn đội ơn sâu lại khứng vay :
Gieo mận hiềm chưa cam sự ấy,
Vương tơ mừng lại nối duyên nầy.
Mây non nước đã xây bia để,
Một tấm niềm đan tạc thế nay.
Nghĩa nặng thịt xương âu đã vậy,
Tất mong chưa dễ báo ơn dày.))

o-o-o-o-o-o-o-o

37.- NÀNG BẠCH TỰ-TÌNH

((Đã đành tơ chỉ nghĩa sương-siu,[1]
Lại hổ thân nầy phận hẩm-hiu.[2]
Phen thắm chắt-chiu đường gấm vóc,
Thủa phai ruồng-rẫy nhỡ[3] mây bèo.
Bền lòng vàng đá nhân-tình ít,
Biến thói mây mưa thế-tục nhiều.
Mọi nỗi xưa sau[4] xin đoái chút,
Lá thơ hầu dễ mấy lần gieo.))

o-o-o-o-o-o-o

38.- TÔN BẠCH HỢP-HOAN

Dãi hết niềm đan mấy sự lòng,
Dan tay bèn mới lại giường đông.
Đuốc hoa soi rạng[1] năm canh nguyệt,
Tiệc ngọc khuyên mời mấy khác chung.[2]
Trướng gấm ngửa-nghiêng say vẻ lục,
Áo là sóng-sánh đượm màu hồng.
Càng phen dập-dã càng phen thắm,
Lần ước điều chim, đọt[3] thẻ rồng.

o-o-o-o-o-o-o

37) 1. Sắn sửu — 2 Ẩm hiu — 3 Bềng — 4 Sau xưa
38) 1. Giáp-giới — 2 Đồng — 3 Diễn

37.- NÀNG BẠCH TỰ-TÌNH

((Đã đành tơ chỉ nghĩa sương-siu,
Lại hổ thân này phận hẩm-hiu.
Phen thắm chất-chiu đường gấm vóc,
Thửa phai ruồng-rẫy nhớ mây bèo.
Bến lòng vàng đá nhân-tình ít,
Biển thói mây mưa thế-tục nhiều.
Mọi nỗi xưa sau xin đoạt chút,
Lá thơ hầu dễ mấy lần gieo.))

o-o-o-o-o-o-o-o

38.- TÔN BẠCH HỢP-HOAN

Dứt hết niềm đam mấy sự lòng,
Đan tay bên mới lại giường đông.
Đuốc hoa soi rạng năm canh nguyệt,
Tiệc ngọc khuyên mời mấy khắc chung.
Trướng gấm ngửa-nghiêng say vẻ lục,
Áo là sóng-sánh đượm màu hồng.
Căng phen đẹp-đã càng phen thắm,
Làm ước điều chim, đột thể rồng.

o-o-o-o-o-o-o-o

Kết duyên

39.- ÂN-TÌNH CHU-MẬT

恩情周蜜 (至)

Duyên ưa quân-tử sánh[1] hồng-nhan,
Ân-ái thêm vui bạn phượng loan.
Dạc-dạc lòng vàng[2] hòa ~~gịp~~ chập[3] phách,
Song-song cầm-sắt ~~phím~~ bấm dây đàn.
Thề sông, chỉ núi thìn[4] muôn kiếp,
Tựa ngọc, nương vàng họp một đoàn.
Cong thủa thắm nồng âu đã ~~vậy~~ phỉ[5],
Lòng mây tính nước lệ khôn hàn.

o-o-o-o-o-o-o

40.- SINH TRAI ĐẦU

初生男子

Mấy khóm phù-dung chửa đổi gương,
Máy thiêng đã động dạ Nhâm Khương.
Một phen mồng thấy điềm ~~xxx~~ phi-yến,
Chín tháng ca dâng khúc lộng chương.[1]
Hoa dệt thêm càng xôi[2] vẻ thắm,
Gấm thêu vả lại đượm ~~xxx~~ mùi hương.
Phương-viên mấy kẻ tao[3]-phùng ấy,
Thì gặp[4] nam-nhi mới[5] mọi đường.

o-o-o-o-o-o-o

39) 1. Với — 2 Cổ chung 鼓鐘 — 3. 桌 nhịp — 4 Nguyện — 5. Phỉ 匪.
40) 1 Đã mất 3 chữ — 2 Sót rồi để cuối câu — 3 擅 → 遭 — 4 Được chút — 5. Vẹn

39.- ÂN-TÌNH CHU-MẬT

Duyên ưa quân-tử sánh hồng-nhan,
Ân-ái thêm vui bạn phượng loan.
Dặc-dặc lòng vàng hòa gắp phách,
Song-song cầm-sắt phím dây đàn.
Thề sông, chỉ nút thìn muôn kiếp,
Tựa ngọc, nương vàng họp một đoàn.
Cong thửa thầm nồng âu đã vậy,
Lòng mây tình nước lệ khôn hàn.

o-o-o-o-o-o-o

40.- SINH TRAI ĐẦU

Mấy khóm phù-dung chửa đối gương,
Mấy thiêng đã động dạ Nhâm Khương.
Một phen mong thấy điềm may phi-yến,
Chín tháng ca dâng khúc lộng chương.
Hoa dệt thêm càng xôi vẻ thắm,
Gấm thêu vả lạt đượm nhăn hương.
Phương-viên mấy kẻ tạo-phùng ấy,
Thì gặp nam-nhi mới mọi đường.

o-o-o-o-o-o-o

41.- LẠI SINH CON TRAI

再生男子

Bén duyên từ chiếng nhụy đào phai[1],
Giấc mộng hùng-bi lại báo thai.
Gối phượng song bày năm chửa bốn,
Điềm loan thêm ứng một hòa[2] hai.
Thêu hoa phận ấy so dường[3] một,
Đát[4] chỉ nguyền xưa hẳn[2] vẹn mười.
Gắn-bó phen này càng vấn-vít,
Dẫu lòng trang gió cũng khôn lay.

0-0-0-0-0-0-0-0

42.- TÔN-SINH NHỚ CỐ-HƯƠNG[1]

孫生思故鄉 父母

Chàng từ nương-náu[2] chốn cung mây,
Xuân trải[3] thu qua ướm đã (lại[4]) chầy.
Tưởng nỗi hai[5] thân thêm ủ mặt,
Giận mình muôn dặm luống chau mày.
Ngẩn-ngơ mấy đoạn lòng tằm rối[6],
Mong-mỏi ba canh[7] chiếc nhạn bay.
Ngàn vắng trông chừng non nước cũ,
Thở-than khôn xiết nỗi riêng tây.[8]

0-0-0-0-0-0-0-0

41) 1. Mai — 2. Trẻ sinh — 3 Đà nên — 4 慣 Giắt

42) 1 cha mẹ — 2 Tựa — 4 gấm đã — 5 Song — 6 Tình say bên gối hồn hồ vẩn — 7 Phường trời — 8 Có ai mà được hỏi thăm rày

41.- LẠI SINH CON TRAI

Bén duyên từ chiếng nhụy đào phai,
Giấc mộng hùng-bi lại báo thai.
Gối phượng song bảy năm chửa bẫn,
Điềm loan thêm ứng một hoa hai.
Thêu hoa phận ấy so đường một,
Đặt chỉ nguyện xưa sẵn vẹn mười.
Gấm-bố phen nầy càng vẫn-vít,
Dẫu lòng trăng gió cũng khôn lay.

o-o-o-o-o-o-o-o

42.- TÔN-SINH NHỚ CỐ-HƯƠNG

Chàng từ nương-náu chốn cung mây,
Xuân trải thu qua ướm đã chầy.
Trông nỗi hai thân thêm ủ mặt,
Giận mình muôn dặm luống chau mày.
Ngẩn-ngơ mấy đoạn lòng tằm rối,
Mong-mỏi ba canh chiếc nhạn bay.
Ngàn vặng trông chừng non nước cũ,
Thổ-than khôn xiết nỗi riêng tây.

o-o-o-o-o-o-o-o

43.- TÔN-SINH GẶP VÂN-NHÀN

孫生遇閒雲

Những mảng trông người xá[1] hỏi-han,
Chợt[1] đâu lác thấy (bống)[2] tới bên ngàn.
Dan tay giạo khắp miền[3] sơn-kiếp (cước),
Dời gót dong (dõn) ~~khơi~~ qua[4] chốn[*] Thạch-bàn.
Những nghĩ đường xa thầy đạo-túc,
Nào ngờ quê cũ nghĩa[5] kim-lan.
Cong khi xẩy gặp người muôn dặm,
Xiết kể[6] nguồn cơn nỗi thở-than.

嵾 舍 落 踏 山脚 濱 → 蹊 磴 道宿 金蘭 工

o-o-o-o-o-o-o-o

44.- NHÀN-VÂN HỎI TÔN-SINH

閒雲問孫生

«Cách-trở bây-lâu trải mấy đông,
Trông càng[1] váng-vẻ diễn tin hồng.
Xa-xôi nào phải dường[2] quen-thuộc,
Gặp-gỡ vì[3] đâu khéo lạ-lùng.
Vui thú trải[4] đà bao tuế-nguyệt ?
Nối tông[5] rày được mấy nhi-đồng ?
Đã đành gia-thất muôn[6] bề vẹn,
Chi để song-thân luống nhớ[7] trông.»

悲歎 濱 鴻

o-o-o-o-o-o-o-o

43) 1. Hay – 2 Thấy – 3 Túi thơ thủng-thỉnh dường – 4 Bầu rượu la-cà – 5 Bạn – 6 Bao xiết
44) 1 Chừng – 2 Người – 3 Về – 4 Kể – 5 Dòng – 6 mừng – 7. Tựa cửa

43.- TÔN-SINH GẶP VÂN-NHÂN

Những mảng trông người xả hỏi-han,
Chợt đâu lạc thấy tới bên ngàn.
Dan tay giạo khắp miền sơn-kiếp,
Dời gót dong ~~xax~~ qua chốn thạch-bàn.
Những nghĩ đường xa thấy đạo-tục,
Nào ngờ quê cũ nghĩa kim-lan.
Cong khi mấy gặp người muôn dặm,
Xiết kể nguồn cơn nỗi thổ-than.

o-o-o-o-o-o-o-o

44.- NHÂN-VÂN HỎI TÔN-SINH

Cách-trở bấy-lâu trải mấy đông,
Trông càng vắng-vẻ diễn tin hồng.
Xa-xôi nào phải đường quen-thuộc,
Gặp-gỡ vì đâu khéo lạ-lùng.
Vui thú trải đã bao tuế-nguyệt ?
Nối tông rầy được mấy nhi-đồng ?
Đã đành gia-thất muôn bề vẹn,
Chi để song-thân luống nhớ trông. ~~xx~~))

o-o-o-o-o-o-o-o

45.- TÔN-SINH ĐÁP NHÀN-VÂN

-- ((Từ về qua chốn dặm rừng khơi,
Sẩy gặp cung mây, sá nhỉ-ngơi.
Bỗng khéo dẩy-dun dây chỉ đỏ,
Cho nên gặp-gỡ chốn quê người.
Lân-la dưới nguyệt nam hầu bốn,
Chi-chút trên tay trẻ mới hai.
Vì nỗi thê-nhi nên lẫn-quất,
Sinh-thành ơn nặng chửa hề nguôi.))

o-o-o-o-o-o-o

46.- DẮT VỀ CHỖ TRÚ

Xưa sau dãi hết nỗi xa gần, xa,
Bèn mới dan tay trở lại nhà.
Dao-các sánh đoàn vầy tiệc ngọc,
Kim-lan nối chén dã lòng hoa.
Khúc vàng đổi chạp ban lầu tạnh,
Câu gấm ngâm đua thủa nguyệt tà.
Muôn dặm tha-hương may gặp-gỡ,
Tấc lòng khế-khoát xiết du là.

o-o-o-o-o-o-o

45) 1 Năm xưa về tới — 2. 𢬣 dẩy — 3 Duyên dưới nguyệt — 4 Trong thú
46) 1. Đôi chúng sửa sang bày — 2 Giục đồng mau • (毛晋) thác (熱) rèm — 3 Chén quỳnh lần chuốc — 4 Đưa ngâm — 5 Bao

45.- TÔN-SINH ĐÁP NHÂN-VÂN

-- ((Từ về qua chốn[1] dặm rừng khơi,
Sẫy gặp cung mây, sẽ nghỉ-ngơi.
Bỗng khéo dẫy-dun[2] dây chỉ đỏ;[3]
Cho nên gặp-gỡ chốn quê người.
Lăn-la dưới nguyệt[4] năm hầu bốn,
Chi-chút trên tay trẻ mới hai.
Vì nỗi thê-nhi nên lẩn-quất,
Sinh-thành ơn nặng chửa hề nguôi.))

o-o-o-o-o-o-o

46.- DẮT VỀ CHỖ TRÚ

Xưa sau dắt hết nỗi xa gần/ xa,
Bèn mới đan tay trở lại nhà.
Dao-các sảnh đoàn vầy[1] tiệc ngọc,
Kim-lan nối chén dã lòng[2] hoa.
Khúc vàng dồi chập[3] ban lầu tạnh,
Câu gấm ngâm đua[4] thửa nguyệt tà.
Muôn dặm tha-hương may gặp-gỡ,
Tấc lòng khế-khoát xiết đâu[5] là.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

45) 1 Nơi xa xôi hẻo lánh – 2 Bố dây – 3 Duyên dưới nguyệt – 4 Trung thu
46) 1 Đời chúng vầy vòng bày – 2 Ý vui đồng màu. [illegible] Thái [illegible] – 3 Chùm quỳnh [illegible] – 4 Đua ngâm – 5 Bao

VI thủ giườm

47.- VÂN-NHÀN ĐÊM MỘNG 閒雲夜夢

Canh khuya vừa thủa giấc mơ-màng,
Chợt thoáng[1] chiêm-bao thấy một nàng.
Áy-náy mặt hoa dường nhuộm tuyết,
Ủ-ê mày liễu dáng dầu sương.
Dưới màn khép[2]-nép dừng đôi bước, 犄
Bên gối van-lơn dãi mọi đường.
Ngán nhẽ khác loài sao gỡ[2] bấy, 牽(愫)
Mới hay yêu-quái sự khôn lường.

o-o-o-o-o-o-o

48.- VÂN-NHÀN MÁCH TÔN-SINH 閒雲曉示孫生

((Đêm qua giấc bướm[1] lạ-lùng thay,
Gẫm biết âm-tinh giống chẳng ngay. 陰精
Yêu-nữ vốn thường[2] cưu thói ấy, 鳩
Lương-nhân đâu khá[?] gưởi[3] duyên nầy. 𠰺
Vả công sinh-dưỡng còn đôi[4] gánh,
Mà hội rồng-mây[5] dễ một ngày.
Xin phải lo[6]-toan đường viễn-lự, 遠慮
Thôi đừng nghĩ[7]-ngợi nỗi riêng-tây.

o-o-o-o-o-o-o

47) 1. Thoắt có — 2. chữ Khép vì sót nên đưa xuống thứ sáu
2 Mộng — 2 Đường 當 → 常 — 3 Giám hóa — 4 Hai — 5 Công danh — 6 Sớm — 7 Thôi đừng.

47.- VÂN-NHÂN ĐÊM MỘNG

Canh khuya vừa thức giấc mơ-màng,
Chợt thoáng chiêm-bao thấy một nàng.
Ấy-nấy mặt hoa dường nhuộm tuyết,
Ủ-ê mày liễu đẫng dầu sương.
Dưới màn khép-nép đứng đôi bước,
Bên gối van-lơn dặt mọi đường.
Ngàn nhẽ khác loài sao gỡ bầy,
Mới hay yêu-quái sự khôn lường.

o-o-o-o-o-o-o

48.- VÂN-NHÂN MÁCH TÔN-SINH

((Đêm qua giấc bướm lạ-lùng thay,
Gẫm biết âm-tinh giống chẳng ngay.
Yêu-nữ vốn thường cưu thói ấy,
Lương-nhân đâu khá gưởi duyên này.
Và công sinh-dưỡng còn đôi gánh,
Mà hội rồng-mây để một ngày.
Xin phải lo-toan dường viễn-lữ,
Thôi đừng nghĩ-ngợi nỗi riêng-tây.

o-o-o-o-o-o-o-o

49.- NHÀN-VÂN TRAO GƯƠM

閒雲授劍

Nhân khi vắng-vẽ chốn thư-đường,
Bèn mới trao gươm sá dạn chàng:
« Ngày giữ mã-hề rời dưới gối, 噯 (xem dưới) 罵兮
Đêm nằm đem lại để bên giường.
Yêu-tinh hơi bén âu thì hẳn, 妖精
Thục-nữ duyên ưa ắt lại càng. 淑女
Xin hãy gẫm lời xem thử chút,
Kẻo còn nghĩ-ngợi sự hoang-đường. »

o-o-o-o-o-o-o

50.- NHÀN-VÂN TỪ giã VỀ

閒雲辭歸

Khuyên dạn xưa sau khắp mọi lời,
Tạ-từ bèn mới rén chôn dời.
Đường thông ngày vắng dầu thong-thả, 客旦
Am Phật đêm thanh mặc nghỉ-ngơi.
Phong-cảnh tha-hương còn tưởng-tượng,
Nước non cố-quốc đã xa vời.
Đành hay quê-quán vầy xum-họp,
Thương kẻ lênh-đênh một góc trời.

o-o-o-o-o-o-o-o

49) 1. Gươm thiêng – 2 Nhủ – 3 Chớ – 4 Khuây – 5 Ngần ngại – 6 Lo lường
1. Nhủ – 2 Hết – 3 Thong – 4 Lìa – 5 Dạng [illegible] → 象 – 6 Vui thay ([illegible]) – 7. Đoàn [illegible] → [illegible]

49.- NHÀN-VÂN TRAO GƯƠM

Nhàn khi vắng-vẻ chốn thu-đường,
Bèn mới trao gươm sẽ dặn chàng:
« Ngày giữ mã-hề rời dưới gối,
Đêm nằm đem lại để bên giường.
Yêu-tinh hơi bén âu thì hãm,
Thục-nữ duyên ưa ắt lại càng.
Xin hãy gẫm lời xem thử chút,
Kẻo còn nghĩ-ngợi sự hoang-đường.»

o-o-o-o-o-o-o-o

50.- NHÀN-VÂN TỪ GIÃ VỀ

Khuyên đàn xưa sau khắp mọi lời,
Tạ-từ bèn mới rên chốn dời.
Đường thông ngày vắng dầu không-thả,
Am Phật đêm thanh mặc nghĩ-ngợi.
Phong-cảnh tha-hương còn tưởng-tượng,
Nước non cố-quốc đã xa vời.
Đành hay quê-quán vầy xum-họp,
Thương kẻ lênh-đênh một góc trời.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

5I.- TÔN-SINH XÓT-XA

孫生悵恨

Từ chịu thanh gươm, cảm sự lòng,
Niềm riêng khôn kể thở-than cùng.
Đoái lời nguyền-ước[1] càng chua-xót,
Tưởng nỗi sinh-li chỉn ngại-ngùng.
Nghĩ-ngợi luống[2] xui lòng nọ rối,
Nể-thương[3] khôn biết[4] lẽ nào xong.
Gặp dù nên gặp[5], chăng thà chớ,
Dở-dói[6] lầm chi tủi[7] má hồng.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

52.- TÔN-SINH ĐẶT GƯƠM DƯỚI GIƯỜNG

孫生置(藏)劍床下

Lệ thói gian-yêu[1] lụy đến chàng,
Đeo phiền nên phải cất lòng thương.
Nhân khi Bạch-thị[2] vừa êm gối,
Bèn lấy thanh gươm[3] để ~~dưới~~ lại giường.
Dù-nhẫn thực hư đành một nhẽ,
Bởi đâu[4] nghĩ-ngợi ~~tới~~ rối[5] trăm đường.
Làm chi đã vậy thôi thà vậy,
Thà vậy cho xong[6], kẻo dở-dang.

o-o-o-o-o-o-o

51) 1. Thề thốt còn rành rành — 2 Nghe bàn dễ — 3 Nàng — 4 Xiết — 5 Dù nên gặp chẳng — 6 Nghĩ nỗi 扔淡 → 挾纏 — 7 Chút 拙 → 拙 (xót).
52) 1 Mảnh — 2 Nàng ngủ — 3 Gươm ~~thiêng~~ linh — 4 Kẻo còn — 5. Rối — 6 Mà thôi

51.- TÔN-SINH XÓT-XA

Từ chịu thanh gươm, cầm sự lòng,
Niềm riêng khôn kể thổ-than cùng.
Đoái lời nguyện-ước càng chua-xót,
Tưởng nỗi sinh-li chỉn ngại-ngùng.
Nghĩ-ngợi luống xui lòng nọ rối,
Nể-thương khôn biết lẽ nào xong.
Gặp dù nên gặp, chăng thà chớ,
Dở-dói làm chi tủi má hồng.

o-o-o-o-o-o-o-o

52.- TÔN-SINH ĐẶT GƯƠM DƯỚI GIƯỜNG

Lệ thói gian-yêu lụy đến chàng,
Đeo phiền nên phải cắt lòng thương.
Nhân khi Bạch-thị vừa êm gối,
Bèn lấy thanh gươm để dưới giường.
Dù-nhẫn thực hư đành một nhẽ,
Bởi đâu nghĩ-ngợi tới trăm đường.
Làm chi đã vậy thời thà vậy,
Thà vậy cho xong, kẻo dở-dang.

o-o-o-o-o-o-o-o

53.- NÀNG BẠCH NẰM PHẢI GƯƠM

白氏卧傷劔 (夜 伏)

Điều chim vừa[1] thủa gióng canh ba, 刁
Lay nhớ (Trời thử? (1)) đòi cơn bỗng thấy đà. 揀擯
Gối hạc vẩn-vơ[2] say phách nguyệt,
Giấc loan trằn-trọc mệt[2] hồn hoa.
Tưởng mình dễ giục lòng tơ rối,
Tủi phận khôn cầm dọt ngọc sa.
Thương nhẽ duyên lành nên chếch-mác, 雙莫
Trách ai nữa để lụy Hằng-nga.

1. Tử – 2. Phượng ngẩn-ngơ – 2. Bắt

o-o-o-o-o-o-o-o-o

54.- NÀNG BẠCH XỐC ÁO CHẠY RA

白氏披衣走出

Phận bạc hồng-nhan sự[1] vậy đà,[1]
Quản bao thân gái hạt mưa sa.
Gót tiên ngần-[2]ngại bên ngàn váng, 哏碍
Áo thúy khôn nài trận tuyết pha. 滾
Xuân muộn biếng trông miền cảnh quạnh,
Thu tàn hé[3] thấy bóng[4] trăng tà. 戲
Lòng người nông-nổi, bao hiềm trách,
Trách kẻ châm kim bỗng khéo là.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

1 Thế đã ngoa – 2 chẳng – 3 Thẹn – 4 Nẻo
(1) Xấu hổ, xem 60

53.- NÀNG BẠCH NẰM PHẢI GƯƠM

Điều chim vừa thừa giống canh ba,
Lạy nhỏ đốt cơm bỗng thấy dà.
Gót hạc vẩn-vơ say phách nguyệt,
Giấc loan trằn-trọc mệt hồn hoa.
Tưởng mình dễ giục lòng tơ rối,
Tới phận khôn cầm dọt ngọc sa.
Thương nhẽ duyên lành nên chếch-mác,
Trách ai nỡ để lụy Hằng-nga.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

54.- NÀNG BẠCH XÕE ÁO CHẠY RA

Phận bạc bông-nhan sự vậy dà,
Quản bao thân gội hạt mưa sa.
Gót tiên ngẩn-ngại bên ngàn vàng,
Áo thủy khôn nài trận tuyết pha.
Xuân muộn biếng trông miền cảnh quạnh,
Thu tàn hé thấy bóng trăng tà.
Lòng người nông-nổi, bao hiềm trách,
Trách kẻ chăm kia bỗng khéo là.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

55.- TÔN-SINH GIẬY BIẾT

孫生起覺

Đêm thanh sực[1] tỉnh giấc chan cù[2],
Bóng thoảng gương loan[3] bỗng-chốc đâu.
Trong trướng mảng còn nương chiếc gối,
Ngoài màn trông[4] đã vắng con hầu.
Nấu-nung mấy khắc đau lòng sắt,
Mong-mỏi ba[5] canh dãi (cạn)[6] bổng (bung) dầu.
Tưởng-tượng[7] đòi phen mờ dấu ngọc,
Như xui buồn-bã[8] giục con sầu.

o-o-o-o-o-o-o-o

56.- TÔN-SINH BỒI-HỒI

孫生惆悵

Ngồi nhẫn năm canh tưởng khúc-nhôi,
Đòi phen như giục trận bồi-hồi.
Nước non xiết nghĩ[1] đường an-ở,
Thuyền bến thêm buồn kẻ tới lui[2].
Mấy đoạn mơ-màng hồn điệp vẫn[2],
Hai hàng lả-chả[3] hạt châu rơi.
Nghĩ[4] chiều chểnh-mảng[5] chiều xum-họp,
Lần tưởng duyên-do luống ngậm-ngùi.

o-o-o-o-o-o-o

55) 1 Vừa — 2 Trong lầu — 3 Nga — 4 Trong (sai) — 5 Năm — 6 Cạn — 7 Nỗi — 8 Ai hay dun-dẩy
56) 1 Ngại — 2 Nỗi nước mây (sai) — 3 lả-tả — 4 Dở — 5 Đoàn tụ

55.- TÔN-SINH GIÃY BIỆT

Đêm thanh sực tỉnh giấc chăn cù,
Bóng thoảng gương loan bỗng-chốc đâu.
Trong trướng mảng còn nương chiếc gối,
Ngoài màn trống đã vắng con hầu.
Nẫu-nung mấy khắc đau lòng sắt,
Mong-mỏi ba canh dãi bỗng dầu.
Tưởng-tượng đốt phên mở dấu ngọc,
Như xui buồn-bã giục con sầu.

o-o-o-o-o-o-o-o

56.- TÔN-SINH BỒI-HỒI

Ngồi nhẩn nam canh tưởng khúc-nhôi,
Đốt phên như giục trận bồi-hồi.
Nước non xiết nghĩ đường am-ố,
Thuyền bến thêm buồn kẻ tới lui.
Mấy đoạn mơ-màng hồn điệp vẩn,
Hạt hàng lả-chả hạt châu rơi.
Nghĩ chiều chếnh-mảng, chiều xum-họp,
Lần tưởng duyên-do luống ngậm-ngùi.

o-o-o-o-o-o-o

55) 1 Vừa — 2 Trong lầu — 3 Ngọc — 4 Trống (rao) — 5 Năm — 6 Con [illegible] — 7 Nói [illegible] — 8 Ai [illegible]
56) 1 Ngồi — 2 Nói nước mây (rao) — 3 Lả-tả — 4 Dễ — 5 Đoàn tụ

57.- TÔN-SINH TỰ-THÁN

孫生自嘆

Bể sầu chất-chứa (chở) mấy nguồn tuôn,
Rối nhễ bòng-bong nỗi nước non.
Hoa nọ đã phai đâu[1] lại thắm,
Nguyệt kia nay khuyết thủa nào tròn.
Khen ai khéo tạc lời mây nước,
Xui khách khôn cầm[2] dạ sắt son.
Bối-bác lòng này bao xiết trách,[3]
Tình thâm xin[4] đoái chút đôi con.[5]

o-o-o-o-o-o-o-o

58.- NÀNG BẠCH HOÁT (sáng) VỀ (.. Giảng-giải)

白氏脫回 曉回

Ân-tình riêng nặng chút nâng-niu,
Lòng nọ như nay há mặn-mèo.[1]
Ngõ hạnh trông/chừng ngao-ngán nỗi,
Cửa hoa lỡ[2] bước ngại-ngùng chiều.
Đào mai[3] cười-cợt[4] duyên đeo-đuổi,[5]
Sông núi[6] buồn riêng[7] phận hẩm[8]-hiu.
Dù-nhẫn thắm nồng, dù chểnh[9]-mảng,
Một ngày nỡ[10] phụ nghĩa thương-yêu (sương-sìu).[11]

o-o-o-o-o-o-o-o

57) 1 Bao – 2 Hãn – 3 Lụy – 4 Hãy – 5 Thì hơn
58) 1 Há thiếp xưa nay có mỹ-miều(?) – 2 Lỡ – 3 Liễu hoa – 4 Gượng – 5 Đắng
6 Non nước – 7 Tênh – 8 Ẩm – 9 Nhãn – 10 Dỡ – 11 Sướng sùi

57.- TÔN-SINH TỰ-THÁN

孫生自嘆

Bể sầu chất-chứa mấy nguồn tuôn,
Rồi nhé bồng-bong nổi nước non.
Hoa nọ đã phai đâu[1] lại thắm,
Nguyệt kia nay khuyết thủa nào tròn.
Khen ai khéo tạo lời mấy nước,
Xui khách khôn cầm[2] dạ sắt son.
Bối-bác lòng này bao xiết trách,[3]
Tình thâm xin[4] đoái chút đôi con.[5]

o-o-o-o-o-o-o-o

58.- NÀNG BẠCH HOẠT VỀ (.. [illegible])

白氏賤回

Ân-tình riêng nặng chút nâng-niu,
Lòng nọ như nay há mặn-mèo.[1]
Ngõ hạnh trông chừng ngao-ngán nỗi,
Cửa hoa lỡ[2] bước ngại-ngùng chiều.
Đào mai[3] cười-cợt[4] duyên đeo-đuổi,[5]
Sông núi[6] buồn riêng[7] phận hẩm[8]-hiu.
Dù nhẫn thắm nồng, dù chểnh[9]-mảng,
Một ngày nỡ[10] phụ nghĩa thương-yêu.[11]

o-o-o-o-o-o-o-o-o

57) [illegible]
58) [illegible]

59.- NÀNG BẠCH THAN TRÁCH — 白氏嘆責

((Tưởng nguồn-cơn luống những đeo phiền,[1]
Há trách lòng người khéo bạc đen.
Gieo mận giả đào chưa chút[2] đoái, — xem 36/3
Thề sông trỏ[3] núi nỡ nào quên.
Duyên chàng[4] dù-nhẫn đành đôi-lứa,[5] — 停
Phận thiếp thương ôi dễ mấy phen.
Xin chớ nghe ai lời bội-bạc, — 背泊 (倍薄)
Vàng an hay hết, nghĩa lâu[6] bền.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

60.- TÔN-SINH KHOẢN-TẠ — 孫生款謝

-- ((Trải[1] từ gặp-gỡ bấy-lâu nay,
Tơ chỉ sương-siu há một ngày.
Những tưởng phượng loan êm gối chiếu,[2]
Muốn chi hồng nhạn rẽ[3] đông tây.
Vì đâu dở-dói nguồn-cơn ấy,
Bỗng-chốc xui nên nỗi-nước này.
Cả giám chớ[4] lòng cưu oán nữa,
Kẻo trơi-trổ gió, thẹn-thùng mây.)) — (x.54)

o-o-o-o-o-o-o-o-o

59 1 Nguồn cơn nghĩ lại sự nhân duyên — 2 Sao chẳng — 3 Chỉ — 4 Ưa — 5 chọn — 6 còn
60 1 Sảy — 2. Đệm — 3 Cách — 4 Đừng

59.- NÀNG BẠCH THẦN TRÁCH

((Tưởng nguồn-cơn luống những đeo phiền,[1]
Há trách lòng người khéo bạc đen.
Gieo mận giả đào chưa chút đoái,[2]
Thề sông trở[3] mặt nỡ nào quên.
Duyên chàng dù-nhẫn[4] đành đôi-lứa,[5]
Phận thiếp thương ôi để mấy phen.
Xin chớ nghe ai lời bội-bạc,
Vâng ăn hay hết, nghĩa lâu[6] bền.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

60.- TÔN-SINH KHOẢN-TẠ

-- ((Trải[1] từ gặp-gỡ bấy-lâu nay,
Tơ chỉ sương-siu há một ngày.
Những tưởng phượng loan êm gối chiếu,[2]
Muốn chi hồng nhạn rẽ[3] đông tây.
Vì đâu dở-dói nguồn-cơn ấy,
Bỗng-chốc xui nên nổi-nước nầy.
Cả giận chớ[4] lòng cưu oán nữa,
Kẻo trời-trở[5] gió, thẹn-thùng mây.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

61.- ÂN-TÌNH HỌP LẠI

恩情再合

Liễu tây sao[1] nỡ phụ đào đông,
Mấy nỗi cam-hờn[2] thoát sạch không.
Gối phượng duyên xưa[3] phai lại thắm,
Bạn loan ước[4] cũ lạt nên nồng.
Nương vàng tựa ngọc thề muôn kiếp,
Sửa trất[5] nâng khăn vốn[6] một lòng. 櫛
Đường nghĩa phen nầy càng vấn-vít,
Tấc lòng ân-ái kể khôn[7] cùng.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

VIII

62.- CHIẾU BAN THI HỘI

詔放會試

Bốn phương vừa ~~buổi~~ thuở[1] vận hòa[2]-bình, 課
Nối dấu lề[3] xưa mở hội lành.
Chiếu ngọc rậy-ran trong gác tía,
Tiếng[4] vang vang[4] lừng-lẫy chốn kinh-thành. 喋鎊
Chen vai cửa tía[5] người ham-hở,
Nối gót đường mây kẻ rắp-ranh. 啦吟
Cống-sĩ mây tuôn trời mọi chốn,
Gạp thời, ai chẳng chí công-danh.

o-o-o-o-o-o-o-o

61 1. Đâu – 2 良 (→恨) – 3 ưa – 4 Nghĩa – 5 Túi – 6 Ghín – 7 Bao
62 1 Thuở – 2 Thắng – 3 Vâng nối đến 綏坦 – 4 Lời vang – 5 Vũ 禹

61.- ÂN-TÌNH HỢP LẠI

Liễu tây sao nỡ phụ đào đông,
Mây nổi cam-hôm thoắt sạch không.
Gối phượng duyên xưa phai lạt thắm,
Bạn loan ước cũ lạt nên nồng.
Nương vàng tựa ngọc thề muôn kiếp,
Sửa trắt nâng khăn vẫn một lòng.
Đường nghĩa phen này càng vẫn-vít,
Tấc lòng ân-ái kể khôn cùng.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

62.- CHIẾU BAN THI HỘI

Bốn phương vừa buổi vận hòa-bình,
Nối dấu lề xưa mở hội lành.
Chiếu ngọc rậy-ran trong gác tía,
Tiếng vàng lừng-lẫy chốn kinh-thành.
Chen vai cửa tía người hăm-hở,
Nối gót đường mây kẻ rập-rành.
Cống-sĩ mây tuôn trời mọi chốn,
Gặp thì ai chẳng chí công-danh.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

63.- TÔN-SINH BẢO NÀNG BẠCH

孫生謂白氏

((Thiên-tử rày ra chiếu cử nhân,
Anh-tài mừng gặp hội long-vân.
Nghĩ bề gia-thất đành mòn kiếp,
Song hội công-danh dễ mấy lần.
Nàng ở giữ-gìn đàn chúng-tử,
Anh về lo bả nợ song-thần.
Một mai sự-nghiệp dù vuông-vẹn,
Gang-tấc tiên-cu ướm lại gần.))

o-o-o-o-o-o-o-o

64.- NÀNG BẠCH ĐÁP TÔN-SINH

白氏答孫生

-- ((Mảng tin thiếp đã vội lòng mừng,
Song lệ duyên này, biếng nói-nang.
Cong thủa tao-khang thôi đã vậy,
Một mai vinh-hiển lại quên chăng?
Sầu hoa luống mệt hồn con bướm,
Mượn gió hay đâu chốn gác Đằng.
Chầy kíp chàng ra, xin thiếp cũng,
Hãy còn đau tuyết, thẹn-thùng trăng.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

63 1 Tưởng – 2 Áng – 3 Gặp 及→双 – 4 Giàng 扛 – 5 者 – 6 身 (sai) – 7 Tròn – 8 Thoắt
64 1 Nghe – 2 Cũng – 3 Hồ-điệp – 4 Điều 調 – 5 Về – 6 Lạnh-lẽo chốn cung.

63.- TÔN-SINH BẢO NÀNG BẠCH

((Thiên-tử rảy ra chiếu cử nhân,
Anh-tài mừng gặp hội long-vân.
Nghĩ bề gia-thất đành muôn kiếp,
Song hội công-danh dễ mấy lần.
Nàng ở giữ-gìn đàn chúng-tử,
Anh về lo bả nọ song-thân.
Một mai sự-nghiệp đà vuông-vẹn,
Gang-tấc tiên-cu ướm lại gần.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

64.- NÀNG BẠCH ĐÁP TÔN-SINH

-- ((Mừng tin thiếp đã vội lòng mừng,
Song lệ duyên này, biếng nói-năng.
Công thừa tao-khang thôi đã vậy,
Một mai vinh-hiển lại quên chăng?
Sầu hoa luống mệt hồn con bướm,
Mượn gió hay đâu chốn gác Đằng.
Chầy kíp chàng ra, xin thiếp cũng,
Hãy còn đau tuyết; thẹn-thùng trăng.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

67 65.- THUYỀN ~~TỚI~~ TRẨY TRÀNG-AN

Than-thở xưa sau khắp mọi lời,[1]
Đề-huề bèn mới rén[2] chân dời.
Rẽ tam kình-ngạc đôi chèo giống,[3]
Dẹp trận ba-đào một chiếc khơi.
Ngàn[4] vắng chiều[5] hoa câu đối-đáp,
Duềnh thanh thưởng[6] nguyệt tiệc khuyên mời.
Thuận bề sự-nghiệp, yên bề nghĩa,
Mười ước phen nay hẳn vẹn[7] mười.

船赴長安 練 拟 棹 擞 揲 隻 盻

1. 塘 chữa ra 歷 – 2 Bước – 3 Nhẹ – 4 Ngày – 5 Triều – 6 Ghẹo – 7 Vẹn cả?

o-o-o-o-o-o-o-o-o

65 66.- TÔN-SINH TRẨY THUYỀN[1]

孫生竹船 ^ 答 族 氏

Thuyền nhẹ thênh-thênh gác mái ngoài,
Duyên nầy thề sánh[2] bể sông dài.
Mọi bề xá nhủ[3] lòng che-chở,
Mấy nỗi cam[4] chi tiếng mỉa-mai.
Sẵn ván há rằng cưu thói ấy, (1)
Cầm sào chi để luống công ai.
Mừng nay thuận gió nương[5] buồm nhẹ,
Giúp nước ra tay chống cột trời.

厦 𩵜 舍 𠮩 可 㨢

1 Bài nầy trước bài trên – 2 Bằng – 3 Ghởn – 4 Phiền – 5 Dương 揚 → 㨢

o-o-o-o-o-o-o-o-o

1

(1) Chú ý đến cách dùng chữ liên quan đến thuyền: ván, sào, chống, nước.

67 65.- THUYỀN TỚI TRÀNG-AN

TRẨY

Thần-thổ xưa sau khắp mọi lời,
Đế-huế bên mới rền chăm đời.
Bể tăm kinh-ngạc đôi chèo giong,
Đẹp trận ba-đào một chiếc khơi.
Ngân vang chiều hoa câu đối-đáp,
Duềnh thanh thưởng nguyệt tiệc khuyên mời.
Thuận bề sự-nghiệp, yên bề nghĩa,
Mười ước phen này hẳn vẹn mười.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

66 66.- TÔN-SINH TRẨY THUYỀN

Thuyền nhẹ thênh-thênh gác mái ngoài,
Duyên này thề sánh bề sông dài.
Mọi bề xá nhủ lòng che-chở,
Mấy nỗi cam chi tiếng mỉa-mai.
Sẵn vẫn hả rằng cưu thời ấy, (1)
Cầm sao chỉ để luống công ai.
Mừng nay thuận gió nương buồm nhẹ,
Giúp nước ra tay chống cột trời.

o-o-o-o-o-o-o-o

67.- THUYỀN ĐẾN BỜ SÔNG PHI-LAI

船到彩来江岸

Trải áng giang-sơn mấy dặm khơi,
Cách ngàn trông đã tới Phi-lai.
Giùi khua chuông gác hồi khoan nhặt,
Gió gẫy cầm thông khúc tiểu đài. 小大
Hoa cỏ kèo người say dạ hứng, 嶠
Nước non chiều[1] khách dãi[2] lòng vui. 㨼
Giập-dìu quán khách người xuôi ngược,[3] 習妙
Viếng cảnh, chơi già, há một ai ! 伽 可

o-o-o-o-o-o-o-o

68.- NÀNG BẠCH MÁCH TÔN-SINH

白氏曉孫生

((Trước[1] ngàn, khóm trốc hiệu chốn[2] Phi-lai, 屋
So khắp nhân-gian, chỉn khác vời. 今 (ng chưa)
Gác nguyệt, lầu hoa vầy một áng,
Non nhân, nước trí dẫy[4] đôi nơi. 洗
Thú này no kịp thu[5] chiều lạ, 奴及 收
Thiếp thủa du[6] nhàn vốn trải chơi. 餘閒
Nay được cùng chàng qua cảnh cũ,
Giám xin viếng cảnh tới thăm thầy.[7]))

o-o-o-o-o-o-o-o

1 Trấu – 2 Nước – 3 Đường đi lại
1 Cách – 2 Cảnh – 3 Hội 会 – 4 拉 khắp – 5 Vui vẻ no – 6 Thư 舒 –
7. Lối lại chốn hương-đài

IX

69.- BUỘC THUYỀN LÊN BỘ

維舟登岸

Thuyền lan vừa tới cảnh[1] Tây-thiên,
Kề bến dan tay mới bước lên.
Nối gót lần-la[2] ngoài viện trúc,
Dâng hương khúm-núm dưới am thiền.
Nghe kinh đòi đoạn say mùi đạo,
Thấy cảnh như[3] ai dất mối phiền.
Non nước khi vui đành đã vậy,
Gương trần lệ chửa thấu[4] lòng tiên.

o-o-o-o-o-o-o-o

70.- NÀNG BẠCH BẢO TÔN-SINH

白氏謂孫生

((Xưa thiếp từng qui vốn ở đây,
Theo đường kinh-giáo mấy thu chầy.
Áo cơm hổ[1] đội lòng cung-dưỡng[2],
Ngày tháng muôn trông đức[3] độ-trì.
Non nước tuy rằng vui thú ấy,
Tóc tơ vốn hãy tạc lòng nầy.
Rầy nhân viếng cảnh về am cũ,
Xin tới[4] thiền-trai bạch lạy[5] thầy.))

度持

o-o-o-o-o-o-o

1 Thuở tới – 2 La cà – 3 Xui – 4 Chẳng bội 浩
1 Ấm no trăm – 2 Bề cơm áo – 3. Nhưng – 4 Đến – 5 Tạ

37
40

69.- BUỘC THUYỀN LÊN BỘ

Thuyền Lan vừa tới cảnh Tây-thiên,
Kề bến dan tay mới bước lên.
Nối gót lần-la ngoài viện trúc,
Dâng hương khúm-núm dưới am thiền.
Nghe kinh đôi đoạn say mùi đạo,
Thấy cảnh như ai đặt mối phiền.
Non nước khi vui dành đã vậy,
Gương trần lệ chứa thấu lòng tiên.

o-o-o-o-o-o-o-o

70.- NÀNG BẠCH BÁO TÔN-SINH

((Xưa thiếp từng qui vốn ở đây,
Theo đường kinh-giáo mấy thu chầy.
Áo cơm nỏ đội lòng cung-dưỡng,
Ngày tháng mòn trông đức độ-trì.
Non nước tuy rằng vui thú ấy,
Tóc tơ vẫn hãy tạc lòng này.
Rày nhân viếng cảnh về am cũ,
Xin tới thiền-trai bạch lạy thầy.))

o-o-o-o-o-o-o

1 Thuở tới - 2 Lạc cả - 3 Xưa - 4 Chẳng đội
1 Ấm no tháng - 2 Bẽ cơm áo - 3. Những - 4 Đến - 5 Tạ.

7I.- NÀNG BẠCH YẾT HUYỀN-TRANG

白氏見玄莊

((Tiện-thiếp thân xưa khách Quảng-hàn,
Giáng-sinh làm vượn chốn Tùng-quan.[1]
Theo đường Phật-giáo mong cầu phúc,
Đội đức thiền-sư kíp độ nan.[2]
Tủi phận chửa cam bề khổ-hạnh,
Vì duyên nên lụy thói phàm-gian.[3]
Hổ-hang[4] giám ngõ lời than-thở,
Muôn đội ơn già[5] sá giải oan.))

賤妾 廣寒 松関 度難 苦行 凡间 虎豁 吽 金伽

o-o-o-o-o-o-o

72.- HUYỀN-TRANG HỎI NÀNG BẠCH

玄莊问白氏

-- ((Cửa chiền chi chút mấy năm dư,
Thầy tớ từng quen đạo muối dưa.
Lòng nọ chửa nguôi phong-cảnh ấy,
Duyên này nỡ phụ nước non xưa.
~~Phím~~ Bấm dây cầm-sát bao lâu mới[1] ?
Nối nghiệp cơ-cầu[2] đã có chưa ?
Mong-mỏi bấy[3] chầy tin-tức vắng,
Nào hay nhớ cảnh lại bây giờ.))

泛 箕裘 女牧

o-o-o-o-o-o-o

71) 1 Thác sinh đày xuống cõi trần gian — 2 Cứu khỏi nạn — 3 Trần hoàn
4. Phong hương — 5 Thầy
72) 1 Tái — 2 Hưng bi — 3 Mấy

71.- NÀNG BẠCH YẾT HUYỀN-TRANG

((Tiện-thiếp thân xưa khách Quảng-hàn,
Giáng-sinh làm vượn chốn tùng-quan.
Theo đường Phật-giáo mong cầu phúc,
Đội đức thiền-sư kịp độ nạn.
Tất phận chửa cam bề khổ-hạnh,
Vì duyên nên lụy thói phàm-gian.
Hồ-hang giam ngõ lời than-thở,
Muôn đội ơn già sẽ giải oan.))

o-o-o-o-o-o-o-o

72.- HUYỀN-TRANG HỎI NÀNG BẠCH

-- ((Cửa chiền chi chút mấy năm dư,
Thầy tớ từng quen đạo muối dưa.
Lòng nọ chửa nguôi phong-cảnh ấy,
Duyên này nữ phụ nước non xưa.
Bấm đầy cầm-sắt bao lâu mới ?
Nỗi nghiệp cơ-cầu đã có chưa ?
Mong-mỏi bấy chầy tin-tức vắng,
Nào hay nhớ cảnh lại bây giờ.))

o-o-o-o-o-o-o-o

71) 1 Thiếp mình ông xuống cõi trần-gian — 2 Cái khổ nạn — 3 Trầm luân
4. Phàm trường — 5 Thăng
72) 1 Tớ — 2 Hưng bi — 3 Mây

73.- NÀNG BẠCH ĐÁP HUYỀN-TRANG

白氏答玄莊

-- ((Từ thủa[1] qui-y tựa bóng hiên,
Tháng ngày cơm áo đội ơn thiền.
Hổ mình chưa thoát bề trần-tục,
Lánh gót nên khơi[2] cửa giới-chiền[3].
Ấm chiếu no[4] (êm) giường vừa sáu tải[5],
Qua sông vượt bể đã hai phen.
Vì xa[6] non nước nên xa cảnh,
Tơ-tóc công chiền[7] dễ giám quên.))

皈依 戒禪廛 載 → tuổi?

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

74.- NÀNG BẠCH TỪ-GIÃ HUYỀN-TRANG

白氏辞玄莊

Dãi hết niềm đan[1] nỗi gót đầu,
Chân dày ngần-ngại thủa[2] ra lầu.
Tóc mây gió lướt[3] hoa phai nhụy,
Má hạc châu chan phấn quẹn[4] màu.
Cám[5] cảnh đìu-hiu ngao-ngán nhớ[6],
Thương lòng[7] điêu-đứng (đeo-đẳng) ủ-ê sầu.
Nước non xiết kể niềm li-biệt,
Phật độ-trì cho hóa kiếp sau.

鞋 洌 吺 刀 騎

o-o-o-o-o-o-o

1. Chốn – 2 Xa – 3 Phật đài (sai) – 4 Êm – 5 歪 – 6 氵 – 7 Già thưa chuả để
1 Tây – 2 Bước – 3 Lật – 4 Lạt – 5 Nhớ – 6 Nỗi – 7 Người
栗

73.- NÀNG BẠCH ĐÁP HUYỀN-TRANG

-- ((Từ thuở[1] qui-y tựa bóng hiền,
Tháng ngày cơm ảo đội ơn thiền.
Hồ mình chưa thoát bề trần-tục,
Lành gót nên khơi[2] cửa giới-chiền.[3]
Ầm chiều nơ[4] giường vừa sầu tắt,[5]
Qua sông vượt bể đã hai phen.
Vì xa[6] non nước nên xa[6] cảnh,
Tơ-tóc cõng chiền[6] để giảm[7] quên.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

74.- NÀNG BẠCH TỪ-GIÃ HUYỀN-TRANG

Dặt hết niềm đan[1] nối gót đầu,
Chân dầy ngẩn-ngại thuở[2] ra lầu.
Tóc mây gió lướt[3] hoa phai nhụy,
Má hạc châu chan phấn quện[4] màu.
Cảm[5] cảnh đìu-hiu ngao-ngán nhớ,[6]
Thương lòng điều[7]-đứng ủ-ê sầu.
Nước non xiết kể niềm li-biệt,
Phật độ-trì cho hóa kiếp sau.

o-o-o-o-o-o-o

(X)

75.- NÀNG BẠCH ~~LÌA~~ CHÀO TÔN-SINH

白氏别孫生

((Vốn thiếp thân xưa thượng-giới tiên,[1] 仙
Vì duyên vậy[2] phải lụy trần-duyên.
No ngày chẳng giám khuây[3] chầu-chực, 飲歹
Vâng mệnh cho nên lỗi ước-nguyền.
Trăm lạy giã chàng còn ở thế,
Năm mây xin thiếp lại lên tiên. 仙 (trùng vận)
Kim hoàn[4] đôi chiếc trao làm bạn, 金环
Ngõ[5] để cầm tay giải mối[6] phiền.))

1 Xưa thân của Đế thiên – 2 Cho – 3 Lại mới lên – 4 Đoa 鈥 – 5 Xin – 6 chút keo 忄

o-o-o-o-o-o-o-o

76.- TÔN-SINH CHÀO NÀNG BẠCH

孫生别白氏 曉

-- ((Bấy lâu trót đã bén nhân-duyên, 律 姻緣
Chẳng cốc hồng-nhan mảng bụng[(1)] 1 liền. 谷㗂嘍捧連
Yến bắc nhạn nam nên[2] để nhớ,[3]
Ngựa Hồ chim Việt luống đeo phiền.
Hai thân mong-mỏi nào còn đoái,
Đôi chút nâng-niu nỡ phút quên.
Ân-nghĩa[4] nguyền xưa xin chớ phụ,
Vàng phai, đá nát, nghĩa lâu[5] bền.))

1 Sao khách cung Trăng bỗng chốc – 2 Thêm – 3 Bận – 4 Ái – 5 Còn

o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Nét son chưa ra (1) 俸祝 bỗng chốc

Cốc : biết (chữ 覺 : cốc xem Truyền Kì mạn lục). Mảng : nhẳng ra (chểnh-mảng)

75.- NÀNG ĐẠCH ~~LẠY~~ CHÀO TÔN-SINH

((Vốn thiếp thân xưa thượng-giới tiên,
Vì duyên vậy phải lụy trần-duyên.
Nọ ngày chẳng giám khuây chấp-chực,
Vâng mệnh cho nên lỗi ước-nguyện.
Trăm lạy giã chàng còn ở thế,
Năm mây xin thiếp lại lên tiên.
Kim hoàn đôi chiếc trao làm bạn,
Ngõ để cầm tay giải mối phiền.))

o-o-o-o-o-o-o

76.- TÔN-SINH CHÀO NÀNG ĐẠCH

—((Bấy lâu trót đã bén nhân-duyên,
Chẳng cốc hồng-nhan nàng vọng(1) tiên.
Vắn bấc nhạn nem nên để nhớ,
Ngựa Hồ chim Việt luống đeo phiền.
Hai thân mong-mỏi nào còn đoái,
Đôi chút nâng-niu nỡ phút quên.
Ân-nghĩa nguyện xưa xin chớ phụ,
Vâng phai đã mất, nghĩa lâu bền.))

o-o-o-o-o-o-o

X. Vè Tiên

77.- NÀNG BẠCH LẠI BẢO TÔN-SINH

白氏再曉孫生

-- ((Niềm đan[1] xiết kể nỗi yêu thương,
Song mệnh vua ban giám thị thường. 覌常
Cung quế đã đành yên phận thiếp,
Cõi trần dầu mặc đẹp duyên chàng.
Nước non tuy cách người đôi ngả,[2]
Tình-nghĩa hằng như[3] thủa một giường.
Muôn đội ơn chàng còn nhớ thiếp,
Thân[4] sau xin lại họp phòng hương.

1 Tây – 2 Dỗi 唯 → 佳 chối – 3 Ghi 記 – 4 Kiếp

o-o-o-o-o-o-o-o-o

78.- NÀNG BẠCH KHUYẾN TÔN-SINH

白氏勸孫生

)) Đã đành bồ-liễu phận long-đong,
Sá quản ân-tình nỗi nhớ-nhung. 詫
Một[1] thiếp(1) miễn khuyên công đáp-điếm, 妾(1)妾
Hai[2] con xin gắng sức vun-trồng.
Chung sau danh-nghĩa dù hai vẹn,
Cống thủa tao-khang nhớ chút(2) cùng. 工 糟糠 女汝
Lời thiếp dạn[3] chàng còn đoái đến,
Thiếp tuy vắng mặt cũng cam lòng.))

1 Sự – 2 Phận – 3 Mã

o-o-o-o-o-o

(1) nét son chữa ra 盎 ảng (2) Nguyên viết 妾 thiếp. 怡
Nét son chữa ra chút

77.- NÀNG BẠCH LẠI BẢO TÔN-SINH

-- ((Niềm đan xiết kể nỗi yêu thương.
Song mệnh vua ban giẩm thị thường.
Cung quế đã đành yên phận thiếp.
Cõi trần dầu mặc đẹp duyên chàng.
Nước non tuy cách người đôi ngả.
Tình-nghĩa hằng như thửa một giường.
Muôn đội ơn chàng còn nhớ thiếp.
Thân sau xin lại hợp phòng hương.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

78.- NÀNG BẠCH KHUYÊN TÔN-SINH

)) Đã đành bồ-liễu phận long-đong.
Sá quản ân-tình nỗi nhớ-nhung.
Một thiếp miễn khuyên công đáp-điểm.
Hai con xin gắng sức vun-trồng.
Chung sau danh-nghĩa đủ hai vẹn.
Cồng thửa tao-khang nhớ chút cùng.
Lời thiếp dặn chàng còn đoái đến.
Thiếp tuy vắng mặt cũng cam lòng.))

o-o-o-o-o-o

79.- NÀNG BẠCH LÊN TIÊN

白氏登仙

Cùng chàng dãi hết mọi niềm tây,
Bèn mới dời tay tới cội cây.
Gió cuốn mịt-mù muôn dặm ngất,
Sấm ran rùng-rẩy nửa canh chầy.
Hương còn phảng-phảng đưa mùi xạ,
Bóng đã mờ-mờ khuất áng mây.
Cung quế nhẫn-dù vui cảnh cũ,
Lạnh-lùng chi nỡ để ai đây.

o-o-o-o-o-o-o

(XI)

80.- TÔN-SINH THAN GIẬN

孫生嘆恨

Nguyền xưa bỗng-chốc thắm nên phai,
Xiết kể nguồn-cơn nỗi vụng-dời.
Tần Tấn nỡ quên duyên mấc-muối,
Việt Hồ luống để khách xa-xôi.
Sầu lan dễ giục hồn hồ vẫn,
Thẩm huệ khôn hàn dọt ngọc trôi.
Hay nỗi nước nầy cùng chẳng chửa?
Làm chi khéo nhễ dở-dang ai.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

1. Dời chân — 2 thoảng thoảng — 3 Khắc đảo hai chữ xạ và bóng — 4 Sao
1 Nỗi — 2 擾 vẹn → 变 biến — 3 Hoa — 4 Rời — 5 Nông — 6 Nàng có biết

79.- NÀNG BẠCH LIÊN TIÊN

Cùng chàng đất hết mọi niềm tây,
Bến mới dời tay tới cội cây.
Gió cuốn mịt-mù muôn dặm ngắt,
Sấm ran rúng-rẫy nửa canh chầy.
Hương còn phảng-phảng đưa mùi xạ,
Bóng đã mờ-mờ khuất áng mây.
Cung quế nhẫn-dù vui cảnh cũ,
Lạnh-lùng chi nỡ để ai đây.

o-o-o-o-o-o-o

80.- TÔN-SINH THAN GIẬN

Nguyền xưa bỗng-chốc thắm nên phai,
Xiết kể nguồn-cơn nỗi rủng-rời.
Tần Tấn nỡ quên duyên mặc-mười,
Việt Hồ luống để khách xa-xôi.
Sầu lan dễ giục hồn hồ vẫn,
Thẳm huệ khôn hàn dột ngọc trời.
Hay nỗi nước nầy cũng chẳng chửa ?
Làm chi khéo nhẽ dở-dang ai.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

X1 Nói xa

8I.- TÔN-SINH YẾT HUYỀN-TRANG

孫生見玄莊

((Xưa vốn về qua chốn Bạch-tuyền,
Gạp nàng Bạch-thị kết làm duyên.
Rày ra Kinh-quốc nhân chơi cảnh,
Bỗng lánh trần-gian nỡ dứt nguyền.
Trăm tiếc nghìn thương càng thảm-thiết,
Một trời muôn dặm luống âu-phiền.
Giải oan xin mở lòng thương rộng,
Ngõ được siêu-sinh tựa bóng thiền.))

超生

1. Viên — 2. Lương

o-o-o-o-o-o-o-o

82.- HUYỀN-TRANG BẢO TÔN-SINH

玄莊曉示孫生

-- ((Nó vốn xưa là cái Bạch-viên,
Hóa thân lánh ở chốn lâm-tuyền.
Dựng lầu, kiến gác trăm chầu lại,
Giễu khách trêu người vốn đã quen.
Quân-tử thôi về miền cố-quốc,
Công-danh theo dấu nghiệp gia-tiên.
Từ rày dạn nhé đừng lai-vãng,
Ngày tháng khuyên-răn để mạc thiền.))

國→閣 閣
哨,嘹 本
家先
鍾
嘮

o-o-o-o-o-o-o-o

1 Vốn trước — 2 Thạch — 3 Đặt — 4 Ghế — 5 Ghẹo — 6 Thói — 7 nối — 8 nhủ

(1) Đời xưa bổn 本 đọc như vốn, vì vậy đây lấy vốn đối với trăm

81.- TÔN-SINH YẾT HUYỀN-TRANG

((Xưa vốn về qua chốn Bạch-tuyền,
Gặp nàng Bạch-thị kết lâm duyên.
Rầy ra Kinh-quốc nhân chơi cảnh,
Bỗng lánh trần-gian nỡ dứt nguyên.
Trăm tiếc nghìn thương càng thảm-thiết,
Một trời muôn dặm luống âu-phiền.
Giải oan xin mở lòng thương rộng,
Ngõ được siêu-sinh tựa bóng thiền.))

1. Viên — 2. Luống

o-o-o-o-o-o-o-o

82.- HUYỀN-TRANG BẢO TÔN-SINH

-- ((Nó vốn xưa là cái Bạch-viên,
Hóa thân lánh ở chốn lâm-tuyền.
Dưng lâu, kiến gặc trăm chầu lạt,
Giếu khách trêu người vốn đã quen.
Quân-tử thôi về miền cố-quốc,
Công-danh theo dấu nghiệp gia-tiên.
Từ rầy dặn nhé đừng lai-vãng,
Ngày tháng khuyên-răn để mặc thiền.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

1 Vốn thuở — 2 Thạch — 3 Đất — 4 Chè — 5 Chọc — 6 Thói — 7 nấy — 8 nhé

(1) Bản xưa bổn 本 đọc như vốn, vì vậy đúng lấy vốn để thế chữ

83.- TÔN-SINH BÁI-TẠ XUỐNG THUYỀN

孫生拜謝登舟

Vâng lời thầy dặn trước thềm hoa,
Quì lạy thôi[1] chàng mới trở[2] ra.
Mấy bước ngẩn-ngơ[3] chồn gót[4] ngọc,
Hai hàng thánh-thót đượm khăn là.
Nhớ người thấy cảnh càng ngao-ngán,
Tưởng nước[5] trông mây[6] luống xót-xa.
Bối-rối lòng này khôn xiết kể,
Trêu ngươi hay[7] bấy khách trang già.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

84.- DẮT CON TỰ TÌNH

携子敘情

Nghĩ là viếng cảnh tới thăm thầy,
Chẳng khác (cốc)[1] chim hồng[2] rẽ cánh bay.
Đôi chiếc già (vòng)[3] trao còn để lại,
Đòi ngày con trẻ (gửi)[4] lấy làm khuây.
Mai sau nhờ dịp mà[5] yên phận,
Ngửa kính khuyên ngươi chớ lỗi nghì.
Thương chút ngây thơ nên quạn-quạt,
Xa-xôi ai[6] biết mấy lần mây.

o-o-o-o-o-o-o-o

1 Rồi – 2 Bước – 3 Vơ vẩn – 4 Gót – 5 Khách – 6 Trắng – 7 thay 台
1 谷→谷 cốc (=biết) – 2 鳩 cưu – 3 Vòng 錇 – 4 Gửi – 5 Dư – 6 Hầu

83.- TÔN-SINH BÁI-TẠ XUỐNG THUYỀN

Vâng lời thầy dạn trước thềm hoa,
Qui lạy thôi[1] chàng mới trở[2] ra.
Mấy bước ngẩn-ngơ[3] chồn gót[4] ngọc,
Hai hàng thánh-thót dượm khăn là.
Nhớ người thấy cảnh càng ngao-ngán,
Tưởng nước[5] trông mây[6] luống xót-xa.
Bối-rối lòng này khôn xiết kể,
Trêu nguơi hay[7] bấy khách trang già.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

84.- DẮT CON TỰ TÌNH

Nghĩ là viếng cảnh tới thăm thầy,
Chẳng khác[1] chim hồng[2] rẽ cánh bay.
Đôi chiếc giả[3] trao còn để lại,
Đôi ngày con trẻ[4] lấy làm khuây.
Mai sau nhớ dịp mà[5] yên phận,
Ngừa kính khuyên nguơi chớ lỗi nghì.
Thương chút ngây thơ nên quấn-quít,
Xa-xôi ai[6] biết mấy lần mây.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

85.- HAI CON AI-THÁN

二子哀嘆

« Mênh-mông trời đất[1] áng cao dày,
Cảm cảnh vì[1] đâu[2] nỗi nước này.
Gặp-gỡ bỗng quên lòng gắn-bó,
Đeo-bồng nỡ để phận thơ ngây.
Gưởi[3] xương tạc dạ thôi đà[4] vậy,
Bả[5] thảo đền ơn dễ lấy gì.
Muốn thảm nghìn sầu ai gỡ giúp,
Tóc tơ chất-chứa một thành xây. »

調 逢 韶

把

慘

o-o-o-o-o-o-o-o

86.- TÔN-SINH ĐIỆN-TẾ NÀNG BẠCH

孫生奠祭白氏

((Mấy dặm cùng mây hỏi má hồng!
Hay[1] đâu phen[2] lại thở-than cùng.
Hồn-hoa vắng-vẻ năm canh nguyệt,
Thuyền bách lênh-đênh một dặm[3] sông.
Kiếp ấy đã đành đeo phận bạc,
Vật chi nay[4] được giả ơn lòng.
Ba tuần chén lạt thiêng thì hưởng,
Muôn kiếp nghìn năm nghĩa rét[5] nồng.))

番

栢

冽

o-o-o-o-o-o-o-o-o

1 Bể – 2 Sao nên – 3 Ghi – 4 thế – 5 Giả
1 Ở – 2 Xưa – 3 Khúc – 4 cho – 5 Về sau lại ấm nồng

85.- HAI CON AI-THÀN

((Mênh-mông trời đất ằng cao dày.
Cám cảnh vì đâu nỗi nước này.
Gặp-gỡ bỗng quên lòng gắn-bó,
Đêm-đồng nỡ để phận thơ ngây.
Cuối xương tạc dạ thôi đà vậy,
Bả thảo đền ơn để lấy gì.
Vạn ~~tầm~~ Muôn thước nghìn sâu ai gỡ giúp,
Tóc tơ chất-chứa một thành xây.))

o-o-o-o-o-o-o-o

86.- TÔN-SINH ĐIỆN-TẾ NÀNG BẠCH

((Mây đạm cùng mây hỏi mà hồng!
Hay đâu phen lạt thổ-than cùng.
Hồn-hoa vắng-vẻ nằm canh nguyệt,
Thuyền bách lênh-đênh một dặm sông.
Kiếp ấy đã đành đeo phận bạc,
Vật chi nay được giả ơn lòng.
Ba tuần chén lạt thiêng thì hương,
Muôn kiếp nghìn năm nghĩa rét nồng.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

XII

87.- DỜI THUYỀN TRẨY KINH

移舟赴京

Gió cuốn buồm giong lá phất-phơ,
Thuyền lan lảng-đảng giữa duềnh tơN.
Nhớ nhà lằng hạnh chèo thơ-thẩn,
Thương khách cung trang mái[1] vẩn-vơ. 沕𤃠埋 lái? 𢭸
Rừng thẳm buồn[2] trông mây[3] lác-đác,
Non xanh thẹn thấy nhạn bơ-vơ.[4]
Ngong chừng phong-cảnh lâu-đài cũ,
Bối-rối lòng vàng luống ngẩn-ngơ.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

88.- THUYỀN ĐẾN TRƯỜNG-AN

船到長安

Trải áng non sông độ nhật[1]-trình,
Tuần dư mới tới cõi[2] kinh-thành.
Đường mây dạn họp[3] làng van-vật,
Cửa thánh vui chơi[4] bạn sử-kinh.
Tưởng nguyệt chửa ~~khuây~~ người[7] lòng khế-khoát,[5] 契濶
Khán[6] hoa thêm nức chí công-danh. 㗘 看
Long-vân hội cả[7] phen nầy gặp, 扱
Cung quế ra tay quyết bẻ[8] cành.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

87) 1 sóng – 2 Lầu thắm vui – 3 sao – 4 Lơ thơ
88) 1 Mấy độ – 2 chốn – 3 Hội mặt – 4 Tuyết dan tay – 5 闊 – 6 Xem – 7 Cả hội – 8 Bẻ một

87.- ĐÒI THUYỀN THẤY KINH

Gió cuốn buồm giong lá phất-phơ,
Thuyền lan lẳng-đẳng giữa duềnh tơ.
Nhớ nhà lảng hạnh chèo thơ-thẩn,
Thương khách cung trang mắt vẩn-vơ.
Rừng thẳm buồn trông mây lác-đác,
Non xanh thẹn thấy nhạn bơ-vơ.
Ngong chừng phong-cảnh lâu-đài cũ,
Bối-rối lòng vàng luống ngẩn-ngơ.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

88.- THUYỀN ĐẾN TRƯỜNG-AN

Trải áng non sông độ nhật-trình,
Tuần du mới tới cõi kinh-thành.
Đường mây dan hợp lắng vạn-vật,
Cửa thành vui chơi bạn sứ-kinh.
Tưởng nguyệt chưa khuây lòng khế-khoát,
Khen hoa thêm nức chí công-danh.
Long-vân hội cả phen nầy gặp,
Cung quế ra tay quyết bẻ cành.

o-o-o-o-o-o-o-o

尋香。 BVV7上 22 14a

神仙感遇傳。蓬達求入貝丘、西王母山中 球?
伐木、忽覺異香、迎風尋之、此山廓然自開、宮
殿盤鬱、樓台博敞。入门窺之見五株玉樹復
稍前有四仙女彈棊于堂上、見球俱驚起謂
蓬君何故得來。球曰、尋香而至

BULAC

89.- TÔN-SINH VÀO THI HỘI

孫生入會試

Đường mây rộng mở hội khoa-trường,
Hăm-hở đua lăm chí nửa dương.
Mây lộng, bút thiêng giong một trận,
Hoa đào, câu gấm rỡ nghìn chương.
Bốn ngày giật tốt đều bêu trước,
Một giáp tiêu cao tiếng nức vang.
Giật giải hoàng-đồ nay phỉ chí,
Miếu-đường có thủa dự nghênh-ngang.

o-o-o-o-o-o-o-o

90.- TÔN-SINH THI ĐÌNH

孫生庭試

Ngự-bút từ vâng dưới bệ rồng,
Tay tiên phới-phới thuận như dòng.
Hoa thêu gấm dệt lời trau-chuốt,
Quỉ khốc thần kinh bút vẫy-vùng.
Bảng giáp bêu cao trên gác tía,
Đai vàng ban chịu trước đền phong.
Trong triều danh-giá so đường ít,
Bia tạc muôn đời tượng tướng-công.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

89) 1 Bấn là (dương) – 2 Gió – 3 Thêu – 4 gồm – 5 Nước? 湝 – 6 Nức tiếng sang
7 Nhà chật đai vàng – 8 nhân 因 → 固
90) 1. 東 → 筆 – 2 Tiêu 標 – 3 Một 文

89.- TÔN-SINH VÀO THI HỘI

Đường mây rộng mở hội khoa-trường,
Hàm-hổ đua làm chí nửa đường.
Mây lộng, bút thiêng giong một trận,
Hoa đào, câu gấm rõ nghìn chương.
Bốn ngày giật tốt đầu bêu trước,
Một giáp tiêu cao tiếng nức vang.
Giật giải hoàng-đồ này phỉ chí,
Miếu-đường có thuở dự nghênh-ngang.

o-o-o-o-o-o-o-o

90.- TÔN-SINH THI ĐÌNH

Ngự-bút tứ vàng dưới bệ rồng,
Tay tiên phới-phới thuận như dòng.
Hoa thêu gấm dệt lời trau-chuốt,
Quỉ khốc thần kinh bút vẫy-vùng.
Bảng giáp bêu cao trên gác tía,
Đai vàng ban chịu trước đến phong.
Trong triều danh-giá so đường ít,
Bia tạc muôn đời tượng tướng-công.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

91.- ÁO GẤM VỀ LÀNG

衣錦回香

Từ vâng chiếu-chỉ trước đền vàng,
Giống-giả long-câu mấy dặm trường. 嚎者竜駒
Nối gót[1] đường mây xe nập-[2]nạ, 納拿
Chen chân làng hạnh võng nghênh-ngang.
Gửi chim nhắn cá người ao-ước,
Sửa trất[3] nâng[4] khan kể vội-vàng.
Cong thủa yên vui đành đã vậy, 工
Muối gừng[5] nghĩa cũ nhớ hay[6] chăng?

o-o-o-o-o-o-o-o-o

XIII

92.- ĐƯỜNG QUA SÔNG PHI-LAI

路過冠萊江岸

Vẳng-vẳng bên tai tiếng khắc chuông, 終 柊
Phi-lai trông đã ~~khác~~ ~~xa~~ cách gác ngàn sông. 恪 → 格 格
Gió xuân[1] đòi đoạn lay chồi[2] trúc, 揀萊
Mây thảm từng[3] phen lẫn[4] bóng thông.
Thương khách xa-xôi xe lẩn-thẩn,[5]
Tưởng niềm[6] li-biệt dạ[7] long-đong.
Vui chung ai để sầu riêng ấy,
Biết nỗi này chăng hỏi má hồng?

o-o-o-o-o-o-o-o-o

91 1 Theo dấu – 2 Lập 立 (?) – 3 Túi – 4 Mang 挖 → 拕 – 5 Dưa rau – 6 Cũng
92 1 Sầu – 2 Cây 樸 → 樸 – 3 Ghe – 4 Gác 擱 – 5 Nên lận-đận – 6 Người –
7 Luống

91.- ÁO GẤM VỀ LÀNG

Từ vâng chiếu-chỉ trước đền vàng,
Giồng-giả long-câu mấy dặm trường.
Nối gót đường mây xe nập-nạ,
Chen chân làng hạnh võng nghênh-ngang.
Gửi chim nhắn cá người ao-ước,
Sửa trắt nâng khăn kẻ vội-vàng.
Công thỏa yên vui đành đã vậy,
Muối gừng nghĩa cũ nhớ hay chăng?

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

92.- ĐƯỜNG QUA SÔNG PHI-LAI

Vẳng-vẳng bên tai tiếng khắc chong,
Phi-lai trông đã ~~khắc~~ gác ~~xết~~ cách ngắn sông.
Gió xuân dồi đoạn lay chồi trúc,
Mây thẳm từng phen lẫn bóng thông.
Thương khách xa-xôi xe lần-thần,
Tưởng niềm li-biệt dạ long-đong.
Vui chung ai để sầu riêng ấy,
Biết nỗi này chăng hỡi má hồng?

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

93.- TÔN-SINH BẢO TIỂU-ĐỒNG

孫生謂小童

((Kìa chốn Phi-lai dặm khách[1] này,
Xưa cùng tiên-nữ thủa phân[2] tay.
Đôi phương cảnh-giới tuy xa-cách,
Mấy đoạn[3] ân-tình chửa chút[4] khuây.
Đất báu hầu mong[5] xây một tháp,
Lửa[6] hương ngõ[7] để dõi lâu[8] ngày.
Phiền ngươi liệu-lượng thay lời đấy,
Chớ ngại công-lao, tới bạch thầy.))

唯
料量

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

94.- TIỂU-ĐỒNG MANG VÀNG TỚI PHI-LAI

小童攜(領)金詣來(登岸)

Gẫm[1] biết duyên-do nỗi ái-ân,
Trước xe[2] tù-tạ mới dời chân.
Mấy lời tâm-sự[3] muôn phần ~~chửa~~ ghín[4]
Trăm lượng hoàng-kim một gánh quần.
Nghĩa nặng tôi-ngươi còn chở[5] dạ,
Đường trường ~~mây-móc~~ men[6] quản chi thân.
Cửa thiền ~~nếu~~ vì[7] mở lòng dung-đãi,
Chớ[7] để công ai luống nhọc-nhằn.

渚→謹
郡
渚脆

o-o-o-o-o-o-o

93) 1 Trước – 2 Dan – 3 Một nỗi – 4 Chẳng có – 5 Ơn thiền – 6 Đèn – 7 Xin – 8 Đời
94) 1 Lĩnh – 2 Sau – 3 Minh bạch – 4 Ghín 謹 – 5 Đế – 6 Men-móc 綿木 – 7 Nỡ

93.- TÔNSINH BẢO TIỂU-ĐỒNG

((Kìa chốn Phi-Lai đậm khách này,
Xưa cùng tiên-nữ thỏa phần tay.
Đôi phương cảnh-giới tuy xa-cách,
Mấy đoạn ân-tình chửa chút khuây.
Đất báu hầu mong xây một tháp,
Lửa hương ngõ để đời lâu ngày.
Phiền người Liệu-Lượng thay lời dạy,
Chớ ngại công-lao, tới bạch thầy.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

94.- TIỂU-ĐỒNG MANG VÀNG TỚI PHI-LAI

Cảm biết duyên-do nỗi ái-ân,
Trước xe từ-tạ mới dời chân.
Mấy lời tâm-sự muôn phần chửa
Trăm lượng hoàng-kim một gánh quẩn.
Nghĩa nặng tôi-người còn chỗ dạ,
Đường trường mây-móc quản chi thân.
Cửa thiền nếu mở lòng dung-đất,
Chớ để công ai luống nhọc-nhằn.

o-o-o-o-o-o-o-o

95.- TIỂU-ĐỒNG BẠCH THIỀN-SƯ

小童白禪師

((Trình: chủ tôi xưa ngụ Thạch-tuyền,
Từ về qua cảnh, rẽ tay tiên.
Khôi-khoa mà rày đã mừng muôn dặm,[1] (vẹn)
Ân -ái lòng còn để một bên.
Phiền gắng công-phu xây báu-tháp,
Ngõ hòa ngày tháng dõi[2] hương-yên.
Hoàng-kim trăm lượng đem làm của,
Muôn việc từ nay giám cậy thiền.))

o-o-o-o-o-o-o-o

96.- THIỀN-SƯ THAN

禪師嘆

((Dù chẳng chăn loan,[1] chẳng[2] gối giường,[3]
Một ngày cũng[4] nghĩa đạo cương-thường.
Xiết bao[5] Bạch-thị duyên mây nước,
Khá sợ tôn-quan[6] dạ đá[7] vàng.
Của tướng thiếu chi người yểu-điệu,
Nhà lan còn nhớ khách[8] tao-khang.
Gẫm rằng quân-tử lòng trung-hậu,
Có đức đành hay có vẻ-vang.))

o-o-o-o-o-o-o-o

95) 1 Vẹn – 2 唯
96) 1 Uyên – 2 Cũng (Sài) – 3 Vồng – 4 Là – 5 Nào ngờ – 6 chữ thực quan-nhân
7 Sắt – 8 Nghĩa

95.- TIỂU-ĐỒNG BẠCH THIỀN-SƯ

((Trình: chủ tôi xưa ngụ Thạch-tuyền,
Từ về qua cảnh, rẽ tay tiên.
Khôi-khoa mũ rây đã mừng muôn dặm,
Ân-ái lòng còn để một bên.
Phiến giảng công-phu xây báu-tháp,
Ngõ hòa ngày tháng dốt hương-yên.
Hoàng-kim trăm lượng đem làm của,
Muôn việc từ nay giảm cậy thiền.))

o-o-o-o-o-o-o-o

96.- THIỀN-SƯ THAN

((Dù chẳng chăn loan, chẳng gối giường,
Một ngày cũng nghĩa đạo cương-thường.
Xiết bao Bạch-thị duyên may nước,
Khá sợ tôn-quan dạ đá vàng.
Của tướng thiếu chi người yểu-điệu,
Nhà Lan còn nhớ khách tao-khang.
Gẫm rằng quân-tử lòng trung-hậu,
Có đức dành hay có vẻ-vang.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

97.- THIỀN-SƯ BẢO TIỂU-ĐỒNG 禪師謂小童

((Từ thửa qui-y náu[1] bóng thông,
Tu nhân, tích đức vốn con[2] dòng. 修仁
Thìn bề làm[3] phúc tua cầu[4] phúc, 辰 須
Rắp[5] sự hưng công há ngại ~~kxmgx~~ công. [illegible]
Vả nghĩa thửa[6] (nuôi) xưa còn để dạ,
Mà lời dặn[7] trước lại[8] ghi lòng.
Việc nầy xin mặc thầy[9] lo-liệu,
Chầy kíp ngươi về gửi tướng-công.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

98.- TIỂU-ĐỒNG TỪ GIẢ VỀ 小童辞帰

Dưới thềm đồng đã ngửa vâng lời,
Từ thửa[1] tùng-quan[2] rén bước[3] dời. 松関
Bãi Sở trải qua nghìn dặm vắng,
Đường mây[4] giạo khắp mấy ngàn khơi. 垃
Lắng tai nhạc ngựa theo đòi bước,
Trông bóng cờ loan[5] thẳng tới nơi.
Non nước quản chi công lận-đận,
Khứ lai minh-bạc đạo tôi-ngươi. 去来

o-o-o-o-o-o-o-o

97) 1 Tựa – 2 Theo – 3 Lời cầu – 4 Cũng làm – 5 Gặp – 6 Nuôi – 7 Nhủ – 8 Hãy – 9 Giù [illegible]
98) 1 Cửa – 2 Lâm – 3 Gót – 4 Thông – 5 Giường [illegible]

97.- THIỀN-SƯ BẢO TIỂU-ĐỒNG

((Từ thửa qui-y nẩu bỏng thông,
Tu nhân, tích đức vốn con dòng.
Thìn bề lắm phúc tua cầu phúc,
Rắp sự hưng công hả ngại xxxxx công.
Vả nghĩa thửa xưa còn để dạ,
Mà lời dặn trước lại ghi lòng.
Việc này xin mặc thầy lo-liệu,
Chầy kíp người về gửi tướng-công.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

98.- TIỂU-ĐỒNG TỪ GIÃ VỀ

Dưới thềm đồng đã ngựa vâng lời,
Từ thửa tùng-quan rén bước dời.
Bắt Sở trải qua nghìn dặm vắng,
Đường mây giạo khắp mấy ngàn khơi.
Lăng tai nhạc ngựa theo dốt bước,
Trông bóng cờ loan thẳng tới nơi.
Non nước quản chi công lận-đận,
Khứ lai minh-bạc dạo tôi-người.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

97) 1 Tựa – 2 Theo – 3 Lời câu – 4 Công làm – 5 Giúp – 6 Xưa – 7 Nhủ – 8 Hãy – 9 Giữ thư
98) 1 Cửa – 2 Làm – 3 Gót – 4 Thăng – 5 Giống

99.- TIỂU-ĐỒNG PHỤC MỆNH — 小童復命

((Vâng mệnh lời[1] truyền thủa bước ra,
Một lòng khấn-khấn giám sai ngoa. 懇
Tới miền Tĩnh-độ vào chơi cảnh[2],
Dâng tráp hoàng-kim mới bạch già. 匣 伽
Từ đã cậy người trăm sự[3] ổn[4],
Lại vâng theo gót[5] mấy ngàn xa.
Mừng nay danh-nghĩa đôi đường vẹn,
Dãi hết lòng ngây[6], giám gưởi qua.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

XIV

100.- TÔN-SINH VỀ ĐẾN QUẢNG-XUYÊN — 孫生回到廣川

Dạm hòe dìu-giặp[1] khúc thiều dâng, 妙習 韶
Một cõi non sông[2] tiếng rậy lừng. 吡 嘍
Ghé mắt bóng cờ đường[3] náo-nức, 啁 嚷
Lắng tai nhạc ngựa[4] chốn tưng-bừng. 熷 烰
Xum-vầy làng[5] hạnh người đua đón[6],
Đổng-chật[7] nhà lan kẻ[8] vội mừng. 董 秩 倍
Hoa liễu hội nầy vui-vẻ bấy,
Ai về nhắn-nhủ[9] khách cung trang.

o-o-o-o-o-o-o-o

99) 1 Lệnh bài – 2 Ý đã dạy – 3 Muôn – 4 Ấy 意 穩 – 5 Dấu – 6 Son
100) 1 Đập-dìu dặm liễu – 2 Sông non – 3 Ai – 4 Tiếng nhạc – 5 Ngõ – 6 Rước – 7 Đủng-đỉnh – 8 Khách – 9 nhủ

99.- TIỂU-ĐỒNG PHỤC MỆNH

((Vâng mệnh lời truyền thửa bước ra,
Một lòng khăn-khăn giám sai ngoa.
Tới miền tĩnh-độ vào chơi cảnh,
Dâng tráp hoàng-kim mới bạch già.
Từ đã cậy người trăm việc ổn,
Lại vâng theo gót mấy ngàn xa.
Mừng nay danh-nghĩa đôi đường vẹn,
Dốc hết lòng ngay, giám gưởi qua.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

100.- TÔN-SINH VỀ ĐẾN QUẢNG-XUYÊN

Dặm hòe dìu-giặp khúc thiều dâng,
Một cõi non sông tiếng rậy lừng.
Ghé mắt bóng cờ đường náo-nức,
Lắng tai nhạc ngựa chốn tưng-bừng.
Xum-vầy làng hạnh người đưa đón,
Đông-chật nhà lan kẻ vội mừng.
Hoa liễu hội nầy vui-vẻ bấy,
Ai về nhăn-dạn khách cung trăng.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

IOI.- LẠY TẠ CHA MẸ

Xe dừng dây kéo, ngựa dừng yên,
Gót ngọc khoan-khoan bước tới hiên.
Bái-tạ khong-mừng đường cụ khánh,
Sinh-ca dáng-dỏi tiệc quỉnh-diên.
Một thơ giai-lão dâng ~~dâng~~ lời chúc,
Đôi chữ thừa-hoan mượn chén ~~mời~~ khuyên.
Tuổi thọ lại mừng con quí-hiển,
Trăm năm xum-họp một nhà tiên.

o-o-o-o-o-o-o-o

IO2.- HAI CON BÁI-TẠ

Cửa hạnh nhà thông rén bước sang,
Dan tay cùng tới chốn sanh-đường.
Cúi đầu dãi ngỏ niềm ưu-ái,
Quì gối dâng lên chữ thọ-trường.
Mừng-rỡ người đều nâng-nhấc ngọc,
Ai-yêu ai chẳng chắt-chiu vàng.
Đoàn loan hội ấy đành vui-vẻ,
Còn quạn lòng chàng chút nỗi nàng.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

101) 1 ... (dây) lạc — 2 Rất 空 — 3 Khai 開
102) 1 Trước thửa — 2 Mới — 3 Trước ở — 4 Hết — 5 Đưa dâng — 6 Dấu — 7 thỏa — 8 Đau — 9 Xót

101.- LẠY TẠ CHA MẸ

Xe dừng dây kéo, ngựa dừng yên,
Gót ngọc khoan-khoan bước tới hiên.
Bái-tạ không-mừng đường cụ khánh,
Sinh-ca dâng-dối tiệc quỳnh-diên.
Một thơ giai-lão dâng ~~dâng~~ lời chúc,
Đôi chữ thừa-hoan mượn chén mời. khuyên.
Tuổi thọ lại mừng con quí-hiển,
Trăm năm xum-họp một nhà tiên.

o-o-o-o-o-o-o-o

102.- HAI CON BÁI-TẠ

Cửa hạnh nhà thông rên bước sang,
Dan tay cùng tới chốn sang-đường.
Cúi đầu dải ngỗ niềm ưu-ái,
Quì gối dâng lên chữ thọ-trường.
Mừng-rỡ người đều nâng-nhắc ngọc,
Ai-yêu ai chẳng chắt-chiu vàng.
Đoàn loan hội ấy đành vui-vẻ.
Cõn quặn lòng chàng chút nỗi nàng.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

103.- CHA MẸ HỎI TÔN-SINH

((Thành-đô nấn-ná bấy lâu nay,
Nhà khách quê người thủa tháng ngày.
Kết tóc về đâu nên gán-bó ?
Vương tơ nên nỗi nghĩa riêng-tây.
Trải từ gặp-gỡ bao thu ấy,
Sớm đã nâng-niu những đứa nầy.
Rầy được ơn trên về bái tổ,
Hồng-nhan sao chẳng rước về đây!))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

104.- TÔN-SINH ĐÁP CHA MẸ

-- ((Kinh-quốc từ ra mấy dặm chầy,
Ngàn mây xẩy tới chốn cung mây.
Cầu Lam hội ấy đành không hẹn,
Khuôn tạo trời kia bỗng khéo xây.
Lần-lữa mấy thu thêm mắc-mưới,
Đèo-bòng hai chút phận thơ-ngây.
No ngày, nường đã về cung Quế,
Các-trở cho nên vắng áng nầy.))

o-o-o-o-o-o-o-o

103) 1 晉? — 2 Độ dâu duyên — 3 Chút — 4 Đất (sai) — 5 Vào
104) 1 Trên — 2 Gặp — 3 ~~Khôn~~ — 3 Cấn — 4 Sáu — 5 Duyên — 6 ... — ~~8 Lại~~ — 7 Mặt đây

103.- CHA MẸ HỎI TÔN-SINH

((Thành-đô nền-nã bấy lâu nay,
Nhà khách quê người thửa thẳng ngày.
Kết tóc về đâu nên gắn-bó ?
Vương tơ nên nỗi nghĩa riêng-tây.
Trải từ gặp-gỡ bao thu ấy,
Sớm đã nâng-niu những đứa nầy.
Rầy được ơn trên về bắt tổ,
Hồng-nhan sao chẳng rước về đây ?))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

104.- TÔN-SINH ĐÁP CHA MẸ

-- ((Kinh-quốc từ ra mấy dặm chầy,
Ngàn mây xây tới chốn cung mây.
Cầu Lam hội ấy đành không hẹn,
Khuôn tạo trời kia bỗng khéo xây.
Lần-lữa mấy thu thêm mặc-muội,
Đèo-bồng hạt chút phận thơ-ngây.
Nọ ngày, nàng đã về cung Quế,
Cách-trở cho nên vắng ảng nầy.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

105.- LẠI ĐÁP

((Từ về qua tới[1] áng lâm-tuyền,[2]
Xẩy gặp cung[3] Nga mới kết duyên.[4]
Ác thỏ nam dời vừa sáu lẻ,
Bi-hùng điềm[5] ứng đã hai[6] phen.
Những ngờ trướng gấm nồng duyên phượng,
Hay nỗi[7] cung mây rẽ cánh tiên.
Từ ấy[8] đèo-bòng tay váng-vẻ,[9]
~~Việt Hồ~~ Bể hồ đôi nước[10] luống đeo phiền.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

又体

衣→仄 調

波胡: bể Hồ
越?

106.- CHA MẸ TỰ TÌNH

((Nước non từ váng nước non ta,[1]
Xiết kể nguồn-cơn nỗi xót-xaa.[2]
Mượn ~~mối~~ mọ?[3] thợ nhàn[4] khôn nẻo tới,
Ngóng trông tin cá luống ngày qua.
Người rằng lạc ~~gót~~ dấu? thuyền ngư-phủ,
Kẻ thốt[5] nương chân cảnh phạn-già.
Muôn nỗi tơi-bời[6] thêm dở-dói,[7]
Ỷ môn đôi đoạn hạt châu sa.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

父母叙情

抄义

嘆喋

顋

踊→踴?

說 梵伽

撲哷

倚門

105) 1 Chốn – 2 Tới Thạch(-tuyền) – 3 Hằng – 4 Nguyền – 5 Triệu – 6 Đời – 7 Nào biết
8. Đấy – 9 Bận-bịt 绊别 – 10 Cung quế!

106) 1 Ở quê nhà – 2 Xa – 3 Trao mượn – 4 Hồng – 5 Nói – 6 Việc kíp bày – 7 Nổi 没

105.- LẠI ĐÁP

((Từ về qua tới áng lâm-tuyền,
Xảy gặp cung Nga mới kết duyên.
Ác thỏ nam dời vừa sáu lẻ,
Bỉ-hùng điềm ứng đã hai phen.
Những ngờ trướng gấm nồng duyên phượng,
Hay nối cung mây rễ cành tiên.
Từ ấy đèo-bồng tay vâng-vẻ,
Việt Hồ dời nước luống đeo phiền.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

106.- CHA MẸ TỰ TÌNH

((Nước non từ vắng nước non ta,
Xiết kể nguồn-cơn nỗi xót-xa.
Mượn mối thỏ nhắn khôn nẻo tới,
Ngóng trông tin cá luống ngày qua.
Người rằng lạc dấu thuyền ngư-phủ,
Kẻ thốt nương chân cảnh phận-già.
Muôn nỗi tơi-bời thêm dở-dói,
Ý môn dời đoạn hạt châu sa.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

XIV Thầm nhà

107.- MỞ TIỆC YẾN MỪNG

開筵晏賀

Nam-nhi mừng phỉ chí công-danh,
Rực-rực nhà lan mở hội lành. 吪(弋)
Phương-trượng tiệc vầy bàn yến-tiếu, 方丈燕笑
Đoàn loan ngày dắng[1] khúc ca-sinh. 團鸞歌笙
Đào mai đua mặt dâng câu gấm,
Thông cúc dan tay nổi[2] chén quỳnh. 泼
Rều[3] cỏ hội nhuần[4] ơn nước bến[5], 𦼔䕸會潤-变
Hoa đua tươi-tốt, nguyệt đua thanh. 清

o-o-o-o-o-o-o-o

108.- TÔN-SINH KHUYÊN HAI CON

孫生勸子二

((Sách đèn là ấy[1] nghiệp thư-sinh,
Khuya sớm khuyên con đạo học-hành.
Ngày tháng miễn[2] vui chơi cửa Khổng, 免
Tuyết[3]-sương chớ ngại đứng sân Trình. 雪 平
Mười nam đăng-hỏa bằng hay gáng,
Một giáp khôi-nguyên ắt để dành.
Nhạn[4] nhé hạnh-đàn càng bấm[5] chí, 𨫊 嚷
Thiếu-niên dễ mấy thủa xuân xanh.

o-o-o-o-o-o-o

107) 1 Dắng dỏi – 2 Chuốc – 3 Rều 𦼔 – 4 Nhuần 潤 – 5 Bến 𤅶 – ~~6 Xanh~~ 撑
108) 1 Vốn 本 – 2 悗 → 免 – 3 𩄲 mây (sai) – 4 Nhủ – 5 Thì

107.- MỞ TIỆC YẾN MỪNG

Nam-nhi mừng phỉ chí công-danh,
Rực-rỡ nhà Lan mở hội lành.
Phượng-trướng tiệc vầy bàn yến-tiêu,
Đoàn loan ngày dâng khúc ca-sinh.
Đào mai đưa mặt dâng câu gấm,
Thông cúc đan tay nối chén quỳnh.
Mở cỗ hội đào om nước biển,
Hoa đua tươi-tốt, nguyệt đua thanh.

o-o-o-o-o-o-o-o

108.- TÔN-SINH KHUYÊN HAI CON

((Sách đèn là ấy nghiệp thư-sinh,
Khuya sớm khuyên con đạo học-hành.
Ngày tháng miễn vui chơi cửa Khổng,
Tuyết-sương chớ ngại đứng sân Trình.
Mười năm đăng-hỏa bằng hay gắng,
Một giáp khôi-nguyên ắt dễ dành.
Nhặn nhé hạnh-đàn càng bám chỉ,
Thiều-niên để mấy thủa xuân xanh.

o-o-o-o-o-o-o

I09.- TÔN-SINH TÙ GIÃ CHA MẸ

孫生謝父母登程

Gióng-giả long-câu thủa bộ-hành[1], 嘹啫竜駒
Thềm hoa quì lạy mới thưa trình[2]:
((Chín lần-điện (cung) vâng chầu-chực,
Muôn dặm thần-hôn giám trễ-tràng. 𥙩長
Gia-quốc hổ[3] còn quần[4] một gánh, 郡
Hiếu trung khôn xiết nổi (vẹn)[5] đôi đường.
Lấy chi nay[6] được làm lời tạ:
Ngũ phúc xin dâng trước thọ[7]-đường.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

II0.- CHA MẸ KHUYÊN TÔN-SINH

父母勸孫生

-- ((Khoa-danh rày đã đội ơn trên,
Chức-phận khuyên con xá giữ-gìn. 舍
Tôi nước miễn ghi lòng khuyển-mã, 犬馬
Chăn dân chẳng lọ chí ưng[1]-chiên.
Phép công, lý[2] chính hằng ghi giữ (chuẩn)[3],
Cửa lợi, đường danh chớ bá-men. 播綿
Tài lạ nổi[4] nên công giúp nước,
Nghìn năm dõi để một biểu[5] truyền.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

109) 1 Vội vàng – 2 Chưởng – 3 Hãy – 4 Chung 鍾 (chữ nầy khuôn khổ bề khác, chắc mới chuẩn)
5 ~~Khắp~~ được (vẹn) – 6 Rày – 7 Cẩm 錦
110) 1 鷹 → 鷹 – 2 Lẽ – 3 Nghiêm cẩn – 4 Vẹn – 5 Bia.

109.- TÔN-SINH TỪ GIÃ CHA MẸ

Giống-giả long-câu thừa bộ-hành,
Thêm hoa quì lạy mới thưa trình:
((Chín lần-điện vâng châu-chục,
Muôn dặm thăm-hôn giảm trễ-tràng.
Gia-quốc hổ còn quẩn một gánh,
Hiếu trung khôn xiết nói đôi đường.
Lấy chi nay được làm lời tạ:
Ngũ phúc xin dâng trước thọ-đường.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

110.- CHA MẸ KHUYÊN TÔN-SINH

-- ((Khoa-danh rày đã đội ơn trên,
Chức-phận khuyên con xả giữ-gìn.
Tôi nước miễn ghi lòng khuyển-mã,
Chăn dân chẳng lọ chỉ ưng-chiên.
Phép công, lý chính hằng ghi giữ,
Của lợi, đường danh chớ bả-mem.
Tất lạ nối nên công giúp nước,
Nghìn năm đời để một bểu truyền.))

o-o-o-o-o-o-o-o

109) 1 Vân vong - 2 Chường - 3 Hổ - 4 Chung ... 5 ... - 6 ... - 7 ...
110) 1 ... - 2 Lối - 3 Nghìn ... - 4 Vẹn - 5 ...

110 b.- TÔN-SINH LÊN ĐƯỜNG ~~TON SINH LEAN DUONG~~ 孫生登程

Trước thềm từ đã diễn ~~dời~~ chân dời, 㐌
Đường hạnh long-câu bước thảnh-thơi. 杏竜駒
Võng giá nghênh-ngang nghìn dặm khách,
Ngựa dù lừng-lẫy một phương trời.
Xa/trông Kim-khuyết dần kề bóng, 金闕
Thẳng trỏ Trường-yên phút tới nơi. 長安
Gặp hội long-vân duyên cá nước,
Tài cao hăm-hở chí phù đời.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

III b.- TÔN SINH VÀO CHẦU 孫生入朝

Khen hỏi từ vâng mệnh Cửu-trùng, 唷嗨 (Han? hỏi)
Áo xiêm ra mặt trước đền phong. 楓
Đai vàng ngự-thưởng trên lầu phượng,
Sắc ngọc khâm-ban dưới bệ rồng,. 敕
Giúp nước ơn vì lòng Thánh-đức, 聖彷
Phù đời công vẹn dấu văn-phong. 文風
Trong triều dự kể tài kinh-quốc, 经国
Muôn nước khen-lao một tướng-công.

-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-

Hai bài này ở bản A không có. Đây lấy ở bản B. Trái lại hai bài 110, 112 ở bản B lại không có

III.- TÔN-SINH YẾT-KIẾN VUA

孫生殿見

Từ-tạ song-thân giục gót câu,
Đường hòe dặm liễu bước mau-mau.
Long-trì đứng chực, vào ra mặt,
Đan-bệ quì dâng lễ khấu đầu.
Vừng nguyệt soi tường hoa gác thẳm,
Bóng dương giại (giải?) tỏ cỏ hang sâu.
Gội nhuần muôn đội ơn trên nặng,
Khuya sớm khang thìn đạo ái-ưu.

駒 龍墀 丹陛 煬 辰

o-o-o-o-o-o-o-o

II2.- HẠ CHIẾU TÌM NGỌC BÁU

下詔求美玉異香宝

Chiếu phượng tuyên-truyền khắp bốn phương,
Tìm loài báu ngọc tiến nhà vương.
Khác phàm đá vũ tinh hình-dáng,
Hơn giống(1) san-hô dọi vẻ-xvang.
Dân-sự thưởng cho truyền hậu-duệ,
Chức-quyền bạn tú dõi quan-lang.
Lời tơ dường báng xe mà chở, (?)
Châu báu tìm dâng chốn gác vàng.

碔 精 熾 後裔 敬賜唯官郎 扇渚

o-o-o-o-o-o-o-o

Hai bài trên ở sách 林泉奇遇 không có

(1) Bản nôm viết húy 𪤄

XV chầu vua

111.- TÔN-SINH YẾT-KIẾN VUA

孫生覲見

Tử-tạ song-thân giục gót câu,
Đường hòe dặm liễu bước mau-mau.
Long-trì đứng chực, vào ra mắt,
Đan-bệ quì dâng lễ khấu đầu.
Vừng nguyệt soi tường hoa gác thắm,
Bóng dương giại (giãi) tỏ cỏ hang sâu.
Gội nhuần muôn đội ơn trên nặng,
Khuya sớm khang thìn đạo ái-ưu.

o-o-o-o-o-o-o-o

112.- HẠ CHIẾU TÌM NGỌC BÁU

Chiếu phượng tuyên-truyền khắp bốn phương,
Tìm loài báu ngọc tiến nhà vương.
Khác phàm đá vũ tinh hình-dạng,
Hơn giống[1] san-hô đọi vẻ-xoang.
Dâng-sự thưởng cho truyền hậu-duệ,
Chức-quyền bạn tứ đời quan-sang.
Lời to đường bằng xe mà chở, (?)
Châu báu tìm dâng chốn gác vàng.

o-o-o-o-o-o-o-o

Hai loài trên ở sách 林泉奇遇 không có

(1) Bản nôm viết bằng 𫾾

XV Châu vua

II3.- TÔN-SINH GỬI THƠ CHO HAI CON

孫生寄二子書

« Ngửa thấy nam mây nhật-sứ[1] trời, 日使→馹
Truyền dâng châu báu[2] khắp ~~trang~~ hòa nơi.
Một lời chỉ phán muôn dân cứ,
Nghìn sắc[3] ban phong bốn bể vui. 敕 封
Thảy[4] chốn ~~gần~~ xa-gần[5] còn ứng[6] mệnh, 状
Huống ta chầu-chực kẻ làm tôi.
Kim-hoàn[7] đôi chiếc nay đem[8] tiến. 金环
Thư tới khuyên con phải kíp dời. »

o-o-o-o-o-o-o

II4.- HAI CON MANG KIM-HOÀN ĐI

二子携金环登程上進

Trao tay từ đã thấy thư[1] nhà,
Kíp giục[2] hành-trang mới bước ra.
Đôi chiếc vòng[3] phong đề chữ gấm,
Chín lần cung-tiến dưới thềm hoa.
Màu xôi giá[4] trước bằng[5] châu Ngụy, 吹
Giá trọng so[6] xưa mẽ ngọc Hòa. 美 和
Lòng thánh ước cầu nay xứng chỉ,
Đành hay một lạng thắng nghìn[7] xe. 車

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

113) 1 Chiếu – 2 Ngọc – 3 剌→敕 – 4 Mọi – 5 Xới – 6 chịu – 7 Thoa 釵 – 8 Dâng
114) 1 Túi – 2 Sửa – 3 Kín – 4 Vẻ mầu vi – 5 誇 giềm? nhằm? – 6 Hơn – 7 Thiếu

113.- TÔN-SINH GỬI THƠ CHO HAI CON

« Ngửa thấy nam mây nhật-sứ trời,
Truyền đăng châu bầu khắp ~~xung~~ hóa nơi.
Một lời chỉ phấn muôn dân cứ,
Nghìn sắc ban phong bốn bể vui.
Thấy chốn ~~gấm~~ xứ xa-gần còn ứng mệnh,
Huống ta châu-chục kể lắm tôi.
Kim-hoàn đôi chiếc nay đem tiến.
Thư tới khuyên con phải kịp dời. »

o-o-o-o-o-o-o

114.- HAI CON MANG KIM-HOÀN ĐI

Trao tay từ đã thấy thư nhà,
Kíp giục hành-trang mới bước ra.
Đôi chiếc vòng phong đề chữ gấm,
Chín lần cung-tiến dưới thềm hoa.
Màu xôi giá trước bằng châu Ngụy,
Giá trọng so xưa mẽ ngọc Hòa.
Lòng thành ước cầu nay xứng chỉ,
Đành hay một lạng thăng nghìn xa.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

113) 1 Chiếu – 2 Ngọc – 3 [illegible] – 4 Mọi – 5 Xứ – 6 Chịu – 7 Thoa [illegible] – 8 Đáng
114) 1 Tin – 2 [illegible] – 3 Kín – 4 [illegible] – 5 [illegible] – 6 [illegible] – 7 [illegible]

XV chầu vua

II5.- PHONG QUAN-TƯỚC CHO HAI CON

褒封二子官爵

Báu dâng thiên-tử phỉ lòng cầu,
Ngự phán khong-[1]khen trước bệ-[2]lâu.
Bút ngọc ngự ban[3] lời chiếu-chỉ,
Sân rồng riêng[4] chịu sắc công-hầu.
Chín lần chầu-chục hàng[5] trên dưới,
Một cửa nghêng-ngang võng[6] trước sau.
Nối gót trong triều ngôi[7] quí-hiển,
Ơn vua[8], mới biết nghĩa Nàng sâu.

啌嗗 陞樓

o-o-o-o-o-o-o-o-o

116.- HAI CON THI ĐẬU

二女登科

科第

Ơn trên cha đã ~~gi~~ dự tôn-vinh,
Khoa-đệ hai con lại nổi danh.
Quyển nộp bốn[1] ngày trong thí-[2]viện,
Danh đề một họ rõ[3] hai[3] sinh.
Khen[4] tài, Thiên-tử ban câu gấm,
Ngợi đức[5] muôn dân[5] nức tiếng lành.
Gấm biết nhà còn dư phúc để,
Trăm năm dõi-dõi[6] nghiệp công-khanh.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

1. Lời – 2 Phượng – 3 Ngựa vâng – 4 Cúi – 5 Hằng (sai) – 6 Kiệu 僑 – 7 Nơi – 8 Lòng

1- Ba – 2 Một – 3 Dõi đôi – 4 Đáng – 5 Sức dân gian – 6 Nối

115.- PHONG QUAN-TƯỚC CHO HAI CON

Bầu dâng thiên-tử phỉ lòng cầu,
Ngự phẩm khoang-khen trước bệ-lầu.
Bút ngọc ngự ban lời chiếu-chỉ,
Sân rồng riêng chịu sắc công-hầu.
Chín lần châu-chực hàng trên dưới,
Một cửa nghênh-ngang võng trước sau.
Nối gót trong triều ngôi quí-hiển,
Ơn vua, mới biết nghĩa Nắng sâu.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

116.- HAI CON THI ĐẬU

Ơn trên cha đã gi dự tôn-vinh,
Khoa-đệ hai con lại nối danh.
Quyển nộp hôm ngày trong thí-viện,
Danh đề một họ rõ hai sinh.
Khen tài, Thiên-tử ban câu gấm,
Ngợi đức muôn dân nức tiếng lành.
Gẫm biết nhà còn dư phúc để,
Trăm năm đời-đời nghiệp công-khanh.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

117.- NÀNG BẠCH NHỚ TÔN-SINH

白氏思孫生

Từ ngày đưa[1] gót chốn cung[2] tiên, 遶 霆→仙
Nguyền-ước lòng xưa chửa chút quên.
Gối phượng mơ-màng thêm mãi[3] nhớ, 買 吠
Gương[4] loan chong bóng những đeo phiền. 柊 終
Xuân tàn luống để hoa gầy-gộc, 瘦 瘸
Tuyết nhuộm cam-hờn[5] phận[6] bạc đen. 吟 噴
Một dải sông Ngân nên cách-trở,
Cõ~ Hạnh[7] nào lại được bến[8] nhân-duyên. 幸→牽 cõ~?

o-o-o-o-o-o-o-o-o

118.- THƯỢNG-ĐẾ ĐÒI NÀNG BẠCH HỎI

上帝召問白氏

« Cung tiên giạo gót bấy lâu nay,
Thể-dạng xem chiều[1] ướm[1] lạ thay! 愠
Mong-mỏi vì đâu nên nỗi ấy,
Nhớ-trông về đấy những duyên đây.
Xưa sao mẽ[2] liễu, tươi đào[3] ấy,[3] 嗼
Rày bỗng phai hoa,[4] ủ nguyệt nầy.
Mấy đoạn chung riêng dầu ngõ thấu,[5]
Chở-che nỡ hẹp phận thơ-ngây.[6] »

o-o-o-o-o-o-o-o-o

117) 1 Theo - 2 Vân 雲 - 3 Tưởng - 4 Hương - 5 Xuân nào - 6 吝 lẫn → 方 - 7 幸 - 8 Hợp 合
118) 1 Dường chỉn - 2 Thắm - 3 Xuân 春 → 赤 mây - 4 Đào - 5 Hết - 6 Ngây thơ (sai)

117.- NÀNG BẠCH NHỚ TÔN-SINH

Từ ngày đưa gót chốn cung tiên,
Nguyện-ước lòng xưa chửa chút quên.
Gót phượng mơ-màng thêm mắt nhớ,
Vương loan chong bóng những đeo phiền.
Xuân tàn luống để hoa gầy-gộc,
Tuyết nhuộm căm-hờn phận bạc đen.
Một dải sông Ngân nên cách-trở,
Hạnh nào lại được bén nhân-duyên.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

118.- THƯỢNG-ĐẾ ĐÒI NÀNG BẠCH HỎI

« Cung tiên giạo gót bấy lâu nay,
Thể-dạng xem chiều ươm lạ thay!
Mong-mỏi vì đâu nên nỗi ấy,
Nhớ-trông về đấy những duyên đây.
Xưa sao mê liễu, tươi đào ấy,
Rày bỗng phai hoa, ủ nguyệt này.
Mấy đoạn chung riêng dầu ngỏ thấu,
Chở-che nỡ hẹp phận thơ-ngây. »

o-o-o-o-o-o-o-o-o

II9.- NÀNG BẠCH TÂU THƯỢNG-ĐẾ 白氏奏帝上

-- ((Thác-sinh từ thủa ghín vâng lời, 謹
Gạp-gỡ chàng Tôn mới kết đôi.
Một gối lạnh-~~hùng~~[1] nồng nguyền chửa phỉ,
Hai phen nâng bẩm[2] nghĩa nào nguôi. 檩
Nhớ xuân dễ khiến hoa xùi-xụt,
Đeo tuyết[3] cho nên nguyệt ngậm-ngùi.
Những ước lại tròn duyên chếch-mác,
Muôn trông bệ ngọc sự[4] tài-bồi.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

I20.- THƯỢNG-ĐẾ HỨA TÁI-HỢP 上帝許再合 (白臻)

Từ thấy lời[1] tâu ý[2] (bỗng) xót sao, 倚恄 → 俸
Trước sau bèn mới phán tiêu-hao. 消耗
Trót đà[3] một nghĩa cùng nguyền-ước,
Chi để hai phương[4] luống khát-khao.
Tôn Các (vấn)[5] tuy là[6] người hạ-giới, 本 → 各? 下界
Tử-vi xưa cũng khách Thiên-tào. 紫微 天曹
Lại ban xum-họp duyên hương-lửa,
Cho đúng quần[7] nho sáng má đào. 裙儒 紅 → 桃

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

1 Thắm – 2 Bế – 3 Tuỉ phận – 4 Đức
1 Quế – 2 Bỗng – 3 Mang – 4 Đôi nơi – 5 格 Các (?) – 6 nầy tuy (nay tuy) – 7 Anh

119.- NÀNG BẠCH TẤU THƯỢNG-ĐẾ

-- ((Thảo-sinh tư thừa ghìn vâng lời,
Gặp-gỡ chàng Tôn mới kết đôi.
Một gối lạnh-lùng nồng nguyện chửa phỉ,
Hạt phen nàng bẩm nghĩa nào nguôi.
Nhớ xuân để khiến hoa xủi-xụt,
Đeo tuyết cho nên nguyệt ngậm-ngùi.
Những ước lại tròn duyên chếch-mác,
Muôn trông bệ ngọc sự tất-bồi.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

120.- THƯỢNG-ĐẾ HỨA TÁI-HỢP

Từ thấy lời tâu ý xót sao,
Trước sau bên mới phân tiêu-hao.
Trót đà một nghĩa cùng nguyện-ước,
Chỉ để hai phương luống khát-khao.
Tôn Cảo tuy là người hạ-giới,
Thủ-vi xưa cũng khách Thiên-tào.
Lại ban xum-họp duyên hương-lửa,
Cho đúng quân nho sánh má đào.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

XVI Xin lại

I2I.- NÀNG BẠCH BÁI-TẠ

白氏拜謝
張 謝上帝

((Bấy lâu[1] cách -trở luống[2] ngong trộng,
Thể-thống[3] on trên mở[4] rộng dong. 体统
Đền nguyệt những hiềm đeo phận bạc,
Phòng hương mừng lại họp[5] duyên nồng.
Chín lần khơi[6] thẳm dâng muôn lạy,
Nghìn kiếp tôi-ngươi ghín một lòng. 謹
Xin được vẹn bề ân-ái nặng,
Lại[7] cùng chầu-chực chốn thiên-cung.)) 天宮

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

I22.- QUẦN-TIÊN MỪNG KHEN

群仙称賀

((Một niềm[1] khắn-khắn nghĩa chung-tình,
Vàng đá khen ai[2] tiết* thục-trinh. 淑貞
Lầu phượng ắt đà êm gối ngọc,
Phòng loan chi để bụi[3] (ấm) chăn Trình. 程 培 蔭
Luận-tiên[4] chín bệ đà khen sự[5], 論箋
Thế-giới ba nghìn lại nức danh.
Dạn[6] nhé trăm năm nguyền-ước[7] vẹn, 咏
Kíp chầy xin nhớ khách[8] thiên-đình.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

121/ 1 Chầy – 2 Những – 3 Muôn đội – 4 Lại – 5 Bén – 6 Nghiêm – 7 Đều
122) 1 Lòng – 2 Người – 3 Hương lại được ấm – 4 Thiên tào – ~~5~~ Trí – 8 Lại tới chốn
5. ~~Thiên tào 天曹~~ Nhủ – 7 Được

121.- TÒNG-BẠCH BÁI-TẠ

((Bấy lâu cách-trở luống ngong trông.
Thế-thống om trên mở rộng dong.
Đến nguyệt những niềm đeo phận bạc.
Phòng hương mừng lại hợp duyên nồng.
Chín lần khoái thấm dâng muôn lạy.
Nghìn kiếp tôi-người ghìn một lòng.
Xin được vẹn bề ân-ái nặng.
Lại cùng châu-chực chốn thiên-cung.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

122.- QUẦN-TIÊN MỪNG KHEN

((Một niềm khăn-khăn nghĩa chung-tình.
Vâng đã khen ai tiết thục-trinh.
Lầu phượng ắt đà êm gối ngọc.
Phòng loan chi để bụi chan Trình.
Luận-tiên chín bệ đã khen sự.
Thế-giới ba nghìn lại nức danh.
Dặn nhé trăm năm nguyện-ước vẹn.
Kíp chầy xin nhớ khách thiên-đình.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

123.- NÀNG BẠCH XUỐNG QUẢNG XUYÊN

白氏下廣川

Chưa kịp đoàn loan mở tiệc vầy,
Cánh tiên phút đã mấy từng mây.
Trông chừng làng hạnh giong xe nguyệt,
Tới cửa nhà lan dựng gót dày.
Trước mặt thông huyên làm lễ tạ,
Sự mình sau trước mới thưa bày.
Khen ai khấn-khấn lòng vàng đá,
Nghĩa đạo con-người dễ một ngày.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

124.- CHA MẸ KHEN MỪNG

父母慶賀

Mừng được dâu hiền đúng khác ~~xxx~~ người,
Thông huyên đôi khóm núc lòng vui.
Loan nâng phượng ấp (nhấc) ghế chiều lạ,
Nhụy chiếng (chị) hoa chào lắm thức tươi.
Tiệc ngọc xum-vầy đoàn vũ-tạ,
Khúc vàng gióng-giả khách ca-đài.
Tuổi già bõ thủa công mong-mỏi,
Lần ước chi-lan dõi phúc ~~nhà~~ trời.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

123) 1 Dập dã 拉啫 – 2 朝 → 翱 – 3 Ngõ 垟 → 圩 – 4 Đảo hai chữ 杏 終 – 5 Nhẹ
124) 1 Con – 2 Với – 3 惟 → 堆 – 4 Vui cười – 5 Nhấc 扎 – 6 Dấu 醱 – 7 Nguyệt mẻ 月 咲
8 Cười – 9 Sạo 真 – 10 thỏa thừa lòng.

123.- NÀNG BẠCH XUỐNG QUẢNG XUYÊN

Chưa kịp đoàn loan mở tiệc vầy,
Cảnh tiên phút đã mây từng mây.
Trông chừng làng hạnh giong xe nguyệt,
Tới cửa nhà Lan dừng gót dầy.
Trước mặt thông huyên làm lễ tạ,
Sự mình sau trước mới thưa bầy.
Khen ai khăn-khăn lòng vàng đá,
Nghĩa đạo con-người để một ngày.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

124.- CHA MẸ KHEN MỪNG

Mừng được dâu hiền đúng khác người,
Thông huyên đối khóm nức lòng vui.
Loan nâng phượng ấp ghế chiếu lạ,
Nhụy chiếng hoa chào lắm thức tươi.
Tiệc ngọc xum-vầy đoàn vũ-tạ,
Khúc vàng giọng-giả khách ca-đài.
Tuổi già bố thỏa công mong-mỏi,
Lần ước chỉ-lan dõi phúc nhà.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

I25.- LÀNG HỌ TỚI MỪNG

親鄰就賀

Mừng thấy duyên xưa lại thắm[1] nồng,
Gần xa náo-nức thảy[2] vui lòng.
Cửa so[3] đào lý người mừng-rỡ,[4]
Nhà chật trân-châu của đãi-đồng.
Thông cúc xum-vầy[5] đoàn yến họp,[6]
Sanh-ca dáng-dỏi tiệc thung-dung.
Cong khi dan-díu bàn giai lạc,[7]
B____ nguyệt xôn-xao[8] kể xiết cùng.

o-o-o-o-o-o-o-o

I26.- NÀNG BẠCH ĐI TRÀNG-AN

白氏赴長安 京

Từ-tạ song thân, khắp họ-hàng,
Hành-trang sắm-sửa mới lên đàng.
Chen chân dưới võng[1] người đưa-đón,
Theo gót bên xe kẻ vội-vàng.
Mây ruổi[2] mấy tùng lay[3] vẻ nguyệt,
Gió bay[4] nghìn dặm nức mùi hương.
Trông chừng thành-thị kề gang-tấc,
Hoa liễu thêm nhuần[5] thúc điểm-trang.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

125) 1 Lạt lại – 2 Ai chẳng nức – 3 Chen – 4 Xum họp – 5 Đầy vơi – 6 ẩm – 7 Lão – 8 Hoa
126) 1 Gai 穢 – 2 Vén 撥 – 3 Say – 4 Đưa – 5 Nồng

125.- LÀNG HỌ TÔI MỪNG

Mừng thấy duyên xưa lại thắm nồng,
Gần xa nào-nức thấy vui lòng.
Cửa sổ đào lý người mừng-rỡ,
Nhà chật trân-châu của đãi-đồng.
Thông cửa xum-vầy đoàn yến hộp,
Sanh-ca dằng-dội tiệc thung-dung.
Cong khi đan-díu bàn giai lạc,
B___ nguyệt xôn-xao kể xiết cùng.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

126.- NÀNG BẠCH ĐI TRÀNG-AN

Từ-tạ song thân, khắp họ-hàng,
Hành-trang sắm-sửa mới lên đàng.
Chen chân dưới võng người đưa-đón,
Theo gót bên xe kẻ vội-vàng.
Mây ruổi mấy từng lay vẻ nguyệt,
Gió bay nghìn dặm nức mùi hương.
Trông chừng thành-thị kề gang-tấc,
Hoa liễu thêm nhuần thức điểm-trang.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

I27.- NÀNG BẠCH QUA PHI-LAI

白氏過冤來

Đường trường lan đã trải vui chơi,
Phút ngước trông chừng đã tới nơi.
Bóng tháp trong chiền thâu trước mặt,
Tiếng chày trên gác lọt bên tai.
Xôn hoa dương-liễu xênh-xang múa,
B nguyệt đào mai chán-chả cười.
Vui thú xiết bao người giạo cảnh,
Dùng-dằng ai lại biết là ai.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

I28.- NÀNG BẠCH VÀO LỄ PHẬT

白氏入冤來礼佚

Khoan-khoan gót ngọc bước lên lầu,
Khúm-núm ngồi dâng lễ khấu đầu.
Hoa quả cúng dàng no thức lạ,
Kệ-kinh tụng-niệm nhẫn canh thâu.
Ba thân hương lửa lời nguyền chúc,
Hai chữ bình-yên miệng khấn cầu.
Tín kính lòng này chư Phật độ,
Thiện-duyên đà trước lại còn sau.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

1 Danchứ mằng – 2 chốc – 3 chày kềnh – 4 Cột – 5 青扛 – 6 Mẽ – 7 Hoa khúc-khích (chầu)
8 Vãng – 9 Đoá dương 朶楊 – 10 Rằng
1 Ước – 2 Đã

127.- NÀNG BẠCH QUA PHI-LAI

Đường trường lan đã trải vui chơi,
Phát ngược trông chừng đã tới nơi.
Bóng tháp trong chiền thâu trước mặt,
Tiếng chày trên gác lọt bên tai.
Xôn hoa dương-liễu xênh-xang múa,
B nguyệt đào mai chẫn-chả cười.
Vui thú xiết bao người giao cảnh;
Dùng-dằng ai lại biết là ai.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

128.- NÀNG BẠCH VÀO LỄ PHẬT

Khoan-khoan gót ngọc bước lên lầu,
Khúm-núm ngồi dâng lễ khấu đầu.
Hoa quả cúng dâng no thức lạ;
Kệ-kinh tụng-niệm nhẫn canh thâu.
Ba thần hương lửa lời nguyện chúc,
Hai chữ bình-yên miệng khấn cầu.
Tấc kính lòng này chưa Phật độ,
Thiện-duyên đã trước lại còn sau.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

129.- NÀNG BẠCH YẾT TÔN-SU

白氏拜謁尊師

Tụng-niệm chung[1] cơn cạn bống dầu,
Gót dày rén-rén tới thư-lâu.
Sen[2] mây ánh mạt[3] hoa in tuyết,
Liễu lục dun-mềm[4] nguyệt uốn câu.
Công-đức ơn già riêng[5] lạy trước,
Thủy chung nỗi nước[6] ngõ lời[7] sau.
Một niềm nghĩa-khí[8] bằng dường ấy,
Đành át trời[9] công[9], chẳng phụ đâu.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

130.- HUYỀN-TRANG HỎI CHUYỆN

玄莊対話

« Gót tiên từ váng chốn chiền già,
Xiết kể lòng người nỗi xót-xa.
Cứu[1]-hộ những mong thuyền Bát-nhã[2],
Độ-trì hằng niệm kệ Di-đà.
Đã nguyền Thiện-hữu chư bồ-tát,
Lại tụng Nam-mô-phật Thích-ca.
Tam-bảo chứng-minh công-đức ấy,
Phúc người thêm có đẳng-hà-sa. »

o-o-o-o-o-o-o-o-o

129) 1 Nguồn – 2 Tóc – 3 Rợn rợn – 4 Mây liễu dờn dờn – 5 Chuềng – 6 Thiếp
7. Bày – 8 Nặng – 9 Thiên-công 天工
130) 1 Ủng – 2 Cứu khổ

129.- NÀNG BẠCH YẾT TÔN-SƯ

Tụng-niệm chung con cạn bóng dâu,
Gót dày rên-rén tới thư-lâu.
Sen mầy đành mặt hoa in tuyết,
Liễu lục đùn-mềm nguyệt uốn câu.
Công-đức ơn già riêng lạy trước,
Thầy chung nỗi nước ngõ lời sau.
Một niềm nghĩa-khí bằng dường ấy,
Đành ất trời công, chẳng phụ đâu.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

130.- HUYỀN-TRANG HỎI CHUYỆN

« Gót tiên từ vắng chốn chiền già,
Xiết kể lòng người nỗi xót-xa.
Cửu-hộ những mong thuyền Bát-nhã,
Độ-trì hằng niệm kệ Di-đà.
Đã nguyền Thiện-hữu chu bố-tất,
Lại tụng Nam-mô-phật Thích-ca.
Tam-bảo chứng-minh công-đức ấy,
Phúc người thêm có đẳng-hà-sa. »

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

XIX Tái hợp

131.- NÀNG BẠCH GIÃ HUYỀN-TRANG

白氏辞玄莊登程

Gác lâu[1] vừa thủa nện chày kình,
Bách[2] tạ thiền-tang lại phó kinh. 百謝 赴京
Xe nguyệt giập-dìu ngàn liễu-mạch, 習妙. 柳陌
Hương trời[3] ngào-ngạt dặm vân-trình. 雲程
Chiền kia đồng-vọng chuông dâng oản,[4] 同望
Điếm nọ mê-hồ[5] trống điểm canh. 迷胡
Cầu thước phen nầy thênh nhịp bước, 清青
Tấc vuông[6] riêng gưởi khách chung-tình. 寄

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

XIX

132.- NÀNG BẠCH ĐẾN TRÀNG-AN

白氏到長安

Từ thủa[1] thành-đô rén bước vào,
Dần-dà gót ngọc tới lầu cao.
Hương nồng[2] trướng[2] thúy lừng[3] chan gấm,
Hoa nức buồng[4] tiêu đượm[5] áo thao(đào).[6] 椒 桃→絩
Mừng mặt người đua lòng hớn-hở,[7]
Mảng tin nhà chật khách xôn-xao.
Kẻ tam người Lượng còn dường ấy, 三 両
Hà-huống lòng xưa kể xiết bao. 何况

o-o-o-o-o-o-o-o

1 Trên không – 2 Từ 辞 – 3 Mùi hương – 4 Tiếng – 5 Mô 模 – 6 Gang
1 Tới cửa – 2 Pha mơn – 3 Nồng – 4 Ấp phòng – 5 Nức – 6 Đào
7. 喂𠹾

131.- NÀNG BẠCH GIÃ HUYỀN-TRANG

Gác lầu vừa thửa nệm chảy kính,
Bách tạ thiên-tang lại phố kinh.
Xe nguyệt giặp-dìu ngắn liễu-mạch,
Hương trời ngào-ngạt đậm vân-trình.
Chiền kia đồng-vọng chuông đâng oản,
Điếm nọ mê-hồ trống điểm canh.
Cầu thước phen nầy thênh nhịp bước,
Tấc vuông riêng gửi khách chung-tình.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

132.- NÀNG BẠCH ĐẾN TRÀNG-AN

Từ thửa khánh-đô rén bước vào,
Dần-dà gót ngọc tới lầu cao.
Hương nồng trướng thủy lùng chăn gấm,
Hoa nức buồng tiêu đượm áo thao.
Mừng gặt người đua lòng hớn-hở,
Mảng tin nhà chật khách xôn-xao.
Kể tam người Lượng còn đường ấy,
Hà-huống lòng xưa kể xiết bao.

o-o-o-o-o-o-o-o-o

133.- TÔN-SINH BÃI TRIỀU VỀ NHÀ

孫生罷朝回家

Chợt[1] thấy tin lành mảng tiếng xa,
Trong triều chàng mới[2] giạo chân ra.
Lam-cham vó ký giong lần bước, 啉啉
Gióng-giả xe[3] loan thẳng tới nhà.
Hớn-hở chẳng nguôi[4] lòng tưởng nguyệt,
Ngửa-nghiêng thêm một[5] giấc say hoa.
Cong khi phòng động xum vầy họp, 工房洞
Cầm sắt ghế phen dấng khúc hòa.[6]

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

134.- TÔN-SINH THAN TRÁCH

孫生嘆責

((Thề lòng vàng đá vốn khang-khang,
Mây gió khen ai khéo đại-đàng. 代滕
Quế-địch phút từ loan rẽ cánh, 桂驛
Hành-dương luống để nhạn khơi chừng. 衡陽
Ngóng-trông muôn dặm người đôi nước,
Chong bóng năm canh nguyệt nửa vùng.
Nguyền-ước tủi đà[1] lời gắn-bó,
Làm chi ống-lảnh[2] thói hoa trang.)) 䆗另→要→夭

o-o-o-o-o-o-o-o

133) 1. Thoắt 卒 – 2 Đã – 3 Điếm 恬 – 4 Đã tiếng – 5 Độ – 6 Ca
134) 1 律低 trót đây – 2 Uốn có 宛要

133.- TÔN-SINH BÃI TRIỀU VỀ NHÀ

Chợt[1] thấy tin lành mầng tiếng xa,
Trong triều chẳng mới[2] giao chân ra.
Lâm-châm vó ký giong lần bước,
Giống-gả xe[3] loan thẳng tới nhà.
Hớn-hở chẳng người[4] lòng tưởng nguyệt,
Ngửa-nghiêng thêm một[5] giấc say hoa.
Cung khi phòng động xum vầy họp,
Cầm sắt ghế phen đằng khúc hòa.[6]

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

134.- TÔN-SINH THAN TRÁCH

((Thề lòng vàng đá vốn khăng-khăng,
Mây gió khen ai khéo đặt-đằng.
Quế-địch phút từ loan rẽ cánh,
Hành-dương luống để nhạn khơi chừng.
Ngóng-trông muôn dặm người đôi nước,
Chong bóng năm canh nguyệt nửa vừng.
Nguyện-ước tưởng đã[1] lời gắn-bó,
Làm chi ống-lành[2] thói hoa trăng.))

o-o-o-o-o-o-o-o

135.- TÔN-SINH TỰ TÌNH

孫生敘情

((Bóng nguyệt từ phen khuất đóa mây,
Lòng chung sao nặng một riêng-tây.[1]
Thành sầu muôn trượng xây nên đột,[2] 凸
Bể thẳm ba đông[3] chất-chứa đầy.
Nửa gối mơ-màng tin điệp rủ, 喩
Năm canh mong-mỏi nỗi nhàn[4] bay.
Xôn-xao đền quế khi xum-họp,[5]
Có thấu tình chăng[6] nỗi đắng-cay.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

136.- NÀNG BẠCH TỰ TÌNH

白氏敘情

-- ((Chàng đà đo-đắn, thiếp xin tường, 都旦
Há thiếp xưa sau giám phụ chàng.
Trút[1] ngọc vì đà vâng mệnh cả, 律
Vò tơ nên để rối lòng thương.
Năm canh sẩy nhớ lòng hoài-viễn,[2] 怀遠
Chín khúc thêm đau nỗi đoạn-trường.
Những tưởng[3] ba thân đeo ~~mệnh~~ phận[4] bạc,
Hay đâu áo lại đượm mùi hương.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

135) 1 Đây - 2 Dặm trông xây ngất - 3 Thu - 4 Sứ hồng - 5 Vui - 6 Kìa
136) 1 Trao 摔→捽 - 2 Khiển 遣 - 3 Ngỡ - ~~4 Phận~~

孫生敘情

135.- TÔN-SINH TỰ TÌNH

((Bóng nguyệt từ phen khuất đóa mây,
Lòng chung sao nặng một riêng-tây.[1]
Thành sầu muôn trượng[2] xây nên đột,[2]
Bể thảm ba đông[3] chất-chứa đầy.
Nửa gối mơ-màng tin điệp rủ,
Năm canh mong-mỏi nỗi nhàn[4] bay.
Xôn-xao đến quế khi xum-họp,[5]
Có thấu tình chăng[6] nỗi đắng-cay.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

白氏敘情

136.- NÀNG BẠCH TỰ TÌNH

-- ((Chàng đã đo-đắn, thiếp xin tường,
Há thiếp xưa sau giám phụ chàng.
Trút[1] ngọc vì đã vâng mệnh cả,
Vò tơ nên để rối lòng thương.
Năm canh xây nhớ lòng hoài-viễn,[2]
Chín khúc thêm đau nỗi đoạn-trường.
Những tưởng[3] ba thân đeo mệnh bạc,
Hay đâu đó lại đượm mùi hương.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

135) 1 Bây - 2 Đám thành xây ngất - 3 Thu - 4 Sử hồng - 5 Vui - 6 Kia
136) 1 Trao - 2 Khuê - 3 Ngư - 4 Phấn

137.- HAI CON TỰ-THÁN (1Ky) 二子自嘆

((Cảm nỗi sinh sơ luống thẹn-thùng,
Tóc-tơ muôn đội cảm ơn lòng.
Mơ-màng đỉnh Dĩ tình thương-nhớ, 屺
Lai-láng sông Ngân nỗi tưởng-mong.
Những nghĩ họp đoàn nơi Phượng-các,
Nào ngờ vui gót chốn tiên-cung.
Ước xưa kết cỏ đền ơn ấy,
Thơ-yếu thêm thương phận trẻ-trung.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o

138.- VỢ CHỒNG KHEN MỪNG 夫妻慶賀

Một gối đoàn loan[1] lại sánh đôi,
Phỉ lòng khế-khoát, nghĩa xa-xôi.
Bởi[2] duyên hoa liễu say chiều dấu, 醼 罢
Vầy tiệc[3] sanh-ca nổi chén mời. 洜
Mấy khúc tưng-bừng câu đối-đáp,
Nghìn cẩn (cảm)[4] đủ-đẹp[5] trận vui cười. 𧼋 慄
Bồng-hồ Lãng-uyển xưa hằng có, 蓬壺(湖)閬苑
Dường[6] ấy nhân-gian dễ mấy đời.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

137) Bản 林泉奇遇 không chép bài này
138) 1 Uyên ương - 2 Vầy - 3 Tiệc mở? - 4 Cảm - 5 都㨿 -6 Độ 度

137.- HAI CON TỤ-THẦN

((Cảm nỗi sinh sơ luống thẹn-thùng,
Tóc-tơ muôn đội cảm ơn lòng.
Mơ-màng đỉnh Dĩ tình thương-nhớ,
Lai-láng sông Ngân nỗi tưởng-mong.
Những nghĩ hợp đoàn nơi Phượng-các,
Nào ngờ vui gót chốn tiên-cung.
Ước xưa kết cỏ đền ơn ấy,
Thơ-yếu thêm thương phận trẻ-trung.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

138.- VỢ CHỒNG KHEN MỪNG

Một gối đoàn loan lại sánh đôi,
Phỉ lòng khế-khoát, nghĩa xa-xôi.
Bởi duyên hoa liễu say chiều dấu,
Vầy tiệc sanh-ca nối chén mời.
Mấy khúc tung-bừng câu đối-đáp,
Nghìn cân đủ-đẹp trận vui cười.
Bồng-hồ Lãng-uyển xưa hằng có,
Dường ấy nhân-gian dễ mấy đời.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

XX Hiệu vinh

139.- VUA HỎI TÔN-SINH

帝問孫生

((Cõi tục, ngàn tiên cách-trở[1] mây,
Nhân-gian chưa dễ mượn tin bay.
Vì đâu gặp-gỡ ưa duyên ấy ?
Xẩy bỗng[2] sương-siu nỗi-nước[3] nầy.
Vốn đã riêng chung[4] từ thủa trước,
Có sao chểnh-mảng bấy lâu nay.[5]
Bỗng khi xum-họp,[6] khi li-biệt,
Nhưng[7] bởi duyên ai, ngõ được hay.))

霜超

壑嶙

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

140.- TÔN-SINH TÂU VUA

孫生奏帝

((Từ thủa về qua chốn Thạch-tuyền,
Nghỉ chân xẩy gặp khách[1] cung tiên.
Ơn lòng[2] hay gắng đường dung-đãi,
Kết tóc xây nên nghĩa ước-nguyền.
Nửa kỷ bỗng khuây[3] miền thế-giới,
Nam mây[4] lại giạo gót hồ-thiên.
Hay đâu còn đoái ân-tình nặng,
Vậy khiến duyên xưa[5] lại bén duyên.))

壺天

o-o-o-o-o-o-o-o-o

139) 1 Áng – 2 Bỗng xẩy – 3 Nghĩa – 4 chung riêng – 5 Thu chầy – 6 Sao xưa li biệt nay xum họp – 7 Sự
140) 1 Áng – 2 Nặng – 3 Người – 4 Cạnh – 5 mấy

139.- VUA HỎI TÔN-SINH

((Cõi tục, ngàn tiên cách-trở mấy,
Nhân-gian chưa dễ mượn tin bay.
Vì đâu gặp-gỡ ưa duyên ấy :
Xẩy bỗng sương-sìu nổi-nước nầy.
Vốn đã riêng chung tự thuở trước,
Cớ sao chênh-mảng bấy lâu nay?
Bỗng khi xum-họp, khi li-biệt,
Nhưng bởi duyên ai, ngỡ được hay.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

140.- TÔN-SINH TÂU VUA

((Từ thuở về qua chốn Thạch-tuyền,
Nghỉ chân xẩy gặp khách cung tiên.
Ơn lòng hay gắng đường dung-đãi,
Kết tóc xây nên nghĩa ước-nguyền.
Nửa kỷ bỗng khuây miền thế-giới,
Nam mây lại giạo gót hồ-thiên.
Hay đâu còn đoái ân-tình nặng,
Vậy khiến duyên xưa lại bén duyên.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

I4I.- VUA HỎI NÀNG BẠCH

((Vì đâu dun-dẫy phận[1] tơ-hồng ?
Cho đúng giai-nhân kết bạn cùng.
Phòng động đã nguyền người một gối,
Sông Ngân chi để nước đôi dòng ?
Dù trăm năm nữa đàng an phận,
Dễ một ngày ru nỡ[2] quyết lòng.
Dan-díu bởi[3] ai duyên xúc-xủi,
Mà khi lạt-lẽo[4], lại khi nồng ?))

帝問白氏 擾汜 佳人 房洞 促磊

o-o-o-o-o-o-o-o

I42.- NÀNG BẠCH TÂU VUA

-- ((Thiếp xưa vâng mệnh trước lầu son,
Họ Bạch ban cho kết họ Tôn.
Vàng ngọc đã ghi lời chỉ-phản,[1]
Tóc-tơ giám lỗi đạo tôi con.
Lạnh-lùng nửa gối ba thu diễn,
Chất-chứa[2] năm canh một mối buồn.
Gương tạo nay mừng[3] soi chốn khuất,
Cho nên nguyệt khuyết lại phen tròn.))

白氏奏帝 旨判 演 贊蕭

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

141) 1 Mối - 2 Vội - 3 Vì - 4 Nhạt nhẽo
142) 1 Phán chỉ - 2 chở 渚 - 3 Rạng thay 朗台

141.- VUA HỎI NÀNG BẠCH

((Vì đâu dun-dẩy phận tơ-hồng ?
Cho đứng giai-nhân kết bạn cùng.
Phòng động đã nguyện người một gối,
Sông Ngân chi để nước đôi dòng ?
Dù trăm năm nữa đành an phận,
Dễ một ngày ra nỡ quyết lòng.
Dan-díu bởi ai duyên xúc-xắt,
Mà khi lạt-lẽo, lại khi nồng ?))

o-o-o-o-o-o-o-o

142.- NÀNG BẠCH TÂU VUA

-- ((Thiếp xưa vâng mệnh trước lầu son,
Họ Bạch ban cho kết họ Tôn.
Vàng ngọc đã ghi lời chỉ-phấn,
Tóc-tơ giám lỗi đạo tôi con.
Lạnh-lùng nửa gối ba thu điễn,
Chất-chứa năm canh một mối buồn.
Gương tạo nay mừng soi chốn khuất,
Cho nên nguyệt khuyết lại phen tròn.))

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

I43.- VUA BAN SẮC-MỆNH CHO NÀNG BẠCH

Ân-tình dãi hết nỗi [1] duyên-do,
Chiếu phượng ban truyền [2] trước bệ [3] vua.
Sắc ngọc ban [4] làm ngôi mệnh-phụ,
Lòng vàng dốc [5] (bêu) thửa nghĩa tùng phu.
Hiền -thê giá trọng nhà lan-thất,
Thục-nữ danh lừng cõi đế-đô.
Tiên hạc sầu kia ai nỡ để,
Đoái xem sao chẳng thẹn-thùng ru !

1 Sự - 2 Truyền ban - 3 Mặt - 4 Phong - 5 Bêu 驃

命婦 篤從夫 蘭室

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

I44.- TÔN-SINH TẠ VUA

孫生謝帝 拜

Tạ [1] nhèn đã trộm dự tài-bồi,
Muôn đội ơn trên lượng bể trời.
Tiếng ngọc phúc [2] hòa lời bé [3] mọn,
Trông ơn [4] nhuần tới phận xa-xôi.
Cửa thưa [5] vừa đượm duyên hương lửa,
Lều cỏ thêm buồn [6] nghĩa đứng ngồi.
Sư-lịch tài hèn [7] khôn báo-đáp,
Trăm năm thề ghín đạo làm tôi.

謝閔 馥 櫄 愠 櫄 櫟 櫄

1 Thân - 2 Khắp vô? - 3 loài trẻ - 4 Ơn trông - 5 Thu - 6 盎 - 7 mông

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Thủ gỗ xấu, chỉ bầy tỏi bất tài

143.- VUA BAN SẮC-MỆNH CHO NÀNG BẠCH

Ân-tình dát hết nỗi duyên-do,
Chiếu phượng ban truyền trước bệ vua.
Sắc ngọc ban lâm ngôi mệnh-phụ,
Lòng vàng dốc thừa nghĩa tùng phu.
Hiền-tẩ giá trọng nhà lan-thất,
Thục-nữ danh lừng cõi đế-đô.
Tiền bạc sầu kia ai nỡ để,
Đoái xem sao chẳng thẹn-thùng ru :

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

144.- TÔN-SINH TẠ VUA

Tạ nhân đã [illegible] trộm dự tài-bồi,
Muôn đội ơn trên lượng bể trời.
Tiếng ngọc phúc hoà lời bể mọn,
Trông ơn nhuần tới phận xa-xôi.
Của thừa vừa đượm duyên nương lửa,
Lều cỏ thêm buồn nghĩa đứng ngồi.
Sự-lịch tài hèn khôn báo-đáp,
Trăm năm thề gìn đạo làm tôi.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

I45.- NÀNG BẠCH TẠ VUA

白氏謝帝

« Cỏ nội[1] hoa nhèn phận hẩm-hiu,
Muôn trông lượng rộng vợi[2] cao bêu.
Ngọc xôi vẻ tốt vì trau-chuốt,
Hoa nức[3] danh thơm bởi chắt-chiu.
Đồi sự[4] bể hồ lòng ấp-yếm,
Phỉ nguyền[5] tơ chỉ nghĩa thương yêu.[6]
Trăm năm ước vẹn nên nhuần[7] gội,
Ca-tụng cùng vui[8] thủa Thuấn Nghiêu. »

閔 聽 吹 波湖 隨事

o-o-o-o-o-o-o-o-o

I46.- VỢ CHỒNG CÙNG GIÀ[1]

夫妻偕老

Song-song gối phượng sánh[2] hòa đôi,
Mai trúc chen hàng trồi[3] thức tươi.
Vóc[4] ngọc mình[5] vàng tiên dưới nước[6],
Non rồng bể[7] hạc báu trên đời.
Ba thân phú-quí nhờ[8] ơn chúa,
Hai chữ canh-thương dõi phúc[9] trời.
Cửa tía nay mừng trăm ước vẹn,
Nhà lan xum-họp tháng ngày vui.

磊石 鏗鏘 衿 福

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

145) 1 Ấy – 2 Cả trộm – 3 Nở – 4 Đội đức – 5 Duyên – 6 Sương sùi – 7 潤 潤
8 Khúc Nam phong

146) 1 bài B để trước số 113. – 2 Đẹp – 3 Nở – 4 Mình – 5 Vóc – 6 Động – 7 Tuổi rùa tóc
8 如 – 9 Phúc 福

145.- NÀNG BẠCH TẠ VUA

« Cỏ mọi hoa hèn phận hẩm-hiu,
Muôn trông lượng rộng với cao dêu.
Ngọc dồi vẻ tốt vì trau-chuốt,
Hoa nức danh thơm bởi chắt-chiu.
Đội sự bể hồ lòng ấp-yếm,
Phỉ nguyền tơ chỉ nghĩa thương yêu.
Trăm năm ước vẹn nên nhuần gội,
Ca-tụng cùng vui thỏa Thuấn Nghiêu. »

o-o-o-o-o-o-o-o-o

146.- VỢ CHỒNG CÙNG GIÀ

Song-song gối phượng sánh hòa đôi,
Mai trúc chen hàng trổi thức tươi.
Vóc ngọc mình vàng tiên dưới nước,
Non rồng bể hạc báu trên đời.
Ba thân phú-quí nhờ ơn chúa,
Hai chữ ~~xxxxxxx~~ canh-thương đội phúc trời.
Của tía nay mừng trăm ước vẹn,
Nhà lan xum-họp thắng ngày vui.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

XX Hiền minh

I47.- CON CHÁU THỊNH VƯỢNG [1]

子孫昌盛

Nền nhân xây vững [bằng] đắp [tháp] nền vàng,

Quyền trọng ơn thêm vẻ rỡ-ràng.

凭 塔

Hòe quế rườm-rà xum mấy mặt,

Huệ lan chen -chỏi [lời] đồng nghìn hàng .

擅 磊 董

箕 箒

Nhà truyền cơ-trữu dòng trong sạch,

Đời nổi trâm-anh dấu vẻ-vang.

Cội thiện dành ơn cơ tạo-hóa,

Nghìn năm dõi nối nghiệp giàu sang.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

(1) Bản 林泉奇遇 không có bài này. Trái lại cuối có thêm một bài tứ tuyệt một bài ca khúc (~~bổ đề~~?). Chắc người sau mới thêm vào

HẾT

容儀針桃

a) Dung-nghi chầm-chẫm ngự toà sen,
Cốt-cách nầy tựy cốt-cách tiên.
Duyên-nợ oan-tình đến kiếp trước,
Về sau hương lửa rạng sừng thiền

b) Đồn rằng hồn Phi lai ngày trước
Có con cầm 禽 (?) đứng ở khóm cây mai
Chữ Bạch-viên để ở ngang vai,
Người Thượng-đế là tiên đày xuống
Thầy Huyền-tăng từ-bi đức lượng
Vào tụng kinh cho thoát khỏi luân hồi
Kim thoa trao Bạch-viên 猿 một đôi
thầy trò đấy lòng tin không có ngại
Trách con viên ở ra lòng biến-cải
An-đoạn 安鍛 rồi đội nón ra đi
Thấy con mến cảnh lưu-li (流離).

147.- CON CHÁU THỊNH VƯỢNG

Nền nhân xây vững đắp nền vàng,
Quyền trọng ơn thêm vẻ rõ-ràng.
Hòe quế rườm-rà xum mấy mặt,
Huệ lan chen -chồi đông nghìn hàng .
Nhà truyền cơ-trữ dòng trong sạch,
Đời nối trâm-anh dấu vẻ-vang.
Cột thiện dành ơn cơ tạo-hóa,
Nghìn năm dồi nối nghiệp giàu sang.

o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o

HẾT

A . Đã 13
Giã 10,83
Lã 46,54
Nhã 124
Nga 25,53
Qua 99
Sa 106,130
Xa 6,26,114

Ai Ai 7,20,67,80,127
Mai 32

Ay Cay 135
Dày 36
Hay 30,139
Lay 28,31,41
Nay 8
Ngày 113
Tay 12

An Hàn 39
Nhàn 1
than 43

Ang Đang 52
Lãng 15
Nãng 102
Ngang 89
Sang 147
Trang 126
Vang 96
Vãng 112

Anh Cảnh 88
Danh 62
Hành 17
Khanh 116
Thanh 107
Xanh 108

Ao Bao 132
Đào 120
Nào 27

Au Sau 74,128

Ăn Nhắn 94

Ắng chẳng 29,91
Trắng 64,100,134

Ây Đây 21,79,103,29b
Mây 60,84
Nậy 104
Ngày 118
Tây 42,48
Thấy 68,70,93
Xây 85

Ân Chân 23
Gần 63

Âu Đâu 29
Lâu 18
Sâu 115
Sầu 55

En Phen 35

Eo Gieo 37

Ên Bến 59,76
Đến 34

Iên Phiền 75,105
Tiền 69,101
thiên 4
Thiền 3,5,81,82,85

Iêu Yếu 58
Nghiêu 145

Inh Đình 122
Tình 131

Oa Hoà 133

Oan Oan 71

On Con 57
Tròn 142

Ông Lòng 33,38,78

Ôi Bồi 119
Tội 144

ông công ~~97,116~~ 190

Ơ Giờ 11,72
Ngờ 87

Ơi Dời 24,113
Đời 14,138,110b
Trời 50,66

Ư Ru 143

Uây Khuây 9

Uên Quên 73

Ui Nguì 56
Vui 146

Uyên Duyên 117,140
Tuyền 2
Truyền 110

Ung Cung 121
Cũng 61,125
Trung 137

Uôi Nguôi 45

~~Ưng~~

Ươi Mười 65
Người 98

Ương Dương 40
Đường 49,149
Hương 77,136
Lượng 47
Tương 19
Tưởng 22

Ưu Ửu 111

A. Đá 13
Giá 10,83
Lá 46,54
Nhã 124
Ngã 25,53
Qua 99
Sa 106,130
Xa 6,26,144
Ai Ai 7,20,67,80
127
Mai 32
Ang Càng 135
Dàng 36
Hàng 30,139
Làng 28,31,144
Nàng 8
Ngàng 119
Tàng 42
Am. Hàm 39
Khám 4
Thám 43
Ang Đang 52
Lang 15
Nàng 102
Ngang 89
Sang 147
Trang 126
Vang 96
Vàng 112
Anh Cành 85
Danh 62
Hành 17
Khanh 146
Thanh 107
Xanh 108

Ao Bao 132
Đào 120
Nào 27
Âu Sau 74,128
Ân Nhân 94
Âng chẳng 29,91
Tầng 64,100,134
Ây Đây 21,79,103,254
Mây 60,94
Nây 104
Ngày 118
Tây 42,58
Thấy 68,70,93
Xây 85
Ân Chân 23
Gần 63
Âu Đâu 29
Lâu 18
Sâu 115
Sầu 55
Em Thêm 35
Eo Gieo 37
Ên Bên 59,76
Đến 34
Iên Phiên 75,105
Tiên 69,101
Thiên 4
Thiện 3,5,81
82,85
Iêu Yêu 58
Nhiêu 145
Inh Đình 122
Tình 131
Oai Hoài 133
Oan Oan 71

Ơn. Cơn 57
Trơn 142
Ông Công 33,38,78
Ôi Bối 119
Tốt 144
Ông công 93,146 — 190
Ơ Giờ 11,72
Ngờ 87
Ơi Đời 24,113
Đời 14,138,116
Trời 50,66
U Ru 143
Ung Khung 9
Uân Quân 73
Ưi Người 56
Vui 146
Uyên Duyên 117,140
Tuyên 2
Truyền 110
Ưng Cung 121
Cưng 64,125
Trung 137
Ươi Người 45
~~[illegible]~~
Ươi Mười 65
Người 98
Ương Đường 40
Đường 19,149
Hường 77,136
Lường 47
Tường 19
Tưởng 22
Ưu Ưu 141

Cốu 76

Dũ nhẫn

[illegible]

[illegible]

Q-N-1

Tác-giả : Lâm tuyền kỳ ngộ (truyện)

Nhan : 林泉奇遇

Xuất-bản
- Nhà : đanh mục, Khi chữ nôm
- Xứ : chuyện bảy thất ngôn
- Năm :

bát cú

Khổ :

Số quyển :

Số trương :

Hình :

Đồ :

Đóng :

Phiếu thứ : QN 1

Loại : Nôm phiên âm

Mua tại :

Năm :

Giá :

BULAC

116

林臯奇遇

乙

QN

A. Đã 13
Giã 10,83
Lã 46,54
Nhã 124
Nga 25,53
Qua 99
Sa 106,130
Xa 6,26,114

Ai Ai 7,20,67,80
127
Mai 32

Ay Cay 135
Dãy 36
Hay 30,139
Lay 28,31,41
Nay 8
Ngãy 113
Tay 12

An Hãn 39
Nhãn 1
than 43

Ang Dang 52
Lãng 15
Nãng 102
Ngang 89
Sang 147
Trang 126
Vang 96
Vãng 112

Anh Cảnh 88
Danh 62
Hanh 17
Khanh 116
Thanh 107
Xanh 108

Ao Bao 132
Đão 120
Não 27

Au Sau 74,128

Ăn Nhắn 94

Ắng chắng 29,91
Trắng 64,100,134

Ây Đây 21,79,103,29b
Mây 60,84
Nẫy 104
Ngây 118
Tầy 42,48
Thấy 68,70,93
Xây 85

Ẫn Chân 23
Gần 63

Âu Đâu 29
Lâu 18
Sâu 115
Sầu 55

En Phen 35

Eo Gieo 37

Ên Bến 59,76
Đến 34

Iên Phiền 75,105
Tiên 69,101
thiên 4
Thiền 3,5,81
82,85

Iêu Yêu 58
Nghiêu 145

Inh Đình 122
Tình 131

Oa Hoã 133

Oan Oan 71

On Con 57
Tròn 142

Ông Lòng 33,38,78

Ôi Bồi 119
Tội 144

Ông công ~~97, 11b~~ 190

Ơ Giờ 11,72
Ngờ 87

Ởi Dời 24,113
Đời 14,138,110b
Trời 50,66

U Ru 143

Uây Khuây 9

Uên Quên 73

Ui Ngùi 56
Vui 146

Uyên Duyên 117,140
Tuyền 2
Truyền 110

Ung Cung 121
Cưng 61,125
Trung 137

Uôi Nguôi 45

~~Uông~~

Ười Mười 65
Người 98

Ương Dương 40
Đường 49,149
Hương 77,136
Lường 47
Tương 19
Tưởng 22

Ưu Ưu 111